

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
ACB SECURITIES COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: 50.1./CV-ACBS.26

No: 50.1./CV-ACBS.26

TP. HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2026
HCMC, March 25, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Vietnam;*
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange;*
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange;*
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Name of organization: ACB SECURITIES COMPANY

- Mã chứng khoán/ *Stock code:* 006C

- Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh (Trước đây: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh).

Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, HCMC (Formerly: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC)

- Điện thoại: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

Telephone: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

- Người thực hiện công bố thông tin: Võ Đình Nam

Persons making information disclosure: Vo Dinh Nam

Chức vụ: Giám đốc Nhân sự

Position: Chief Human Resources Officer

Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure:*

- Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2025.
ACB Securities Company (ACBS) has disclosed its Annual Report for 2025.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/03/2026 tại đường dẫn: <http://acbs.com.vn>.

This information was published on the company's website on 25 March 2026 as in the link <http://acbs.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Person authorized to disclose information



Yỗ Đình Nam

ACBS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury
số 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Xuân Hòa, TP.HCM

 acbs.com.vn

 028 303 7979

MỤC LỤC

1. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	04	7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	66
2. VỀ ACBS	08	7.1 Ý kiến kiểm toán	
2.1 Thông tin khái quát		7.2 Báo cáo tài chính	
2.2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh		8. KẾ HOẠCH 2026	134
2.3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý		8.1 Triển vọng thị trường 2026	
2.4 Định hướng phát triển		8.2 Kế hoạch phát triển Khối kinh doanh	
2.5 Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và hệ thống quản lý rủi ro tại Công ty		8.3 Kế hoạch phát triển theo xu thế Chuyển đổi số trong 2026	
3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025	26		
3.1 Tình hình hoạt động kinh doanh			
3.2 Tổ chức và nhân sự			
3.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án			
3.4 Tình hình tài chính			
3.5 Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu			
3.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty			
4. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	42		
4.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh			
4.2 Tình hình tài chính			
4.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý			
4.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai			
4.5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán			
4.6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty			
5. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	54		
5.1 Đánh giá của Hội đồng Thành viên về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2025			
5.2 Đánh giá của Hội đồng Thành viên về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty			
5.3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Thành viên			
6. QUẢN TRỊ CÔNG TY	60		
6.1 Hội đồng Thành viên			
6.2 Ban Kiểm soát			
6.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Thành viên, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát			





1 Thông điệp
của **Chủ tịch**
Hội đồng Thành viên

“ Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục
nỗ lực không ngừng
để nâng cao chất lượng dịch vụ,
củng cố vị thế
và xứng đáng là
đối tác tài chính
chuyên nghiệp
của Quý vị trong
chặng đường
phía trước. ”



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Năm 2025 khép lại trong một bối cảnh thế giới đầy biến động, nhưng cũng chính từ những thử thách đó, chúng ta đã thấy được bản lĩnh điều hành của Chính phủ Việt Nam. Nhờ sự vững vàng về thể chế, tăng trưởng GDP 2025 đã đạt con số tăng trưởng ấn tượng **8,02%**. Thị trường chứng khoán Việt Nam cũng liên tục phá vỡ các kỷ lục về thanh khoản và điểm số, khẳng định vị thế là “mạch máu” dẫn vốn quan trọng cho nền kinh tế trước ngưỡng cửa nâng hạng.

Năm 2025: Những dấu ấn từ sự thay đổi

Tại Công ty Chứng khoán ACB (ACBS), chúng tôi không chỉ nhìn vào những con số tăng trưởng mà nhìn vào **giá trị nội tại**. Năm qua là hành trình ACBS quay về bên trong để củng cố nền móng, chuẩn bị cho một chu kỳ bứt phá mới.

Kết quả kinh doanh năm 2025 là minh chứng rõ nét nhất cho sự nỗ lực của tập thể đội ngũ ACBS. **Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.018 tỷ đồng**, tăng trưởng **49%** so với năm 2024. Về công nghệ, ACBS không chạy theo xu hướng một cách hình thức. Việc triển khai hệ thống *Non-prefunding* và trợ lý *AI SMARTY* đều xuất phát từ mong muốn thực tế: giúp khách hàng giao dịch thuận tiện hơn và có những quyết định đầu tư thông thái hơn. Trong điều kiện thị trường còn nhiều biến động, ACBS kiên định với mục tiêu phát triển bền vững, lấy khách hàng làm trung tâm và lấy quản trị rủi ro làm trụ cột xuyên suốt trong mọi hoạt động.

Tầm nhìn năm 2026: Đối tác tin cậy

Bước sang năm 2026, ACBS xác định rõ các định hướng chiến lược:

- Tiếp tục nâng cấp và hoàn chỉnh hệ thống giao dịch (platform) đồng bộ với ACB nhằm nâng cao năng lực phục vụ khách hàng cá nhân tại kênh phân phối.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình môi giới kết hợp với AI nhằm nâng cao năng lực phục vụ khách hàng.
- Tiếp tục đa dạng hoá sản phẩm & dịch vụ, nhất là thị trường vốn cổ phần (ECM) và thị trường vốn nợ (DCM).
- Từng bước xây dựng năng lực tư vấn quản lý gia sản cho phân khúc khách hàng có thu nhập cao (Affluent).
- Tiếp tục hoàn thiện năng lực ngân hàng đầu tư.

Tôi tin rằng, trong một môi trường ngày càng cạnh tranh và phân hóa, đội ngũ tư vấn ACBS sẽ không chỉ dừng lại ở việc bán sản phẩm, mà trở thành những người cộng sự am hiểu, cùng Quý vị kiến tạo và bảo vệ thành quả đầu tư một cách minh bạch và bền vững nhất.

Thay mặt Hội đồng Thành viên Công ty Chứng khoán ACB, tôi trân trọng cảm ơn Quý khách hàng, Quý đối tác và Quý nhà đầu tư đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng Công ty trong suốt thời gian qua. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực không ngừng để nâng cao chất lượng dịch vụ, củng cố vị thế và xứng đáng là đối tác tài chính chuyên nghiệp của Quý vị trong chặng đường phía trước.

Kính chúc Quý khách hàng, Quý đối tác và Quý nhà đầu tư sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

ĐỖ MINH TOÀN

An aerial photograph of a circular lake surrounded by a dense forest. A road curves around the lake, and a bridge crosses it. A building is visible near the bridge. The sky is blue with some clouds. The overall color palette is green and blue.

2

VỀ ACBS

2.1 Thông tin **khái quát**

Tên đầy đủ

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

0302030508

Địa chỉ

**Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu,
phường Xuân Hòa, TP.HCM**

Vốn điều lệ

11.000.000.000.000 VND

(Số vốn bằng chữ: Mười một nghìn tỷ đồng)

Vốn chủ sở hữu

14.269.701.667.638 VND

Tổng tài sản

38.583.644.265.022 VND

 **(028) 7300 7000**

 **(028) 7300 3751**

 **<http://www.acbs.com.vn>**



2000 - 2004

Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép hoạt động 06.UBCK – GPHĐKD cho Công ty TNHH Chứng khoán ACB thành lập với 100% vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Á Châu

Vốn điều lệ ban đầu là **43 tỷ đồng**

Trụ sở chính đặt tại **442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP.HCM**

2005 - 2009

ACBS trải qua **5 lần tăng vốn điều lệ** lần lượt lên **100 tỷ đồng → 250 tỷ đồng → 500 tỷ đồng → 1.000 tỷ đồng → 1.500 tỷ đồng**

Chuyển trụ sở chính đến số 9 Lê Ngô Cát, P. 7, Q.3, TP.HCM. Sau đó là **số 107N Trương Định, P.6, Q.3, TP.HCM**

Ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến, cho phép giao dịch qua Internet với phương thức bảo mật bằng Chứng chỉ số

2010 - 2014

Kỷ niệm **10 năm thành lập Công ty**

Cho ra mắt **Dịch vụ giao dịch qua Tổng đài và nâng cấp thành công Phương thức bảo mật Chứng chỉ số USB Token** cho các giao dịch qua Internet

ACBS được Tạp chí Asiamoney trao tặng **5 danh hiệu về chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất**

Triển khai giải pháp nối điện SWIFT với các ngân hàng lưu ký nước ngoài

13/06/2014, ACBS chuyển đổi Trụ sở chính đến **41 Mạc Đĩnh Chi, P. Đakao, Q.1, Tp. HCM**

2015 - 2019

Được vinh danh trong **top 10 các Công ty Chứng khoán tiêu biểu của TTCK**

Ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới với giá trị “Đáng tin cậy - Thân thiện - Nhạy bén”

Tổ chức Cuộc thi “TRADE PRO” dành cho sinh viên dành cho sinh viên yêu thích chứng khoán thuộc ngành kinh tế - tài chính trên địa bàn Tp. HCM

Được UBND TP.HCM **vinh danh và trao**

tặng bằng khen do có hoạt động xuất sắc nhiều năm liền

Triển khai **hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh**

2020 - 2024

Đánh dấu cột mốc **20 năm thành lập**

Tăng vốn điều lệ nhiều đợt, từ **3.000 tỷ đồng lên 10.000 tỷ đồng (Tháng 1/2025)**

Triển khai thành công **hệ thống giao dịch chứng khoán lõi (core) mới**

Ra mắt và nâng cấp toàn diện nền tảng giao dịch ACBS SMART trên điện thoại và máy tính

Triển khai dịch vụ **mở tài khoản** chứng khoán trực tuyến **bằng eKYC**

Ra mắt sản phẩm chứng quyền có bảo đảm (CW)

Chuyển đổi Trụ sở chính đến **Tòa nhà Léman Luxury (TP.HCM)** và **khai trương Chi nhánh Đông Sài Gòn**, tại TP.HCM

Quá trình hình thành & phát triển

2025

Kỷ niệm **25 năm thành lập** đồng nghĩa với **25 năm đồng hành cùng Thị trường Chứng khoán Việt Nam (29/6/2000 – 29/6/2025)**

Giới thiệu **giao diện website tin tức mới**, được thiết kế hiện đại, thân thiện và tối ưu cho trải nghiệm của cả Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức

Chuyển đổi thành công **hệ thống giao dịch theo hệ thống mới KRX**

Ứng dụng giải pháp cơ sở dữ liệu đám mây, ACBS triển khai thành công **hệ thống core trên nền tảng Oracle Exadata Cloud@Customer**

Ra mắt **AI SMARTY – Hỗ trợ phân tích đầu tư bằng GenAI** trên ứng dụng giao dịch

ACBS lần đầu được trao thưởng và vinh danh hơn **10 giải thưởng chuyên ngành tài chính - chứng khoán trong nước và quốc tế**

2.2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Công ty TNHH Chứng khoán ACB hoạt động với đầy đủ chức năng của một công ty chứng khoán, bao gồm:

Môi giới chứng khoán

Tự doanh chứng khoán

Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Tư vấn đầu tư chứng khoán

Kinh doanh chứng khoán phái sinh

Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

Phát hành chứng quyền có đảm bảo và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có đảm bảo

Dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài Chính.

ACBS có tổng cộng 1 Hội sở tại TP.HCM và 11 chi nhánh/phòng giao dịch trải dài khắp cả nước

• THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội sở

Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP.HCM

Chi nhánh Trương Định

Số 107N Trương Định, phường Xuân Hòa, TP.HCM

Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi

Số 41 Mạc Đĩnh Chi, phường Sài Gòn, TP.HCM

Chi nhánh Chợ Lớn

Số 321- 323 Trần Phú, phường An Đông, TP.HCM

Chi nhánh Đông Sài Gòn

Tầng 3, Tòa nhà số 53-55 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM

PGD Nguyễn Thị Minh Khai

Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bàn Cờ, TP.HCM

Chi nhánh Vũng Tàu

Số 111 Hoàng Hoa Thám (Lầu 2 Lô A3-A8), phường Vũng Tàu, TP.HCM

• THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Số 10 Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, Hà Nội

• HẢI PHÒNG

Số 15 Hoàng Diệu, phường Hồng Bàng, Hải Phòng

• ĐÀ NẴNG

Số 218 Bạch Đằng, phường Hải Châu, Đà Nẵng

• KHÁNH HOÀ

Số 80 Quang Trung, phường Nha Trang, Khánh Hòa

• CẦN THƠ

Số 17-19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ninh Kiều



Vinh danh tiêu biểu trong năm 2025

Trong năm 2025, ACBS hoạt động với nguồn vốn dồi dào và chất lượng cao đến từ ngân hàng mẹ ACB. Dựa trên cơ sở đó, mảng cải tiến công nghệ của ACBS ghi nhận nhiều dấu mốc quan trọng bằng việc chuyển đổi thành công hệ thống giao dịch theo hệ thống mới KRX, ứng dụng giải pháp cơ sở dữ liệu đám mây, Oracle Exadata Cloud@ Customer, cho hệ thống giao dịch lõi và được vận hành ngay tại trung tâm dữ liệu của ACBS.

Ngoài ra, vào tháng 9/2025, ACBS chính gia nhập sân chơi AI bằng **trợ lý phân tích đầu tư SMARTY trên ứng dụng giao dịch**. Với việc khai thác sức mạnh từ dịch vụ Amazon Bedrock của AWS và sử dụng mô hình ngôn ngữ lớn Claude của Anthropic, trợ lý phân tích đầu tư bằng GenAI, mang tên SMARTY, mang đậm dấu ấn của thương hiệu ACBS bằng khả năng kết nối liền mạch với hệ thống, API và nguồn dữ liệu chất lượng cao, giúp SMARTY đưa ra phân tích chuyên sâu, chất lọc kinh nghiệm của đội ngũ chuyên gia phân tích và tư vấn của ACBS.

Kết quả là ACBS lần đầu được trao thưởng và vinh danh **hơn 10 giải thưởng chuyên ngành tài chính - chứng khoán** trong nước và quốc tế.



Tạp chí International Finance



Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Việt Nam - ASEAN 2025



Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Việt Nam - ASEAN 2025



Vietnam Report



Báo Tài chính Đầu tư và Cộng đồng Cổ vấn tài chính Việt Nam (VWA)



Báo Tài chính Đầu tư và Cộng đồng Cổ vấn tài chính Việt Nam (VWA)



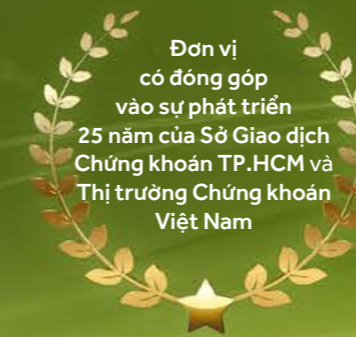
Hiệp hội Doanh nghiệp châu Á (Enterprise Asia)



Hiệp hội Doanh nghiệp châu Á (Enterprise Asia)



Global Financial Market Review



Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE)



Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)

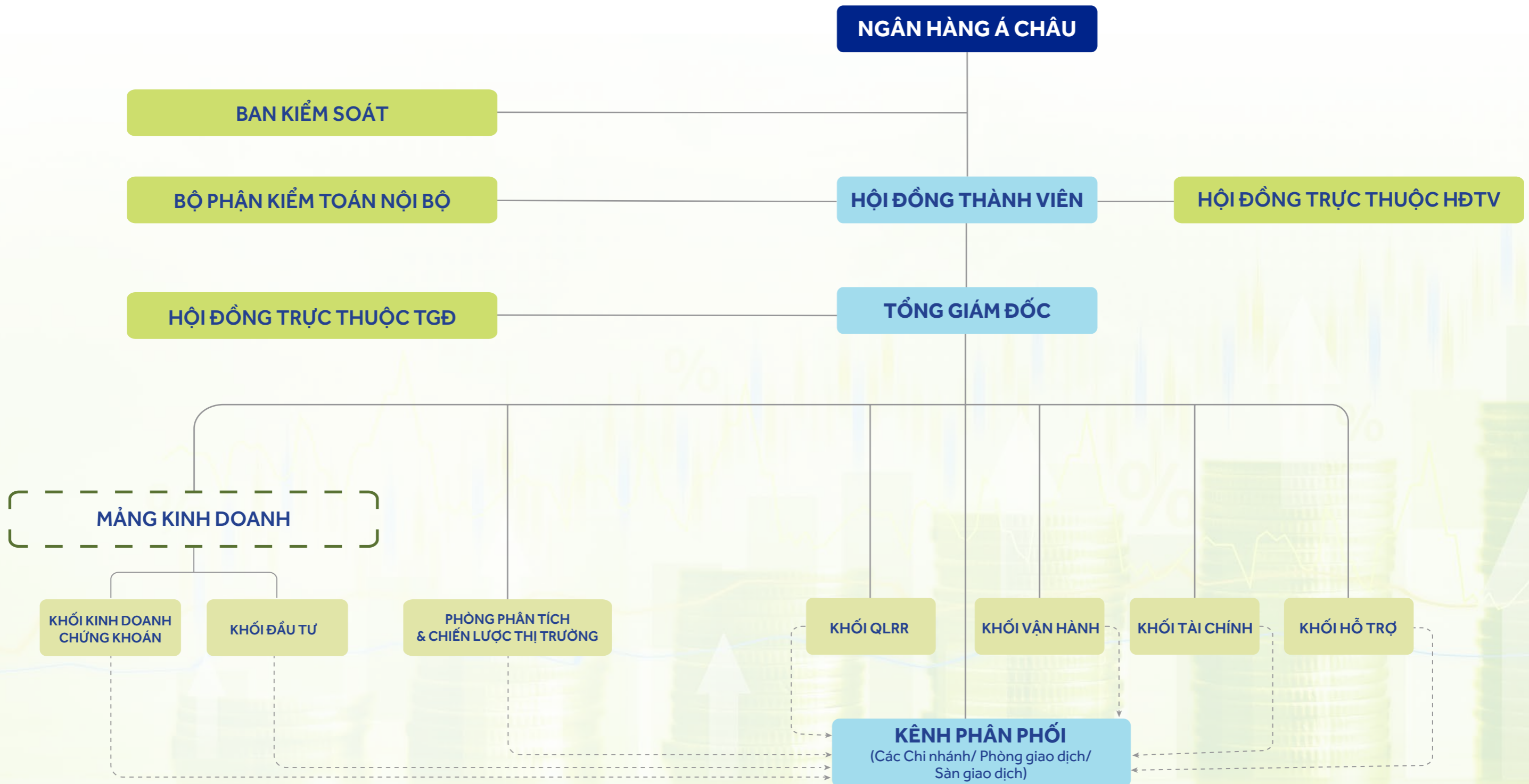
2.3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

ACBS hoạt động với mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, với 100% vốn chủ sở hữu từ Ngân hàng TMCP Á Châu.

Người đại diện Pháp luật là Ông Đỗ Minh Toàn - Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Cơ cấu bộ máy quản lý



Công ty Quản lý Quỹ ACB (ACBC)

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACBC), là Công ty con với 100% vốn từ Công ty TNHH Chứng khoán ACB. ACBC được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 10 năm 2008 với những chức năng và nhiệm vụ như sau:



THÀNH LẬP VÀ QUẢN LÝ CÁC QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN



QUẢN LÝ CÁC DANH MỤC ĐẦU TƯ CHO CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN



HUY ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ CÁC QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ VÀO VIỆT NAM



TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN



2.4 Định hướng phát triển

Trong năm 2026, ACBS định hướng tăng trưởng bền vững dựa trên hiệu quả sử dụng vốn, chuyển đổi số toàn diện và nâng cao chất lượng dịch vụ, nhằm thích ứng linh hoạt với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường. **Công ty tiếp tục mở rộng quy mô kinh doanh vốn gắn với kiểm soát rủi ro và an toàn thanh khoản** và đồng thời đa dạng hóa nguồn huy động trong và ngoài nước để nâng cao tính chủ động về vốn.

Để kinh doanh trong bối cảnh hiện tại, **ACBS tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ, đặc biệt đẩy mạnh phát triển thị trường vốn nợ (DCM) và thị trường vốn cổ phần (ECM)**, qua đó mở rộng năng lực cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng.

ACBS tiếp tục phát triển hệ sinh thái giao dịch số với chính sách phí và lãi suất margin linh hoạt, hệ thống giao dịch ổn định, cá nhân hóa trải nghiệm và ứng dụng AI SMARTY hỗ trợ tư vấn, phân tích đầu tư 24/7.

Trước sự gia tăng nhanh chóng của tầng lớp sở hữu tài sản lớn, **ACBS đẩy mạnh chuyển dịch sang mô hình Tư vấn đầu tư và Quản lý gia sản**, phát triển mạnh mẽ Khách hàng ưu tiên với chính sách margin ổn định, lãi suất cạnh tranh cho khách hàng có NAV trên 30 tỷ đồng, đội ngũ quản lý danh mục chuyên sâu và các sản phẩm tài chính tích hợp tiền gửi, tín dụng và chứng khoán.

Về vận hành, **ACBS tập trung nâng cấp và hoàn thiện hệ thống giao dịch (platform) đồng bộ với ACB**, tích hợp AI trong giao dịch, chăm sóc khách hàng, quản trị nội bộ và tự động hóa quy trình, đồng thời triển khai các sản phẩm mới như giao dịch trái phiếu doanh nghiệp, giải pháp quản lý gia sản và nâng cấp hệ thống theo các chuẩn mực, sản phẩm mới của cơ quan quản lý, tạo nền tảng cho tăng trưởng dài hạn và bền vững.



2.5 Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

Rủi ro pháp lý

Là một trong những công ty chứng khoán được thành lập sớm trên thị trường, ACBS hiểu rằng uy tín và giá trị thương hiệu là tài sản quý giá cần được giữ gìn. Vì vậy, trong quá trình phát triển và phục vụ khách hàng, ACBS nghiêm ngặt tuân thủ pháp luật và minh bạch hóa thông tin.

Trong năm 2025, nhờ triển khai hiệu quả công tác quản trị rủi ro pháp lý xuyên suốt từ khâu nhận diện, phân tích đến việc áp dụng các quy định pháp luật vào thực tiễn vận hành, ACBS đã kịp thời cập nhật và hoàn thiện các chính sách kinh doanh, quy định nội bộ và quy trình nghiệp vụ phù hợp với những thay đổi mới của pháp luật. Tiêu biểu là việc tuân thủ Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 quy định về các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng yêu cầu an toàn tài chính, cũng như Thông tư số 27/2025/TT-NHNN ngày 15/09/2025 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

Đối với ACBS, quản trị rủi ro pháp lý không chỉ là một giá trị văn hóa giúp toàn thể cán bộ nhân viên ở mọi cấp độ đều nhận thức rằng “Sự tuân thủ là nền tảng của lợi nhuận”, mà còn là một lợi thế cạnh tranh, góp phần củng cố niềm tin của khách hàng khi giao dịch tại một tổ chức có nền tảng quản trị vững chắc.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng trong lĩnh vực chứng khoán phát sinh khi công ty chứng khoán không thể xử lý tài sản bảo đảm (chứng khoán) để thu hồi các khoản cho vay thông qua nghiệp vụ giao dịch ký quỹ - một trong những hoạt động kinh doanh trọng yếu tại ACBS.

Tính đến cuối năm 2025, dư nợ cho vay ký quỹ tại ACBS đạt 17.341 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi so với năm 2024, với danh mục ký quỹ đa dạng gồm 198 mã cổ phiếu. Danh mục này được quản lý chặt chẽ và linh hoạt theo diễn biến thị trường, đồng thời được rà soát, đánh giá định kỳ, nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định nội bộ của ACBS về xét duyệt cho vay giao dịch ký quỹ, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng giao dịch nhưng vẫn kiểm soát hiệu quả rủi ro.

Bước sang năm 2026, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô tiềm ẩn nhiều biến động và thị trường chứng khoán có khả năng dao động mạnh, công tác quản trị rủi ro tín dụng tiếp tục được ACBS ưu tiên hàng đầu, vừa đóng vai trò lá chắn bảo vệ an toàn vốn, vừa là nền tảng hỗ trợ tăng trưởng bền vững cho Công ty.

Rủi ro thị trường

Tại ACBS, rủi ro thị trường tác động trực tiếp đến hoạt động tự doanh, cho vay ký quỹ và chất lượng tài sản, đồng thời ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu môi giới và niềm tin của khách hàng.

ACBS đã triển khai đồng bộ các giải pháp kiểm soát rủi ro toàn diện. Trọng tâm chiến lược nằm ở việc siết chặt kỷ luật tuân thủ.

Về quy định	Về quy trình	Về công cụ
Thiết lập khung quản lý rủi ro và các quy định chi tiết.	Chuẩn hóa quy trình phê duyệt và giám sát giao dịch, đảm bảo sự độc lập giữa các bộ phận.	Áp dụng Stress test danh mục thường xuyên và xây dựng sẵn các kịch bản ứng phó (Contingency Plan) để kích hoạt ngay khi có biến động, đảm bảo hoạt động kinh doanh luôn trong tầm kiểm soát an toàn.

Rủi ro thanh toán

Trong hoạt động kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ chứng khoán, rủi ro thanh toán (được hiểu là việc đối tác không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đã cam kết) luôn là trọng tâm giám sát hàng đầu. Để kiểm soát rủi ro này, ACBS áp dụng hệ thống quản trị rủi ro đa lớp: từ việc thẩm định kỹ lưỡng năng lực tài chính của đối tác đến việc thiết lập các hạn mức giao dịch thận trọng và hệ thống quản lý tài sản đảm bảo chặt chẽ.

Rủi ro hoạt động

Tại ACBS, công tác quản lý rủi ro hoạt động bao gồm việc xây dựng khung quản lý rủi ro, ban hành các quy trình nghiệp vụ chuẩn hóa, phân tách chức năng rõ ràng, tăng cường kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế các sự cố có thể phát sinh bởi con người, hệ thống hoặc bởi các yếu tố khách quan bên ngoài như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, v.v... đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục và an toàn dữ liệu khách hàng.

Trong năm 2025, ACBS đã triển khai tính năng thay đổi hạn mức giao dịch ký quỹ tích hợp quy trình định danh điện tử (eKYC), tính năng cho phép khách hàng chủ động điều chỉnh hạn mức giao dịch ký quỹ trực tiếp trên ứng dụng giúp rút ngắn thời gian xử lý, hạn chế việc phải đến quầy giao dịch, qua đó hỗ trợ khách hàng đăng ký và sử dụng dịch vụ một cách nhanh chóng, linh hoạt, đồng thời đảm bảo ACBS quản lý rủi ro chặt chẽ và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành.

Rủi ro thanh khoản

Trước bối cảnh thị trường tài chính có nhiều biến động về lãi suất và dòng tiền, ACBS kiên định duy trì chiến lược quản trị rủi ro thanh khoản chủ động và thận trọng. Công ty đã thiết lập một bộ đệm thanh khoản vững chắc, đảm bảo khả năng chi trả cho mọi nghĩa vụ tài chính và đáp ứng nhu cầu vốn đầy đủ cho các đơn vị kinh doanh. Bên cạnh việc củng cố mạng lưới hạn mức tín dụng đa dạng với các định chế tài chính hàng đầu, ACBS giám sát chặt chẽ các chỉ số an toàn tài chính và khe hở thanh khoản (Liquidity Gaps) theo từng kỳ hạn, từ ngắn hạn đến dài hạn. Hệ thống cảnh báo sớm cho phép Công ty nhận diện và xử lý kịp thời sự lệch pha dòng tiền, kết hợp linh hoạt giữa nguồn vốn tự có dồi dào và hạn mức tín dụng dự phòng. Điều này không chỉ giúp ACBS giảm thiểu rủi ro tái tài trợ mà còn tối ưu hóa chi phí vốn bình quân trong bối cảnh mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng gia tăng.

Chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản của ACBS được áp dụng trong cả điều kiện bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản, bao gồm duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao, quản lý thanh khoản trong ngày, thực hiện đánh giá thường xuyên khả năng tiếp cận nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu thanh khoản. Ngoài ra, các bộ phận chủ động phối hợp với nhau trong việc trong việc cập nhật nhu cầu kinh doanh một cách liên tục, kịp thời ứng phó với những tình huống khẩn cấp.

3 Tình hình hoạt động trong năm 2025



3.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

Trong năm 2025, ACBS đã đạt được nhiều thành công, bảng tổng kết tài sản tăng trưởng cao và lợi nhuận lần đầu tiên vượt mốc 1 nghìn tỷ đồng. Đồng thời chúng tôi duy trì được cấu trúc tài chính lành mạnh, thanh khoản dồi dào và an toàn vốn cao. Cụ thể như sau:

Tổng tài sản đạt

38.584 tỷ đồng

Tăng **48%**

so với cùng kỳ

Cho vay khách hàng đạt

xấp xỉ **17.341** tỷ đồng

Tăng **100%**

so với cùng kỳ

Vay vốn đạt gần

23.173 tỷ đồng

Tăng **1,4 lần**

so với đầu năm

Lợi nhuận trước thuế đạt

1.254 tỷ đồng — Tăng **48%**

so với cùng kỳ

Khả năng sinh lời được cải thiện do

• Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt mức **3,2%**

• Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt mức **8,7%**

Tỷ lệ chi phí hoạt động so với thu nhập

Giảm mạnh chỉ còn **4%**

so với mức **6%** vào cuối năm 2024

Năm 2025 tiếp tục là năm đánh dấu sự bùng nổ hoạt động hợp tác giữa ACBS và các tổ chức tín dụng tại Việt Nam với kết quả nổi bật khi cuối năm 2025, cụ thể ACBS được cấp tổng cộng **trên 50.000 tỷ hạn mức tín dụng** và tiếp tục được nâng cấp cả về chiều sâu và chiều rộng, đảm bảo ACBS luôn có đầy đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và tài trợ cho khách hàng.

ACBS sở hữu **chất lượng tài sản tốt và không phát sinh nợ xấu**



3.2 Tổ chức và nhân sự

Hội đồng Thành viên



Ông **Đỗ Minh Toàn**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Ông Đỗ Minh Toàn được bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT ACBS nhiệm kỳ 2023 - 2028. Hiện ông còn đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Đầu tư, Chủ tịch Hội đồng Nhân sự và Lương thưởng, Chủ tịch Hội đồng Công nghệ thông tin, Chủ tịch Hội đồng Quản lý rủi ro tại Công ty.

Ông Đỗ Minh Toàn gia nhập ACB từ năm 1995 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng, chủ chốt trong tập đoàn. Năm 2012, ông được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Ngân hàng và đảm nhiệm vị trí này trong 3 nhiệm kỳ liên tiếp (9 năm). Hiện ông vẫn kiêm nhiệm các chức vụ quan trọng tại ACB.

Ông Toàn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Columbia Southern, Hoa Kỳ và là Cử nhân ngành Ngân hàng của Đại học Ngân hàng TP.HCM. Ông cũng là Cử nhân Quản trị Ngoại thương của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM và Cử nhân Luật của Trường Đại học Luật TP.HCM.



Ông **Nguyễn Đức Thái Hân**

Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Đức Thái Hân được bổ nhiệm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT ACBS nhiệm kỳ 2023 - 2028. Hiện ông còn giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng ALCO tại Công ty. Bên cạnh đó ông còn kiêm nhiệm chức vụ khác như Chủ tịch Hội đồng Thành viên công ty quản lý quỹ - ACBC.

Ông tham gia công tác tại ACB từ năm 1994 và kiêm nhiệm qua các vị trí Phó Trưởng phòng nghiên cứu và phát triển, Phó Trưởng phòng tín dụng, Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, Trưởng phòng kinh doanh vốn, Trưởng phòng kinh doanh ngoại hối. Từ năm 2008, ông Hân đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc ACB và đồng thời ông được phân công chỉ đạo hoạt động của Khối Thị trường Tài chính và Phó Chủ tịch ALCO của Ngân hàng.

Ông Hân tốt nghiệp Cử nhân Khoa học, ngành Vật lý lý thuyết của Trường Đại học Tổng hợp TP.HCM.



Ông **Trịnh Bảo Quốc**

Thành viên Hội đồng Thành viên

Ông Trịnh Bảo Quốc trở thành Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị của ngân hàng ACB từ tháng 4/2023 và được bổ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT của ACBS nhiệm kỳ 2023 - 2028. Từ năm 2025 ông đảm nhiệm thêm vị trí Thành viên Hội đồng Thành viên ACBC.

Ông Quốc từng công tác tại Avenue Capital Group, Công ty cổ phần Tư vấn và Đào tạo Summa (nay là Công ty cổ phần Giáo dục Summa), Công ty cổ phần Bất động sản Sơn Kim, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank). Ông hiện là Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Đầu tư Công ty TNHH Thiên Hương và thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn KCN Việt Nam.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trường Kinh doanh Berkeley Haas tại Đại học California, Hoa Kỳ. Đồng thời ông cũng là Cử nhân Sinh vật học và Cử nhân Sử học của Trường Đại học Kansas, Hoa Kỳ.



Ông **Huỳnh Duy Sang**

Thành viên Hội đồng Thành viên

Ông Huỳnh Duy Sang được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT ACBS và Thành viên Hội đồng ALCO nhiệm kỳ 2023 - 2028. Năm 2025 ông đảm nhiệm thêm vị trí Thành viên Hội đồng Thành viên ACBC.

Ông Sang hiện là Giám đốc Khối Thị trường tài chính tại ACB. Ông bắt đầu công tác tại Ngân hàng từ tháng 11/2006 với vị trí Chuyên viên kinh doanh ngoại hối và vàng. Trong suốt thời gian công tác tại ACB, ông đã nắm giữ các vị trí quản lý tại ngân hàng, bao gồm Phó giám đốc Trung tâm giao dịch vàng, Giám đốc dự án quản lý kinh doanh ngân quỹ, Phó phòng và Trưởng phòng kinh doanh ngoại hối và vàng.

Ông Sang tốt nghiệp xuất sắc chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính ngân hàng của Đại học Paris Dauphine & ESCP Europe, hiện tại ông cũng đang là thành viên chính thức của Hiệp hội CFA thuộc biên chế Singapore Society trực thuộc CFA Institute US.

Ban Tổng giám đốc

ACB



Ông **Nguyễn Đức Hoàn**

Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hoàn đảm nhiệm vai trò Tổng giám đốc ACBS từ năm 2022. Nhờ sự dẫn dắt và điều hành từ ông Hoàn, Công ty đã ghi nhận nhiều thành tựu vượt bậc nhờ chiến lược kinh doanh hiệu quả và bài bản. Ông ưu tiên hàng đầu là kiểm soát rủi ro, từ việc nhận diện đến xây dựng các hệ thống ngăn chặn để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được giao.

Hiện tại, ông Hoàn đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính Việt Nam và Quốc tế. Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Đại học Leicester và Thạc sĩ Khoa học Tài chính Quốc tế (MSc in Finance) tại Đại học Westminster của Vương quốc Anh.

Ông Hoàn từng công tác tại Ngân hàng Barclays tại Luân Đôn và Ngân hàng Định chế thuộc Ngân hàng MSB.

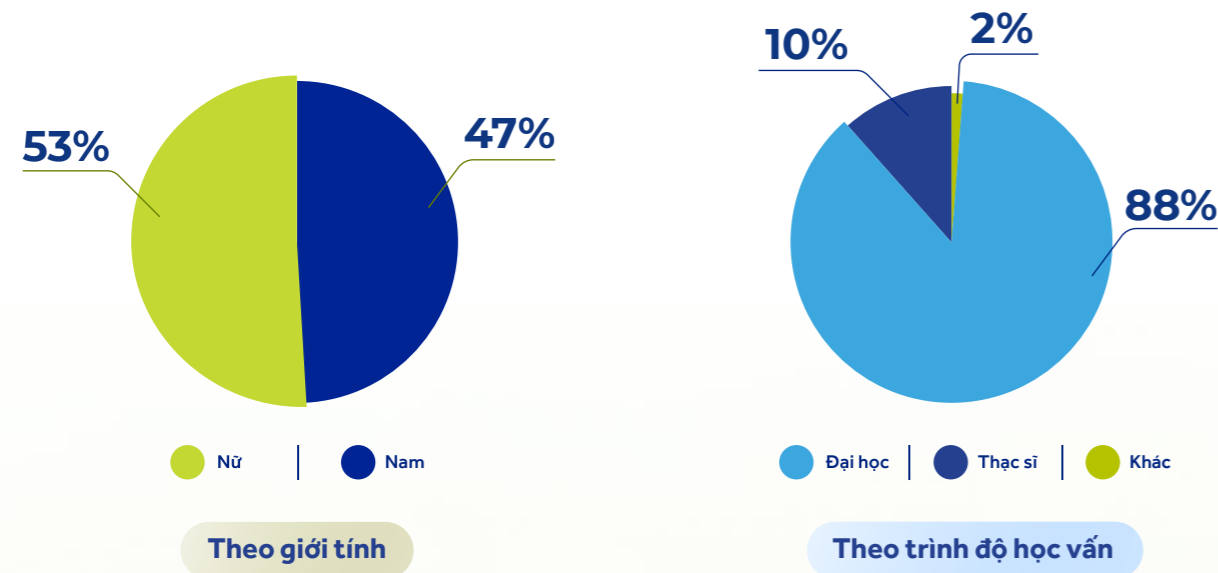
Những thay đổi trong Ban Tổng giám đốc

Tháng 12/2025: Ông Lê Hoàng Tân được miễn nhiệm thôi đảm nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc ACBS



Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2025, ACBS đạt quy mô nhân sự gần **400 nhân viên**, trong đó có 373 nhân sự đạt trình độ đại học và trên đại học, chiếm 98%.



Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Chính sách và hoạt động đãi ngộ người lao động

Với định hướng mang lại chính sách cạnh tranh và phù hợp cho toàn bộ nhân viên, các chế độ đãi ngộ của ACBS được xây dựng dựa trên phân tích và so sánh tham chiếu với thị trường, đảm bảo công bằng, minh bạch và được cập nhật thường xuyên.

Trong năm 2025, ACBS tiếp tục hoàn thiện quy trình quản lý và đánh giá hiệu quả công việc, giúp nhân viên nắm rõ mục tiêu, kỳ vọng và cơ chế khen thưởng tương xứng. Quá trình này không chỉ tạo động lực cho từng cá nhân mà còn định hướng phát triển năng lực, khuyến khích đóng góp chủ động vào kết quả chung của Công ty.

ACBS tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo hiểm dành cho người lao động. Tất cả nhân viên chính thức đều được tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, đảm bảo quyền lợi và an toàn cho người lao động.

Ngoài các chế độ bảo hiểm bắt buộc, ACBS triển khai nhiều phúc lợi bổ sung cho nhân viên, bao gồm bảo hiểm sức khỏe cho cả người thân, bảo hiểm tai nạn 24/24, chương trình vay ưu đãi, quà tặng dịp Tết Trung Thu, lì xì đầu năm, sinh nhật, hiếu hỉ và nhiều chính sách khác. Công ty đặc biệt coi trọng phát triển và bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ quản lý. Bên cạnh các phúc lợi chung, các quản lý xuất sắc còn được hưởng các chính sách vay ưu đãi hấp dẫn và các khoản thưởng phong phú, nhằm ghi nhận và khích lệ những đóng góp quan trọng của họ đối với sự phát triển của ACBS.

ACBS chú trọng nâng cao sức khỏe tinh thần và cân bằng công việc – cuộc sống cho nhân viên thông qua nhiều hoạt động giải trí, thể thao và văn hóa, bao gồm team building, các giải thi đấu thể thao, câu lạc bộ chạy bộ, lớp yoga, sinh nhật công ty, tiệc tất niên và các ngày lễ đặc biệt.



Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn của người lao động

ACBS duy trì các chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể nhân viên và đội ngũ quản lý, nhằm đảm bảo sự an toàn và sức khỏe trong công việc. Bên cạnh đó, nhân viên được tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người, góp phần bảo vệ quyền lợi và nâng cao chất lượng sống cho toàn bộ đội ngũ.

Chính sách và hoạt động đào tạo người lao động

ACBS hiểu rằng nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của Công ty. Do đó, các chính sách và hoạt động đào tạo được triển khai một cách liên tục và có hệ thống, nhằm tạo điều kiện để người lao động thường xuyên cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và định hướng phát triển sự nghiệp trong dài hạn.

ACBS chủ động cập nhật và triển khai các chương trình đào tạo theo xu hướng thị trường, với nội dung và hình thức đa dạng, qua đó khuyến khích tinh thần học tập chủ động và lan tỏa tri thức trong toàn Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ.

Chính sách và hoạt động tuyển dụng người lao động

Chính sách tuyển dụng của ACBS tập trung thu hút và lựa chọn nhân sự có năng lực chuyên môn cao, định hướng phát triển phù hợp với chiến lược dài hạn của Công ty. ACBS tạo môi trường thuận lợi để nhân viên phát huy năng lực và chủ động phát triển sự nghiệp. Mối quan hệ với ứng viên được xây dựng trên nguyên tắc hợp tác và cùng phát triển, hướng đến lợi ích lâu dài của tổ chức và cá nhân.

ACBS tiếp tục đóng vai trò cầu nối tích cực giữa doanh nghiệp và hoạt động giáo dục đại học. Trong năm 2025, Công ty tổ chức các buổi workshop và chương trình thực tập dành cho sinh viên, giúp các bạn tiếp cận kiến thức chuyên môn về tài chính – chứng khoán và trải nghiệm môi trường làm việc thực tế. Các chương trình này không chỉ tạo cơ hội học tập mà còn mở ra cơ hội tuyển dụng công bằng, từ sinh viên mới ra trường đến các ứng viên có kinh nghiệm, góp phần thu hút nguồn nhân lực trẻ, năng động và đam mê ngành chứng khoán đến làm việc lâu dài tại ACBS.

Chính sách và hoạt động phát triển người lao động

Chiến lược nguồn nhân lực ACBS năm 2025 hướng đến phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao, có tư duy đổi mới và năng lực chuyên môn vững vàng. Trọng tâm chính sách là nâng cao khả năng thích ứng của nhân sự trong bối cảnh chuyển đổi số, đồng thời xây dựng lộ trình nghề nghiệp rõ ràng cho từng vị trí nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững và hiệu quả cho người lao động.

Song song đó, ACBS chú trọng phát triển năng lực lãnh đạo và huấn luyện của cấp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, khả năng truyền cảm hứng và dẫn dắt đội ngũ hoàn thành mục tiêu hoạt động.

Thông qua các chương trình khuyến khích đóng góp sáng kiến, ACBS từng bước hình thành văn hóa đổi mới và cải tiến liên tục, tạo điều kiện để người lao động phát huy tư duy sáng tạo, chủ động tham gia nâng cao hiệu quả công việc và giá trị gia tăng cho tổ chức.

3.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

VN-Index khép lại năm 2025 tại 1.784,49 điểm, tăng hơn 40% so với cuối năm 2024 và thiết lập vùng đỉnh lịch sử mới. Thị trường từng chịu tác động tiêu cực từ chính sách thuế quan của Mỹ trong nửa đầu năm, nhưng đã phục hồi rõ nét trong nửa cuối năm nhờ bối cảnh vĩ mô thuận lợi, với đầu tư công được đẩy mạnh, tín dụng được bơm mạnh vào nền kinh tế, cùng với kỳ vọng nâng hạng thị trường chứng khoán ngày càng rõ nét, qua đó củng cố tâm lý nhà đầu tư và hỗ trợ xu hướng tăng chung.

Tuy nhiên, đà tăng của thị trường chưa thực sự đồng đều, khi dòng tiền chủ yếu tập trung vào một số cổ phiếu vốn hóa lớn và một số ngân hàng thương mại tư nhân có câu chuyện tăng trưởng riêng trong giai đoạn cuối năm.

Ngược lại, phần lớn cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ dù ở vùng định giá hấp dẫn nhưng chưa thu hút được dòng tiền quay trở lại, khiến độ lan tỏa thị trường hạn chế và hiệu suất của nhiều nhà đầu tư cũng như các quỹ đầu tư thấp hơn VN-Index và VN30-Index.

Trong bối cảnh thị trường phân hóa cao, Phòng Đầu tư Tự doanh ACBS duy trì chiến lược đầu tư thận trọng và linh hoạt. **Kết thúc năm 2025, ROI đạt 13,9% và ghi nhận mức lợi nhuận tăng trưởng 190% so với năm 2024.** Đồng thời, Phòng đang thử nghiệm và từng bước hoàn thiện các sản phẩm giao dịch thuật toán kết hợp với ETF, tạo nền tảng gia tăng lợi nhuận trong giai đoạn 2026–2030, khi thị trường chứng khoán Việt Nam chính thức được nâng hạng lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp bởi tổ chức FTSE Russell, có hiệu lực vào ngày 21/9/2026, và đón nhận dòng vốn lớn từ nhà đầu tư tổ chức.

**Kết thúc năm 2025, ROI đạt 13,9% và ghi nhận
mức lợi nhuận tăng trưởng 190% so với năm 2024.**



Khoản đầu tư của công ty con (ACBC)

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC) là công ty con của ACBS được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Tại thời điểm cuối năm 2025, ACBC sở hữu

Vốn điều lệ **1.050 tỷ đồng**

Lợi nhuận trước thuế **22,59 tỷ đồng**

Hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty quản lý quỹ chủ yếu dựa trên kết quả cung cấp dịch vụ và đầu tư vốn chủ sở hữu. Năm 2025, ACBC ghi nhận các con số ấn tượng trong kết quả hoạt động như sau:

1.000 tỷ đồng
Mức tăng vốn điều lệ¹

02
Quỹ mở mới ra mắt²

>68%
Tăng trưởng
doanh thu cốt lõi³

~10%
Tăng trưởng
danh mục ủy thác⁴

(1) Với mức vốn điều lệ mới 1.050 tỷ đồng, ACBC trở thành công ty quản lý quỹ có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho các hoạt động kinh doanh trong giai đoạn tới.

(2) Số lượng quỹ mở mới được mở bán ra công chúng (IPO), gồm Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Ổn định ACBC (ACBC-BGF) và Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Chủ động ACBC (ACBC-AGF), qua đó mở rộng hệ sinh thái sản phẩm đầu tư, đa dạng hóa danh mục dịch vụ và gia tăng mức độ nhận diện thương hiệu trên thị trường quản lý quỹ.

(3) Tăng trưởng doanh thu từ hoạt động kinh doanh cốt lõi so với cùng kỳ năm 2024, phản ánh khả năng triển khai chiến lược kinh doanh phù hợp với bối cảnh thị trường.

(4) Tăng trưởng của giá trị danh mục đầu tư ủy thác quản lý, cho thấy mức độ tin nhiệm ngày càng gia tăng của khách hàng, đồng thời khẳng định năng lực tạo lập giá trị bền vững cho nhà đầu tư.



Trong năm 2026, ACBC định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn với các mục tiêu cụ thể như sau:



3.4 Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

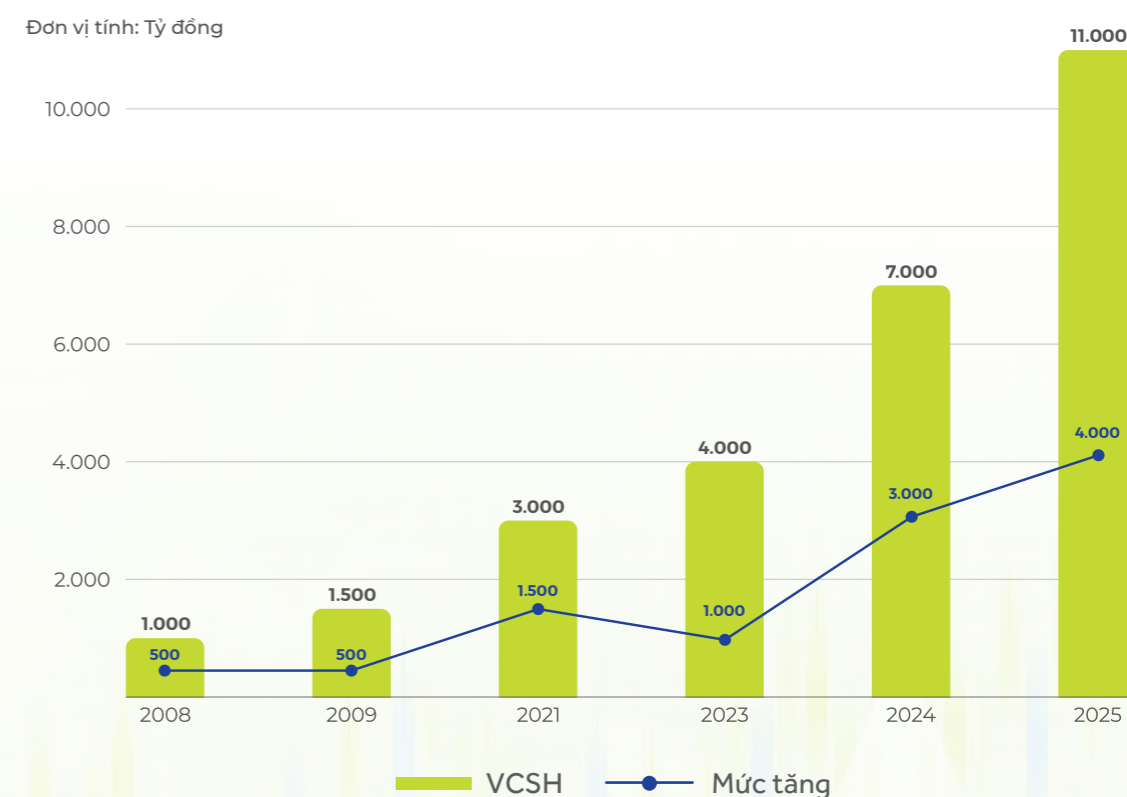
Chỉ tiêu	Năm 2024 (Đvt: tỷ đồng)	Năm 2025 (Đvt: tỷ đồng)	Thay đổi
Tổng giá trị tài sản	26.041	38.584	48%
Doanh thu thuần	2.534	4.614	82%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.005	1.439	43%
Lợi nhuận khác	0,49	0,22	(55%)
Lợi nhuận trước thuế	847	1.254	48%
Lợi nhuận sau thuế	683	1.018	49%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1,5	1,6
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn Hệ số Nợ/ Tổng tài sản Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,6 1,8	0,6 1,7
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	0,1	0,1
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,3 0,09 0,04 0,4	0,2 0,09 0,03 0,3

3.5 Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thành lập từ năm 2000, ACBS đã trải qua 25 năm kinh doanh và phát triển. Trong 2 năm gần đây, công ty đã có 2 lần tăng vốn mạnh mẽ đến từ ngân hàng mẹ, bao gồm: tăng thêm 3.000 tỷ trong năm 2024 và tăng thêm 4.000 tỷ trong năm 2025. Tại ngày 31/12/2025, ACBS có vốn đầu tư của chủ sở hữu đạt 11.000 tỷ đồng.



3.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Hàng năm, ACBS đều xây dựng kế hoạch chi tiết về việc tiêu thụ và sử dụng năng lượng nhằm giám sát chặt chẽ chi phí sử dụng năng lượng để tránh lãng phí và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Năm 2025, ACBS không ghi nhận trường hợp nào liên quan đến vi phạm luật về bảo vệ môi trường.



4 Báo cáo
& Đánh giá
của Ban Tổng Giám Đốc

4.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025 là một năm đầy thách thức với không chỉ các doanh nghiệp chứng khoán mà còn cho cả nền kinh tế Việt Nam và thế giới nói chung. Tuy nhiên chúng tôi đã biến khó khăn thành cơ hội và tự hào khi đạt được những kết quả khả quan như sau:

- Quy mô tổng tài sản tăng gần **1,5 lần** so với cùng kỳ, đạt kỷ lục **38.584 tỷ đồng**.
- Dư nợ cho vay tăng vượt trội, **tăng 100%** so với cùng kỳ, đạt kỷ lục **17.341 tỷ**.
- Nguồn cung vốn đa dạng dồi dào, với tổng dư nợ vay vốn đạt **23.173 tỷ**. Hạn mức tín dụng được cấp bởi các tổ chức tín dụng đạt trên **50.000 tỷ**, đáp ứng đầy đủ, linh hoạt nhu cầu sử dụng vốn của công ty.
- Lợi nhuận trước thuế đạt gần **1,5 lần** so với năm 2024.
- Thị phần môi giới bình quân đạt **2,41%** cả năm.

Ngoài ra trong năm 2025, công ty đã hoàn thành việc nâng cấp core giao dịch chứng khoán cơ sở giúp gia tăng hiệu suất xử lý lệnh nhanh chóng và nhiều tính năng ưu việt hơn nhằm mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.

Khung quản trị và quản lý của Công ty từng bước được xây dựng, nâng cấp. ACBS đảm bảo các rủi ro được quản lý chặt chẽ và hài hòa để thúc đẩy kinh doanh.



4.2 Tình hình tài chính

Tổng kết tài sản

Tổng tài sản

Tài sản tăng trưởng đạt 48%, đạt xấp xỉ 38.584 tỷ đồng. Trong đó, cơ cấu tài sản tiếp tục được quản lý chặt chẽ, gia tăng tài sản sinh lời, đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

Cuối năm 2025, tài sản sinh lời của Công ty đạt xấp xỉ 29.759 tỷ đồng, tương đương 77% tổng tài sản, còn lại chủ yếu là danh mục đầu tư tự doanh và phái sinh.

Tiền gửi ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng đạt 12.418 tỷ, chiếm 32% tổng tài sản. Tiền gửi được quản lý giám sát chặt chẽ, đảm bảo đủ linh hoạt, cởi mở để khuyến khích hoạt động kinh doanh vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản.

Danh mục đầu tư đạt 4.992 tỷ, chiếm 13% tổng tài sản. Hoạt động đầu tư được Hội đồng đầu tư chỉ đạo và giám sát chặt chẽ, chỉ được đầu tư khi hội tụ đủ các tiêu chí theo khẩu vị rủi ro từng thời kỳ và đảm bảo mức lợi kỳ vọng tương ứng với rủi ro hấp thụ.

An toàn vốn

An toàn vốn (tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty được duy trì trên mức 600% tại mọi thời điểm trong năm. Tỷ lệ này cuối năm 2025 là 671%, vượt xa mức quy định là 180%.

Công ty quản lý an toàn vốn theo quy định hiện hành của Bộ Tài Chính và ngân hàng mẹ, đảm bảo vốn của Công ty được quản lý và giám sát chặt chẽ.

Thanh khoản

Thanh khoản của Công ty được duy trì ở mức cao xuyên suốt cả năm, đáp ứng đầy đủ, kịp thời tất cả các nhu cầu kinh doanh của khách hàng và của chính Công ty, đồng thời vẫn duy trì được khả năng sinh lời, chi phí vốn hợp lý.

Cho vay margin & nợ xấu

Danh mục cho vay margin đạt gần 17.341 tỷ, chiếm 45% tổng tài sản. Hoạt động này được Hội đồng cho vay margin giám sát chặt chẽ và được Ban điều hành quản lý, chỉ đạo sát sao, đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng cao cùng với quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ, đảm bảo không phát sinh nợ xấu.

Vay vốn

Số dư vay vốn của Công ty đến cuối năm 2025 đạt gần 23.173 tỷ, tăng 1,4 lần so với cùng kỳ, chiếm 60% tổng nguồn vốn của Công ty, cao nhất từ trước tới nay. Hạn mức tín dụng được cấp bởi các tổ chức tín dụng đạt trên 50.000 tỷ, đáp ứng đầy đủ, linh hoạt nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

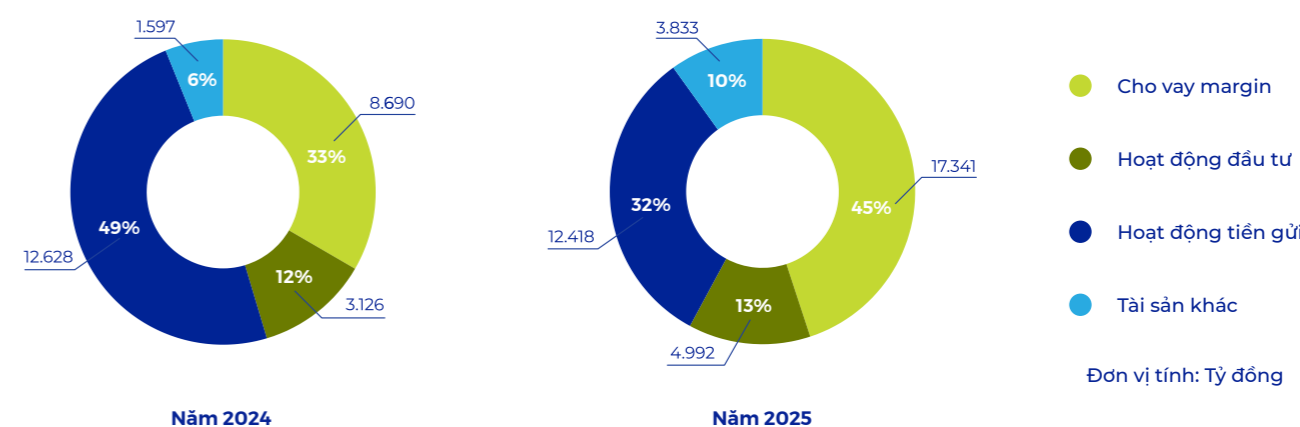
	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Số dư (tỷ đồng)	1.570	2.741	1.343	5.923	16.403	23.173
Vay vốn/TTS	37,9%	36,0%	23,8%	50,3%	63,0%	60,1%

Quy mô vốn chủ sở hữu

Năm 2025, công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 11.000 tỷ từ vốn góp của ngân hàng mẹ, cùng kết quả kinh doanh khả quan, quy mô vốn chủ sở hữu của Công ty đạt xấp xỉ 14.270 tỷ, chiếm 37% tổng nguồn vốn của Công ty.

Vốn chủ sở hữu dồi dào giúp Công ty có thể mở rộng các giới hạn về đầu tư, hạn mức cho vay margin với từng cổ phiếu, khách hàng và duy trì được tỷ lệ an toàn vốn cao.

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
VCSH (tỷ đồng)	2.054	4.094	4.172	5.569	9.252	14.270
Tăng trưởng	9%	99,4%	1,9%	33,5%	66,1%	54,2%



Thu nhập

Thu nhập từ hoạt động cho vay margin và môi giới

Thu nhập từ hoạt động cho vay margin cả năm đạt 1.171 tỷ đồng, tăng 78% so với cùng kỳ và chiếm 25% tổng doanh thu. Bên cạnh đó thu nhập phí môi giới cả năm đạt 453 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2024, chiếm 10% tổng doanh thu.

Bảng Thu nhập từ cho vay margin

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Cho vay margin (tỷ đồng)	180	337	354	344	659	1.171
Tăng trưởng	(6%)	87%	5%	(3%)	92%	78%

Bảng Thu nhập từ môi giới

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Môi giới (tỷ đồng)	205	579	506	326	384	453
Tăng trưởng	37%	183%	(13%)	(36%)	18%	18%

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ hoạt động đầu tư năm 2025 đạt 2.195 tỷ, tăng 1.110 tỷ so với năm 2024, chiếm 48% tổng doanh thu.

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Đầu tư (tỷ đồng)	143	730	443	810	1.085	2.195
Tăng trưởng	20,5%	409,7%	(39,2%)	(82,8%)	33,9%	102,3%

Thu nhập kinh doanh vốn

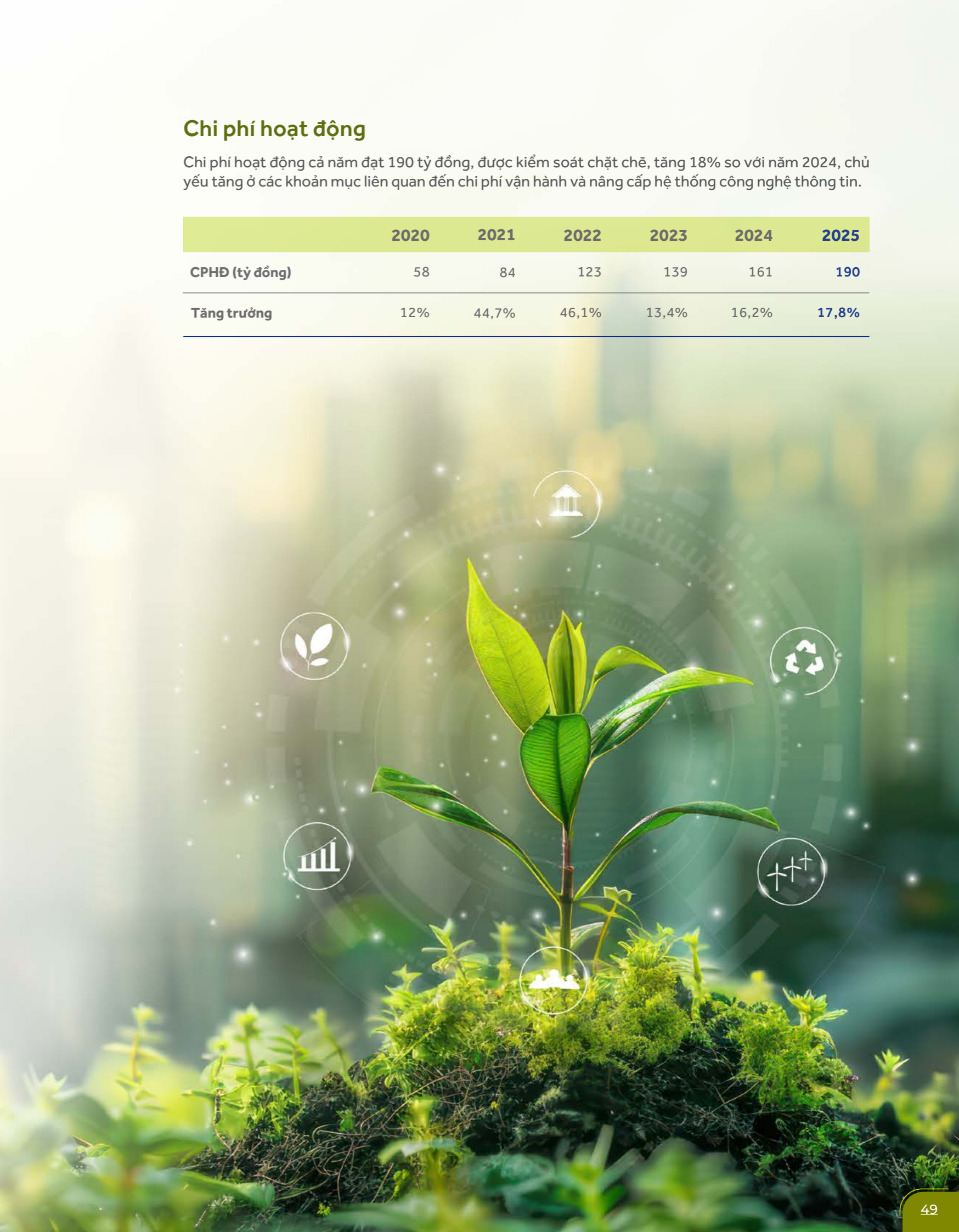
Thu nhập từ kinh doanh vốn là điểm sáng của Công ty trong năm 2025, với doanh thu cả năm đạt 785 tỷ đồng, tăng gần 2 lần so với năm 2024, chiếm 17% tổng doanh thu. Nguyên nhân chủ yếu do năm 2025 Công ty đã tận dụng được thời cơ thị trường khi lãi suất biến động, với nền tảng vốn chủ sở hữu dồi dào và kênh sử dụng vốn đa dạng.

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Kinh doanh vốn (tỷ đồng)	58	61	86	190	401	785
Tăng trưởng	302,6%	6,4%	40,6%	121,3%	110,9%	95,5%

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động cả năm đạt 190 tỷ đồng, được kiểm soát chặt chẽ, tăng 18% so với năm 2024, chủ yếu tăng ở các khoản mục liên quan đến chi phí vận hành và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin.

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
CPHD (tỷ đồng)	58	84	123	139	161	190
Tăng trưởng	12%	44,7%	46,1%	13,4%	16,2%	17,8%



4.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2025, ACBS tiếp tục thực hiện các cải tiến quan trọng về cơ cấu tổ chức, chính sách và công tác quản lý nhằm phù hợp với định hướng phát triển, mở rộng quy mô hoạt động và yêu cầu vận hành của hệ thống sau chuyển đổi core giao dịch.

Công ty đã rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên môn hóa và tăng cường tính phối hợp giữa các đơn vị. Đồng thời bổ sung, hoàn thiện vai trò và trách nhiệm của các bộ phận nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và khả năng ra quyết định.

ACBS đã ban hành, cập nhật và chuẩn hóa các chính sách, quy định, quy trình nghiệp vụ và quy trình phối hợp nội bộ, đáp ứng yêu cầu vận hành của hệ thống mới, các sản phẩm đầu tư và dịch vụ đều được số hoá. Công tác quản lý được tăng cường thông qua việc đẩy mạnh số hóa quy trình, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, nâng cao năng suất lao động. Tiếp tục đầu tư vào công nghệ, nghiên cứu triển khai các sản phẩm mới nhằm cung cấp cho khách hàng trải nghiệm tốt nhất.

Ngoài ra, Công ty chú trọng công tác đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nhân viên, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ, quản trị hệ thống, an toàn thông tin và quản lý rủi ro, nhằm đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, an toàn và phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.



4.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong năm 2026, ACBS tiếp tục triển khai các chương trình và dự án trọng điểm nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển sản phẩm đầu tư, nâng cao trải nghiệm khách hàng và tăng cường năng lực vận hành, quản trị rủi ro. Các kế hoạch và dự án chính dự kiến triển khai bao gồm:

Tiếp tục thông qua các nền tảng trực tuyến và các kênh giao tiếp để khách hàng trải nghiệm sử dụng các AI hỗ trợ giao dịch:

- AI Quant Trading – phân tích và đầu tư theo định lượng
- AI tra cứu thông tin các thị trường: Cổ phiếu, Trái phiếu, ETF, CCQ
- Tích hợp và triển khai các giải pháp AI hỗ trợ chăm sóc khách hàng và tối ưu vận hành

Chính sách thúc đẩy sự phát triển của Môi giới để tăng tính cạnh tranh, đồng thời đưa ra các chính sách chăm sóc xếp loại và ưu đãi khách hàng theo từng phân khúc:

- eKYC khách hàng bằng Chứng thư số (CA) và VNeID
- Giao dịch theo danh mục mẫu
- Phân tích hành vi khách hàng và phân tích hiệu quả đầu tư
- Giải pháp phân hạng khách hàng kết hợp Gamification

Cải tiến quy trình nhằm tiếp cận và hỗ trợ khách hàng tốt hơn

- Tự động hoá các quy trình chăm sóc khách hàng
- Ứng dụng AI hỗ trợ tạo báo cáo linh hoạt cho người dùng nội bộ nhằm cung cấp thông tin kịp thời để hỗ trợ khách hàng nhanh chóng

Triển khai các sản phẩm tài chính mới:

- Hệ thống giao dịch Trái phiếu doanh nghiệp
- Triển khai giải pháp Quản lý gia sản (Wealth Management)

Nâng cấp tính năng của hệ thống giao dịch hiện tại theo sản phẩm các cơ quan chức năng: giao dịch bán chứng khoán chờ về, giao dịch T0, thanh toán theo mô hình CCP, chứng chỉ lưu ký.

4.5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có ý kiến.

4.6 Báo cáo đánh giá liên quan đến **trách nhiệm về môi trường và xã hội** của Công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hàng năm, ACBS đều xây dựng kế hoạch chi tiết về việc tiêu thụ và sử dụng năng lượng (điện, nước, phát thải) nhằm giám sát chặt chẽ chi phí sử dụng năng lượng để tránh lãng phí và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Năm 2025, ACBS không ghi nhận trường hợp nào liên quan đến vi phạm luật về bảo vệ môi trường.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

ACBS tuân thủ các quy định, luật định liên quan đến người lao động. Với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, ACBS không ngừng xây dựng môi trường làm việc hiện đại, khuyến khích sự chia sẻ kinh nghiệm, các ý tưởng mới và tinh thần học hỏi lẫn nhau nhằm tạo động lực tốt cho người lao động nỗ lực làm việc, phát triển bản thân và gắn bó lâu dài với Công ty.



5

Đánh giá
của **Hội Đồng**
Thành Viên
về hoạt động của công ty



5.1 Đánh giá của Hội đồng Thành viên về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2025

ACBS trong năm 2025 tiếp tục tăng trưởng tốt về quy mô tài sản và lợi nhuận. Công ty đảm bảo tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

Thứ nhất, mọi hoạt động trong năm 2025 đều tăng mạnh so với năm 2024 trong bối cảnh thị trường chứng khoán với những dấu ấn tích cực.

- Tổng tài sản đạt xấp xỉ 38.584 tỷ đồng tăng 48% so với cùng kỳ.
- Cho vay khách hàng gần 17.341 tỷ, tăng 100% so với cùng kỳ.
- Vay vốn đạt 23.173 tỷ đồng, tăng gần 1,4 lần so với đầu năm.

Thứ hai, kết quả lợi nhuận cao, lần đầu tiên vượt mốc 1.000 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 1.254 tỷ đồng tăng gần 1,5 lần so với năm 2024.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt mức 3,2%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt mức 8,7%.

Thứ ba, là sự an toàn và cẩn trọng.

- Trong năm 2025 ACBS không phát sinh nợ xấu.
- Các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động doanh nghiệp luôn được ACBS giám sát chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ quy định của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính.
- Tỷ lệ vốn khả dụng hợp nhất được duy trì trên mức 600% tại mọi thời điểm trong năm. Tỷ lệ này năm 2025 là 671%, vượt xa mức quy định là 180%.

Thứ tư, là nâng cấp hệ thống và tính năng.

Trong năm 2025, ACBS đã hoàn thành việc nâng cấp core giao dịch chứng khoán cơ sở, nâng cấp app/web với nhiều tính năng ưu việt hơn nhằm mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.



5.2 Đánh giá của Hội đồng Thành viên về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Hội đồng Thành viên đã tập trung chỉ đạo và kiểm soát Ban Tổng giám đốc thực hiện kế hoạch năm 2025 để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng, an toàn và hiệu quả cho việc triển khai thực hiện chiến lược đến năm 2029. Ban điều hành đã thực hiện nhiệm vụ thành công về các mặt sau:

- ✓ **Đã đạt các chỉ tiêu tăng trưởng về quy mô tài sản, hiệu quả hoạt động, an toàn theo đúng định hướng chiến lược hoạt động 2025 – 2029.**
- ✓ **Cân đối được nguồn vốn và các nguồn lực khác cho các cơ hội kinh doanh và sử dụng vốn linh hoạt, có hiệu quả.**
- ✓ **Đảm bảo các quy định của Pháp luật và quy định nội bộ được tuân thủ chặt chẽ.**
- ✓ **Đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu kinh doanh.**
- ✓ **Xây dựng, củng cố văn hóa kinh doanh năng động và lành mạnh, tạo động lực cho nhân viên đồng hành và gắn kết.**

Hội đồng Thành viên ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc.

5.3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Thành viên

Bước sang năm 2026, ACBS xác định rõ các định hướng chiến lược:

- 1 Tiếp tục nâng cấp và hoàn chỉnh hệ thống giao dịch (platform) đồng bộ với ACB nhằm nâng cao năng lực phục vụ khách hàng cá nhân tại kênh phân phối.
- 2 Tiếp tục hoàn thiện mô hình môi giới kết hợp với AI nhằm nâng cao năng lực phục vụ khách hàng.
- 3 Tiếp tục đa dạng hoá sản phẩm & dịch vụ, nhất là thị trường vốn cổ phần (ECM) và thị trường vốn nợ (DCM).
- 4 Từng bước xây dựng năng lực tư vấn quản lý gia sản cho phân khúc khách hàng có thu nhập cao (Affluent).
- 5 Tiếp tục hoàn thiện năng lực ngân hàng đầu tư.





6 Quản trị Công ty

6.1 Hội đồng Thành viên

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Thành viên

Hội đồng Thành viên nhiệm kỳ 2023-2028 có 04 thành viên theo Nghị quyết số 1661/TCQĐ HĐQT.23 vào ngày 05 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Thành viên gồm

STT	Thành viên	Chức danh
1	Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
2	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch
3	Trịnh Bảo Quốc	Thành viên
4	Huỳnh Duy Sang	Thành viên

Hoạt động của Hội đồng Thành viên

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức tổng cộng **51 phiên họp** (bao gồm họp trực tiếp và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề phát sinh. Hội đồng Thành viên đã ban hành tổng cộng **87 Nghị quyết** và **3 Quyết định** liên quan đến chủ trương, chính sách đối với các hoạt động, tổ chức bộ máy và nhân sự.

Hội đồng Thành viên triển khai các công việc thuộc thẩm quyền thông qua các Hội đồng chuyên môn gồm Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý rủi ro, Hội đồng Nhân sự và Lương thưởng, Hội đồng ALCO, Hội đồng Công nghệ thông tin. Nhân sự của mỗi Hội đồng chuyên môn đảm bảo có ít nhất 2 thành viên Hội đồng Thành viên tham gia nhằm tăng cường năng lực quản trị, kịp thời đưa ra các đề xuất, chỉ đạo theo từng lĩnh vực; tăng cường khả năng giám sát, đảm bảo an toàn, nâng cao hiệu quả trong quá trình hoạt động của ACBS.

Các báo cáo tình hình quản trị công ty định kỳ sáu tháng và cả năm được thực hiện và báo cáo đầy đủ cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Danh sách các thành viên Hội đồng Thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Không áp dụng do ACBS hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn.

6.2 Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát ACBS nhiệm kỳ 2023-2028 có 1 Kiểm soát viên là **ông Huỳnh Hiếu Nghĩa**. Ông tham gia vai trò Kiểm soát viên tại ACBS từ năm 2012.

Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa tốt nghiệp Cử nhân Kế toán Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM và có hơn 23 năm kinh nghiệm công tác trong ngành Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt ông Nghĩa hiện đang đảm trách vị trí Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng TMCP Á Châu.

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động Công ty theo Điều lệ của ACBS, tham dự các buổi họp định kỳ của Hội đồng Thành viên.

ACBS duy trì cơ cấu tổ chức gồm Bộ phận Kiểm toán nội bộ nhằm thực hiện việc kiểm tra, xem xét, đánh giá tính phù hợp, tuân thủ trong quá trình hoạt động của ACBS, kịp thời phát hiện các lỗi phát sinh (nếu có) để kịp thời ngăn chặn và nhanh chóng đưa ra giải pháp khắc phục, đảm bảo hoạt động cho ACBS an toàn, hiệu quả, đúng quy định.



6.3

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Thành viên, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng Thành viên, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát là 15.591.182.000 đồng.

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

ACBS đã thực hiện đầy đủ việc tuân thủ các nguyên tắc về quản trị và điều hành công ty chứng khoán theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với chủ sở hữu là tổ chức, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể, ACBS duy trì cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trong quá trình hoạt động, ACBS đã nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị công ty theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ ACBS, các thông tư hướng dẫn hoạt động của công ty chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trách nhiệm và quyền hạn giữa Chủ sở hữu, Hội đồng Thành viên và Ban Tổng giám đốc được phân định rõ ràng, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ quản trị doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, ACBS đã xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và cơ chế giám sát nhằm phòng ngừa, hạn chế các rủi ro phát sinh cũng như ngăn ngừa xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong các giao dịch với bên liên quan. Công ty đồng thời bảo đảm đội ngũ nhân sự tại các bộ phận nghiệp vụ đáp ứng đầy đủ điều kiện về chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật.

ACBS thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và minh bạch theo quy định, qua đó góp phần nâng cao tính công khai và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của công ty. Trên cơ sở đó, ACBS luôn duy trì khuôn khổ quản trị công ty minh bạch, hiệu quả, bảo đảm an toàn hoạt động và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.





7 Báo cáo Tài chính



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

06/GPHĐKD	ngày 29 tháng 6 năm 2000
56/2001/UBCK-QLKD	ngày 21 tháng 9 năm 2001
71/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 6 tháng 9 năm 2007
77/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 1 tháng 10 năm 2007
105/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 14 tháng 1 năm 2008
464/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 7 năm 2008
150/UBCK-GP	ngày 4 tháng 9 năm 2008
271/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2009
115/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 10 năm 2012
13/GPĐC-UBCK	ngày 13 tháng 6 năm 2014
18/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 8 năm 2014
26/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 7 năm 2017
45/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 6 năm 2021
63/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 8 năm 2022
101/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 10 năm 2022
91/GPĐC-UBCK	ngày 13 tháng 11 năm 2023
96/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 11 năm 2023
05/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 1 năm 2024
03/GPĐC-UBCK	ngày 22 tháng 1 năm 2025
07/GPĐC-UBCK	ngày 4 tháng 4 năm 2025

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh/
Doanh nghiệp số**

0302030508 ngày 29 tháng 6 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302030508 ngày 21 tháng 4 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Duy Sang	Thành viên
Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa	Kiểm soát viên
----------------------	----------------

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoàng Tân	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 11 tháng 12 năm 2025)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch Hội đồng Thành viên
------------------	------------------------------

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury
Số 117 Nguyễn Đình Chiểu
Phường Xuân Hòa
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Chợ lớn

321 - 323 Trần Phú
Phường An Đông
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Trương Định

107N Trương Định
Phường Xuân Hòa
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

**Phòng giao dịch
Nguyễn Thị Minh Khai**

442 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Bàn Cờ
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Đông Sài Gòn

Tầng 3, Tòa nhà số 53-55 Nguyễn Hữu Cánh
Phường Thạnh Mỹ Tây
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi

Lầu 2, Lầu 3 số 41 Mạc Đĩnh Chi
Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội

10 Phan Chu Trinh
Phường Cửa Nam
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng

15 Hoàng Diệu
Phường Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Đà Nẵng

218 Bạch Đằng
Phường Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Chi nhánh Khánh Hòa

80 Quang Trung
Phường Nha Trang
Tỉnh Khánh Hòa
Việt Nam

Chi nhánh Vũng Tàu

111 Hoàng Hoa Thám
Phường Vũng Tàu
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Cần Thơ

17 - 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Phường Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (được gọi chung là “ACBS”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của ACBS tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của ACBS cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.


Đang mặt Ban Tổng Giám đốc
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN
ACB
P. XUAN HOA - T.P. HO CHI MINH

Ông Nguyễn Đức Hoàn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Chủ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) và công ty con (được gọi chung là “ACBS”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 7 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG, một chi nhánh của Công ty TNHH KPMG, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00539-26-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Chứng khoán ACB Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B01 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.412.240.809.574	25.814.514.894.805
I Tài sản tài chính ("TSTC")	110		38.383.723.039.024	25.756.140.325.555
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	2.002.160.996.703	1.537.490.849.303
1.1 Tiền	111.1		1.974.160.996.703	397.476.970.785
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		28.000.000.000	1.140.013.878.518
2 Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	112	7(a)	4.991.942.072.247	3.126.491.965.746
3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	12.389.822.515.145	11.487.895.656.847
4 Các khoản cho vay	114	7(c)	17.340.704.548.896	8.689.759.268.887
5 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	8	(117.475.976.897)	(117.475.981.607)
6 Các khoản phải thu	117	9	1.661.174.112.582	1.018.439.622.409
6.1 Phải thu từ bán tài sản tài chính	117.1		1.241.381.966.000	842.280.911.100
6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC	117.2		419.792.146.582	176.158.711.309
6.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		50.000	50.000
6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		419.792.096.582	176.158.661.309
7 Trả trước cho người bán ngắn hạn	118	10	9.023.896.347	4.708.334.714
8 Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	11	6.822.043.050	4.955.255.753
9 Các khoản phải thu khác	122	12	100.892.323.931	5.174.446.483
10 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	13	(1.343.492.980)	(1.299.092.980)
II Tài sản ngắn hạn khác	130		28.517.770.550	58.374.569.250
1 Tạm ứng	131		113.101.218	94.115.680
2 Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		20.800.000	-
3 Chi phí trả trước ngắn hạn	133	14(a)	27.504.412.586	25.318.265.892
4 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		44.000.000	44.000.000
5 Thuế GTGT được khấu trừ	135		834.879.620	610.131.150
7 Tài sản ngắn hạn khác	137	15	577.126	32.308.056.528

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		171.403.455.448	226.169.134.505
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	51.400.000.000
2 Các khoản đầu tư	212		-	51.400.000.000
2.4 Đầu tư khác	212.4		-	51.400.000.000
II Tài sản cố định	220		82.396.011.971	81.826.936.628
1 Tài sản cố định hữu hình	221	16	56.546.836.060	55.952.497.635
Nguyên giá	222		184.761.085.361	166.748.269.362
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(128.214.249.301)	(110.795.771.727)
2 Tài sản cố định vô hình	227	17	25.849.175.911	25.874.438.993
Nguyên giá	228		87.726.276.871	79.883.698.611
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(61.877.100.960)	(54.009.259.618)
III Xây dựng cơ bản dở dang	240	18	5.120.262.113	1.014.000.000
IV Tài sản dài hạn khác	250		83.887.181.364	91.928.197.877
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		6.480.263.100	7.060.962.100
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	14(b)	42.274.821.118	49.714.235.237
3 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253		77.058.854	128.026.672
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	19(a)	20.000.000.000	20.000.000.000
5 Tài sản dài hạn khác	255	19(b)	15.055.038.292	15.024.973.868
5.1 Tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh	255.1		15.055.038.292	15.024.973.868
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		38.583.644.265.022	26.040.684.029.310

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		24.313.942.597.384	16.788.967.900.810
I Nợ phải trả ngắn hạn	310		24.113.929.597.384	16.788.954.900.810
1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		23.173.380.000.000	16.403.200.000.000
1.1 Vay ngắn hạn	312	20	23.173.380.000.000	16.403.200.000.000
6 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	21	527.140.639.643	171.000.071.633
8 Phải trả người bán ngắn hạn	320	22	122.835.907.749	78.256.907.275
9 Người mua trả trước ngắn hạn	321		60.000.000	60.000.000
10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	23	188.776.860.227	59.821.539.744
11 Phải trả người lao động	323		37.099.281.221	35.037.937.610
12 Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		160.776.979	174.276.489
13 Chi phí phải trả ngắn hạn	325	24	57.655.170.088	34.167.325.968
17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	329		6.820.961.477	7.236.842.091
II. Nợ phải trả dài hạn	340		200.013.000.000	13.000.000
4 Trái phiếu phát hành dài hạn	346	25	200.000.000.000	-
11 Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		13.000.000	13.000.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		14.269.701.667.638	9.251.716.128.500
I Vốn chủ sở hữu	410		14.269.701.667.638	9.251.716.128.500
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		11.000.000.000.000	7.000.000.000.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	26	11.000.000.000.000	7.000.000.000.000
4 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		147.729.332.606	147.729.332.606
5 Quỹ dự phòng tài chính	415		168.979.231.821	168.979.231.821
7 Lợi nhuận chưa phân phối	417		2.952.993.103.211	1.935.007.564.073
7.1 Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		2.909.644.863.506	1.973.624.726.238
7.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	417.2		43.348.239.705	(38.617.162.165)
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		38.583.644.265.022	26.040.684.029.310

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
2 Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ (Số lượng)	002	27(a)	4.050.094	4.050.094
8 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của Công ty và công ty con	008	27(b)	2.912.347.205.000	2.050.773.780.000
9 TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty và công ty con	009		1.920.000	4.826.920.000
10 TSTC chờ về của Công ty	010	27(c)	35.122.575.000	33.817.180.000
12 TSTC chưa lưu ký tại VSDC	012		25.001.750.000	1.750.000
14 Chứng quyền (Số lượng)	014		155.187.200	101.925.100
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021		46.935.664.244.000	37.597.702.210.000
a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		44.201.528.889.000	34.534.739.980.000
b. TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		102.948.680.000	73.383.790.000
c. TSTC giao dịch cầm cố	021.3		856.762.280.000	1.426.093.230.000
d. TSTC phong tỏa	021.4		1.472.261.350.000	1.285.868.580.000
e. TSTC chờ thanh toán	021.5		302.163.045.000	277.616.630.000
2 TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		152.783.350.000	325.683.340.000
a. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		150.127.000.000	287.920.440.000
b. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		2.656.350.000	37.762.900.000
3 TSTC chờ về của Nhà đầu tư	023		266.963.135.000	228.964.180.000
5 TSTC chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư	024b		1.089.364.490.000	1.089.364.490.000
7 Tiền gửi của khách hàng	026		1.392.442.911.050	819.013.957.232
7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	27(d)	717.130.128.558	686.147.204.998
7.1.1 Tiền gửi ký quỹ phái sinh của Nhà đầu tư tại VSDC	027.1		18.299.920.642	26.196.440.758
7.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		597.270.271.140	103.407.538.750
7.4 Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030		59.742.590.710	3.262.772.726

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
8 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031		735.430.049.200	712.343.645.756
8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1		735.430.038.714	712.343.635.257
8.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2		10.486	10.499
9 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	032		56.410.278.299	694.769.299
12 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		3.332.312.411	2.568.003.427

Ngày 2 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh
 Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn (*)
 Tổng Giám đốc

(*) Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 02/GUQ-ACBS.26 ngày 12 tháng 2 năm 2026.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B02 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01		2.195.073.276.614	1.084.980.001.632
<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.1	28(a)	866.878.017.961	473.813.091.216
<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.2	28(b)	1.185.700.350.588	538.069.001.254
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.3	28(c)	95.490.571.607	110.841.928.663
<i>d. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành</i>	01.4	28(b)	47.004.336.458	(37.744.019.501)
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	28(c)	784.559.658.308	401.341.325.347
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	28(c)	1.171.228.688.741	658.935.441.667
1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	28(d)	440.052.880.346	373.059.934.256
1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	28(d)	12.647.088.845	10.542.079.104
1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	28(d)	3.313.741.446	1.112.727.272
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11	28(d)	6.843.782.738	4.428.525.053
Cộng doanh thu hoạt động	20		4.613.719.117.038	2.534.400.034.331
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21		1.775.921.068.047	763.988.626.232
<i>a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.1	28(a)	624.918.372.021	286.341.879.411
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.2	28(b)	1.096.839.337.078	471.558.356.972
<i>c. Chi phí giao dịch mua các TSTC theo FVTPL</i>	21.3		263.410.850	587.996.500
<i>d. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành</i>	21.4	28(b)	53.899.948.098	5.500.393.349
2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	29	1.000.931.517.813	440.012.880.824
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		23.371.304.330	18.051.453.448
2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	30	347.866.427.118	289.320.481.332
2.10 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		16.033.491.833	12.979.675.605
2.11 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		3.687.984.559	2.624.502.065
2.12 Chi phí các dịch vụ khác	32		6.673.488.645	1.936.541.332
Cộng chi phí hoạt động	40		3.174.485.282.345	1.528.914.160.838

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B02 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
III DOANH THU TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		97.128.000	2.629.593
3.2 Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42		4.632.321.253	2.176.911.588
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		4.729.449.253	2.179.541.181
IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		1.159.200	42.326.845
Cộng chi phí tài chính	60		1.159.200	42.326.845
V CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		5.580.453.551	5.383.057.558
VI CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	31	184.655.247.977	156.046.365.904
VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 – 40 + 50 – 60 – 61 – 62)	70		1.253.726.423.218	846.193.664.367
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		875.398.190	868.272.746
8.2 Chi phí khác	72		654.602.746	380.136.049
Kết quả hoạt động khác (80 = 71 – 72)	80		220.795.444	488.136.697
IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) (MANG SANG TRANG SAU)	90		1.253.947.218.662	846.681.801.064

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B02 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN				
TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		1.253.947.218.662	846.681.801.064
(MANG TỪ TRANG TRƯỚC SANG)				
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		1.171.981.816.792	823.415.569.632
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		81.965.401.870	23.266.231.432
X CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		235.961.679.524	163.665.230.023
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	32	235.910.711.706	163.605.796.577
10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	32	50.967.818	59.433.446
XI LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 – 100)	200		1.017.985.539.138	683.016.571.041
XII THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-

Ngày 2 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Phạm Thị Sanh
 Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

Ông Võ Văn Vân
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn (*)
 Tổng Giám đốc

(*) Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 02/GUQ-ACBS.26 ngày 12 tháng 2 năm 2026.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu	Mã số	2025 VND	2024 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	1.253.947.218.662	846.681.801.064
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	(1.026.346.548.519)	(706.636.574.968)
Khấu hao và phân bổ	03	25.904.297.090	24.480.845.506
Các khoản dự phòng	04	44.395.290	99.875
Chi phí lãi vay	06	998.983.116.392	440.005.715.313
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(784.559.096.943)	(401.345.865.332)
Dự thu tiền lãi	08	(1.266.719.260.348)	(769.777.370.330)
3 Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	1.150.739.285.176	477.058.750.321
Lỗi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	1.150.739.285.176	477.058.750.321
4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(1.232.704.687.046)	(500.324.981.753)
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(1.232.704.687.046)	(500.324.981.753)
5 Tổng thay đổi vốn lưu động	30	(10.624.791.372.982)	(12.542.042.618.346)
Tăng các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(1.776.589.092.991)	(1.743.621.337.268)
Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(901.926.858.298)	(6.368.504.993.898)
Tăng các khoản cho vay	33	(8.650.945.280.009)	(4.114.763.050.639)
Giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34	51.400.000.000	10.520.280.000
Tăng phải thu từ bán tài sản tài chính	35	(399.101.054.900)	(822.268.501.100)
Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các TSTC	36	1.807.645.483.383	1.080.384.355.555
Tăng các khoản phải thu	37	(1.866.787.297)	(211.909.631)
Tăng các khoản phải thu khác	39	(95.717.877.448)	(4.185.086.502)
Giảm/(tăng) các tài sản khác	40	32.593.579.970	(24.914.974.162)
Giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(3.881.571.226)	(509.743.678)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	42	5.253.267.425	(29.155.734.968)
Thuế TNDN đã nộp	43	(120.957.326.393)	(148.986.335.168)
Tiền lãi vay đã trả	44	(971.613.701.046)	(435.273.017.372)
Tăng phải trả người bán	45	44.579.000.474	70.347.665.806
(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	(13.499.510)	15.696.310
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	14.001.935.170	7.662.752.769
Tăng/(giảm) phải trả người lao động	48	2.061.343.611	(13.481.020.248)
Tăng/(giảm) phải trả khác	50	340.287.066.103	(5.097.664.152)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(10.479.156.104.709)	(12.425.263.623.682)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu	Mã số	2025 VND	2024 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(26.363.859.596)	(24.901.337.064)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	62	10.111.705	22.539.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(26.353.747.891)	(24.878.797.677)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	4.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn và phát hành trái phiếu dài hạn	73	76.096.880.000.000	41.083.320.000.000
Tiền vay gốc khác	73.2	76.096.880.000.000	41.083.320.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(69.126.700.000.000)	(30.602.637.000.000)
Tiền chi trả nợ gốc vay khác	74.3	(69.126.700.000.000)	(30.602.637.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	10.970.180.000.000	13.480.683.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90	464.670.147.400	1.030.540.578.641
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	1.537.490.849.303	506.950.270.662
▪ Tiền gửi ngân hàng	101.1	397.476.970.785	306.450.270.662
▪ Các khoản tương đương tiền	101.2	1.140.013.878.518	200.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	2.002.160.996.703	1.537.490.849.303
▪ Tiền gửi ngân hàng	103.1	1.974.160.996.703	397.476.970.785
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	28.000.000.000	1.140.013.878.518

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chi tiêu	Mã số	2025 VND	2024 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	118.881.967.849.056	136.037.235.083.551
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(122.760.554.926.098)	(136.051.183.828.570)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	239.504.967.813.082	152.430.476.093.647
(Chi)/thu tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	07.1	(7.896.520.116)	4.175.946.323
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(239.473.984.889.522)	(152.418.964.232.130)
Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	46.086.318.165.756	2.558.778.630.295
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(41.657.388.538.340)	(2.573.701.998.958)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	573.428.953.818	(13.184.305.842)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	819.013.957.232	832.198.263.074
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	819.013.957.232	832.198.263.074
▪ Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	712.343.645.756	696.655.837.916
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	103.407.538.750	129.690.456.910
▪ Tiền gửi của tổ chức phát hành	35	3.262.772.726	5.851.968.248
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	1.392.442.911.050	819.013.957.232

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	2025 VND	2024 VND
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	1.392.442.911.050	819.013.957.232
▪ Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	735.430.049.200	712.343.645.756
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	597.270.271.140	103.407.538.750
▪ Tiền gửi của tổ chức phát hành	45	59.742.590.710	3.262.772.726

Ngày 2 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn (*)
Tổng Giám đốc

(*) Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 02/GUQ-ACBS.26 ngày 12 tháng 2 năm 2026.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B04 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày				Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2024	1/1/2025	31/12/2024		31/12/2025		31/12/2024	31/12/2025
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.000.000.000.000	7.000.000.000.000	3.000.000.000.000	-	4.000.000.000.000	-	7.000.000.000.000	11.000.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	4.000.000.000.000	7.000.000.000.000	3.000.000.000.000	-	4.000.000.000.000	-	7.000.000.000.000	11.000.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	147.729.332.606	147.729.332.606	-	-	-	-	147.729.332.606	147.729.332.606
Quỹ dự phòng tài chính	168.979.231.821	168.979.231.821	-	-	-	-	168.979.231.821	168.979.231.821
Lợi nhuận chưa phân phối	1.251.990.993.032	1.935.007.564.073	683.016.571.041	-	1.017.985.539.138	-	1.935.007.564.073	2.952.993.103.211
Lợi nhuận đã thực hiện (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	1.313.874.386.629 (61.883.393.597)	1.973.624.726.238 (38.617.162.165)	659.750.339.609 23.266.231.432	-	936.020.137.268 81.965.401.870	-	1.973.624.726.238 (38.617.162.165)	2.909.644.863.506 43.348.239.705
	5.568.699.557.459	9.251.716.128.500	3.683.016.571.041	-	5.017.985.539.138	-	9.251.716.128.500	14.269.701.667.638

Ngày 2 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn (*)
Tổng Giám đốc

(*) Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 02/GUQ-ACBS.26 ngày 12 tháng 2 năm 2026.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 6 năm 2000. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 4 năm 2025 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 11.000.000 triệu VND (1/1/2025: 7.000.000 triệu VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cho vay ký quỹ và lưu ký chứng khoán, kinh doanh chứng khoán phái sinh, phát hành chứng quyền có đảm bảo và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có đảm bảo.

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có một (1) công ty con sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (“ACBC”) được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “ACBS”).

(f) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, ACBS có 387 nhân viên (1/1/2025: 381 nhân viên)

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3(e)), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của ACBS là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được ABCS áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ ACBS và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế áp dụng tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính ("TSTC") và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi ACBS trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ ("FVTPL"): xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(f);
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(g); và
- Các khoản phải thu: xem Thuyết minh 3(h).

ACBS phân loại các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ ngoại trừ khoản phải trả chứng quyền có đảm bảo được phân loại là nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

ACBS chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của ABCS đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi ABCS chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao.

ACBS chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi ACBS có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền thuần được ghi nhận và ACBS có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(e) Các TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, ACBS xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán vốn đã đăng ký giao dịch trên Thị trường Công ty Đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán vốn chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với ACBS.

Đối với các loại chứng khoán vốn niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn bao gồm các công cụ phái sinh phải được thanh toán kèm theo các công cụ vốn đó được phân ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá thị trường của trái phiếu là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn của Thông tư số 23/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau:

- Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, Công ty ghi nhận khoản phải trả chứng quyền theo giá phát hành và đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành.
- Chứng quyền được ghi nhận ban đầu theo giá phát hành sau đó cuối kỳ kế toán năm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại tài khoản “Phải trả chứng quyền”. Cuối kỳ kế toán năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm hoặc tăng, chênh lệch sẽ được ghi nhận tương ứng vào thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.
- Chi phí phát hành chứng quyền được ghi nhận vào lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.
- Lãi/(lỗ) tại ngày đáo hạn và mua lại chứng quyền được hạch toán vào lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

(f) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà ACBS có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được ACBS xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được ACBS xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC nắm giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi ACBS thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của ACBS và sự kiện này ACBS không thể dự đoán trước được.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(g) Các khoản cho vay

Cho vay giao dịch ký quỹ là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai ngày giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch âm của giá trị thị trường của tài sản bảo đảm và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trích lập/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng các tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(i) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của ACBS khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình như sau:

▪ Nhà cửa	25 năm
▪ Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ Thiết bị quản lý	3 – 5 năm
▪ TSCĐ hữu hình khác	3 – 6 năm

(k) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí triển khai tài sản cố định vô hình chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(m) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian mà số tiền được trả trước hoặc thời gian hữu dụng ước tính.

(n) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(o) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, ACBS có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(p) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

28

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(r) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(s) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty và công ty con đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng Thành viên theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, ACBS chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính.

(t) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi ACBS nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thường, ACBS chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Doanh thu tiền lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

29

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(iv) Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.

(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp.

(u) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh. Chi phí lãi vay liên quan đến các khoản cho vay được ghi nhận ở chi tiêu “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

(v) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của ACBS nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi ACBS và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của ACBS trong năm trước.

(y) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà ACBS phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà ACBS có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình ACBS sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của ACBS như thế nào, và kiểm toán tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà ACBS gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của ACBS. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của ACBS. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của ACBS. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của ACBS nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, ACBS ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tài sản bảo đảm

Giá trị và loại tài sản bảo đảm yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản bảo đảm và đánh giá tài sản bảo đảm. Các loại tài sản bảo đảm thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản bảo đảm, yêu cầu cung cấp thêm tài sản bảo đảm theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản bảo đảm thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của ACBS tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền:			
▪ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	5	1.974.160.996.703	397.476.970.785
▪ Các khoản tương đương tiền (i)	5	28.000.000.000	1.140.013.878.518
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	7(b)	12.389.822.515.145	11.487.895.656.847
TSTC ghi nhận theo FVTPL (ii)			
▪ Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	7(a)	273.994.520.400	-
▪ Trái phiếu chưa niêm yết do tổ chức tín dụng phát hành	7(a)	518.368.493.000	-
▪ Chứng chỉ tiền gửi	7(a)	30.333.375.991	-
Các khoản cho vay:			
▪ Cho vay giao dịch ký quỹ (iii)	7(c)	17.195.059.799.722	8.556.899.945.896
▪ Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng (iv)	7(c)	145.644.749.174	132.859.322.991
Các khoản phải thu khác:			
▪ Phải thu từ bán TSTC (v)		1.241.381.966.000	842.280.911.100
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC (v)		419.792.146.582	176.158.711.309
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp (v)	11	6.822.043.050	4.955.255.753
▪ Các khoản phải thu khác (v)		100.892.323.931	5.174.446.483
Tài sản ngắn hạn khác	15	577.126	32.308.056.528
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		6.480.263.100	7.060.962.100
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	19(a)	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	19(b)	15.055.038.292	15.024.973.868
		34.365.808.808.216	22.818.109.092.178

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của ACBS chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có bậc tín nhiệm cao. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho ACBS.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành và chứng chỉ tiền gửi của Công ty chủ yếu tại các tổ chức có bậc tín nhiệm cao. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản đầu tư này và không cho rằng các tổ chức này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Cho vay giao dịch ký quỹ

Cho vay giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, tỷ lệ ký quỹ ban đầu không thấp hơn 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt bởi các cấp quản lý và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm tình hình hoạt động kinh doanh của công ty niêm yết, biến động giá và tính thanh khoản của cổ phiếu.

Bộ phận Nghiệp vụ chứng khoán có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi khách hàng không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ tài sản thế chấp trong thời hạn theo lệnh gọi ký quỹ bổ sung, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính quá hạn và bị tổn thất như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ		
▪ Quá hạn từ 3 năm trở lên	117.476.188.907	117.476.188.907

Xem Thuyết minh 8 về dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp.

(iv) Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng

Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng được thu hồi trực tiếp từ VSDC. VSDC là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

VSDC yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản tạm ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, không có số dư nào với VSDC bị quá hạn hoặc chưa thu hồi mà bị suy giảm giá trị.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(v) Các khoản phải thu khác

ACBS giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà ACBS tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà ACBS không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của ACBS là đảm bảo đến mức cao nhất có thể ACBS luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của ACBS.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và khoản thanh toán tiền lãi ước tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	Trên 5 năm VND
Vay ngắn hạn	23.173.380.000.000	23.496.144.230.904	23.496.144.230.904	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	527.140.639.643	527.140.639.643	527.140.639.643	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	122.835.907.749	122.835.907.749	122.835.907.749	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	57.655.170.088	57.655.170.088	57.655.170.088	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.820.961.477	6.820.961.477	6.820.961.477	-	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	200.000.000.000	226.000.000.000	-	226.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	13.000.000	13.000.000	-	-	13.000.000
	24.087.845.678.957	24.436.609.909.861	24.210.596.909.861	226.000.000.000	13.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trên 5 năm VND
Vay ngắn hạn	16.403.200.000.000	16.537.130.508.329	16.537.130.508.329	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	171.000.071.633	171.000.071.633	171.000.071.633	-
Phải trả người bán ngắn hạn	78.256.907.275	78.256.907.275	78.256.907.275	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	34.167.325.968	34.167.325.968	34.167.325.968	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.236.842.091	7.236.842.091	7.236.842.091	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	13.000.000	13.000.000	-	13.000.000
	16.693.874.146.967	16.827.804.655.296	16.827.791.655.296	13.000.000

ACBS quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

ACBS cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với bên cho vay hiện tại.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của ACBS hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà ACBS nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

ACBS có thể phải chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, ACBS không có các số dư từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của ACBS như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	2.002.160.996.703	1.537.490.849.303
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	273.994.520.400	-
Trái phiếu chưa niêm yết do tổ chức tín dụng phát hành	518.368.493.000	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.389.822.515.145	11.487.895.656.847
Các khoản cho vay – gộp	17.340.704.548.896	8.689.759.268.887
Tài sản ngắn hạn khác	577.126	32.308.056.528
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	15.055.038.292	15.024.973.868
Vay ngắn hạn	(23.173.380.000.000)	(16.403.200.000.000)
Trái phiếu phát hành dài hạn	(200.000.000.000)	-

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết do ACBS nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu rủi ro về giá cổ phiếu của ACBS như sau:

	Giá trị hợp lý	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công cụ tài chính có rủi ro về giá cổ phiếu		
Các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL	4.147.827.006.155	3.119.470.229.045
▪ Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	2.195.265.682.155	2.411.349.014.045
▪ Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền do Công ty phát hành	1.952.561.324.000	708.121.215.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 41% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của ACBS lần lượt sẽ tăng/giảm 1.360.487 triệu VND (1/1/2025: nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 12% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của ACBS lần lượt sẽ tăng/giảm 299.469 triệu VND).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	4.991.942.072.247	4.991.942.072.247	3.126.491.965.746	3.126.491.965.746
- Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	2.195.265.682.155	2.195.265.682.155	2.411.349.014.045	2.411.349.014.045
- Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	21.418.676.701	21.418.676.701	7.021.736.701	7.021.736.701
- Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền do Công ty phát hành	1.952.561.324.000	1.952.561.324.000	708.121.215.000	708.121.215.000
- Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	273.994.520.400	273.994.520.400	-	-
- Trái phiếu chưa niêm yết do tổ chức tín dụng phát hành	518.368.493.000	518.368.493.000	-	-
- Chứng chỉ tiền gửi	30.333.375.991	30.333.375.991	-	-
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	2.002.160.996.703	2.002.160.996.703	1.537.490.849.303	1.537.490.849.303
▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	12.389.822.515.145	12.389.822.515.145	11.487.895.656.847	11.487.895.656.847
▪ Các khoản cho vay – thuần (i)	17.223.228.571.999	17.223.228.571.999	8.572.283.287.280	8.572.283.287.280
▪ Các khoản phải thu – thuần (i)	1.659.830.619.602	1.659.830.619.602	1.017.140.529.429	1.017.140.529.429
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp (i)	6.822.043.050	6.822.043.050	4.955.255.753	4.955.255.753
▪ Các khoản phải thu khác (i)	100.892.323.931	100.892.323.931	5.174.446.483	5.174.446.483
▪ Tài sản ngắn hạn khác (i)	577.126	577.126	32.308.056.528	32.308.056.528
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	6.480.263.100	(*)	7.060.962.100	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	(*)	20.000.000.000	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	15.055.038.292	(*)	15.024.973.868	(*)
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Các khoản đầu tư	-	-	51.400.000.000	(*)

38

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ Phải trả chứng quyền có bảo đảm	(517.136.779.000)	(517.136.779.000)	(164.257.748.000)	(164.257.748.000)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn (i)	(23.173.380.000.000)	(23.173.380.000.000)	(16.403.200.000.000)	(16.403.200.000.000)
▪ Phải trả cho các Sở giao dịch chứng khoán và VSDC (i)	(10.003.860.643)	(10.003.860.643)	(6.742.323.633)	(6.742.323.633)
▪ Phải trả người bán (i)	(122.835.907.749)	(122.835.907.749)	(78.256.907.275)	(78.256.907.275)
▪ Chi phí phải trả (i)	(57.655.170.088)	(57.655.170.088)	(34.167.325.968)	(34.167.325.968)
▪ Các khoản phải trả ngắn hạn khác (i)	(6.820.961.477)	(6.820.961.477)	(7.236.842.091)	(7.236.842.091)
▪ Trái phiếu phát hành dài hạn	(200.000.000.000)	(*)	-	-
▪ Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	(13.000.000)	(*)	(13.000.000)	(*)

(i) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này được xem như bằng với giá trị ghi sổ của chúng vì các tài sản và nợ phải trả này có kỳ hạn ngắn.

(*) ACBS chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	1.637.517.881.216	376.120.795.819
Tiền gửi bù trừ và thanh toán	336.643.115.487	21.356.174.966
Các khoản tương đương tiền (i)	28.000.000.000	1.140.013.878.518
	<u>2.002.160.996.703</u>	<u>1.537.490.849.303</u>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là 4,75% (1/1/2025: từ 4,40% đến 4,75%).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2025		2024	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Công ty				
Cổ phiếu	2.907.940.851	26.635.439.959.100	1.265.296.263	15.349.848.774.100
Trái phiếu	1.312.530.000	156.740.225.135.000	704.798.400	79.209.719.381.700
Chứng khoán khác	44.389	6.160.398.260.000	62.796	8.198.486.990.000
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	16.541.534.256	322.047.163.511.814	12.007.195.382	264.230.578.596.195
Trái phiếu	900.595	39.738.050.052.277	30.690	3.514.967.801
Chứng khoán khác	273.334	45.778.784.920.000	226.776	29.048.669.450.000
	<u>20.763.223.425</u>	<u>597.100.061.838.191</u>	<u>13.977.610.307</u>	<u>396.040.818.159.796</u>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản tài chính

(a) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

	31/12/2025		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2025		
	Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	2.278.825.175.029	2.195.265.682.155	70.064.769.833	153.624.262.707	2.195.265.682.155
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	21.418.230.909	21.418.676.701	853.918	408.126	21.418.676.701
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	1.863.356.858.023	1.952.561.324.000	121.605.671.084	32.401.205.107	1.952.561.324.000
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (i)	270.000.000.000	273.994.520.400	3.994.520.400	-	273.994.520.400
Trái phiếu chưa niêm yết do tổ chức tín dụng phát hành (i)	500.000.000.000	518.368.493.000	18.368.493.000	-	518.368.493.000
Chứng chỉ tiền gửi	30.333.375.991	30.333.375.991	-	-	30.333.375.991
	4.963.933.639.952	4.991.942.072.247	214.034.308.235	186.025.875.940	4.991.942.072.247
	1/1/2025		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2025		
	Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	2.483.564.690.997	2.411.349.014.045	67.350.701.962	139.566.378.914	2.411.349.014.045
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	7.021.290.909	7.021.736.701	853.918	408.126	7.021.736.701
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	696.758.565.055	708.121.215.000	19.732.794.470	8.370.144.525	708.121.215.000
	3.187.344.546.961	3.126.491.965.746	87.084.350.350	147.936.931.565	3.126.491.965.746



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

- (i) Bao gồm trong các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 270.000 triệu VND mệnh giá trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và 500.000 triệu VND mệnh giá trái phiếu chưa niêm yết do tổ chức tín dụng phát hành (1/1/2025: không có) được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 20).

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	11.547.272.515.145	-	11.269.270.656.847	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – Chứng quyền (ii)	842.550.000.000	-	218.625.000.000	-
	<u>12.389.822.515.145</u>	<u>-</u>	<u>11.487.895.656.847</u>	<u>-</u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn đáo hạn còn lại từ 1 tháng đến 9 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm từ 3,50% đến 7,90% (1/1/2025: từ 3,30% đến 9,00%).

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm 10.806.973 triệu VND (1/1/2025: 11.268.896 triệu VND) đã được dùng để cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 20).

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư này phản ánh khoản tiền gửi ký quỹ bằng Đồng Việt Nam tại ngân hàng lưu ký (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam) nhằm bảo đảm thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành, có thời hạn đáo hạn còn lại từ 2 tháng đến 10 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm từ 4,80% đến 5,80% (1/1/2025: từ 4,20% đến 5,10%).

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ/ Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ/ Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	17.195.059.799.722	17.077.583.822.825	8.556.899.945.896	8.439.423.964.289
Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng (ii)	145.644.749.174	145.644.749.174	132.859.322.991	132.859.322.991
	<u>17.340.704.548.896</u>	<u>17.223.228.571.999</u>	<u>8.689.759.268.887</u>	<u>8.572.283.287.280</u>

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay giao dịch ký quỹ có xem xét đến giá trị có thể thu hồi của các khoản cho vay đã bị quá hạn trên 3 năm.

- (ii) Giá trị hợp lý của các khoản tạm ứng được xem như bằng với giá trị ghi sổ của chúng vì các khoản tạm ứng này có kỳ hạn ngắn.

PH

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2025		1/1/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	117.476.188.907	117.475.976.897	117.476.188.907	117.475.981.607	
Tại ngày 31/12/2025					
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND (1)	Dự phòng tại ngày 1/1/2025 VND (2)	Dự phòng hoàn nhập trong năm VND (3) = (1) - (2)
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	117.476.188.907	212.010	117.475.976.897	117.475.981.607	(4.710)
Tại ngày 1/1/2025					
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND (1)	Dự phòng tại ngày 1/1/2024 VND (2)	Dự phòng trích lập trong năm VND (3) = (1) - (2)
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	117.476.188.907	207.300	117.475.981.607	117.475.881.732	99.875

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản phải thu

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu bán chứng khoán niêm yết	1.241.381.966.000	842.275.011.100
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ngoài Ngân hàng TMCP Á Châu (“Ngân hàng mẹ”)	269.619.679.785	111.849.691.053
Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	111.505.525.297	54.759.480.729
Lãi dự thu từ Ngân hàng mẹ	36.566.891.500	7.467.989.527
Dự thu cổ tức – cổ phiếu niêm yết	2.100.000.000	2.081.500.000
Khác	50.000	5.950.000
	1.661.174.112.582	1.018.439.622.409

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ứng trước tiền mua và sửa chữa hệ thống phần mềm	5.462.383.000	1.981.933.600
Trả trước tiền thuê văn phòng	1.232.048.233	-
Sửa chữa và thiết kế văn phòng	57.111.600	78.086.400
Khác	2.272.353.514	2.648.314.714
	9.023.896.347	4.708.334.714

11. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.325.289.905	3.257.318.537
Phải thu từ hoạt động tư vấn	2.132.000.000	1.189.000.000
Khác	364.753.145	508.937.216
	6.822.043.050	4.955.255.753

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

12. Các khoản phải thu khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải thu từ hoạt động mua chứng chỉ quỹ (i)	100.000.000.000	-
Phải thu khác	892.323.931	5.174.446.483
	100.892.323.931	5.174.446.483

- (i) Số dư này liên quan đến hoạt động mua chứng chỉ quỹ của 2 quỹ đại chúng là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Chủ động ACBC (“ACBC-AGF”) và Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Ổn định ACBC (“ACBC-BGF”). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, hai quỹ này đang trong gian đoạn chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng của hai quỹ này do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 1 năm 2026.



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu	1.447.092.980	1.343.492.980	1.299.092.980	1.299.092.980
Tại ngày 31/12/2025				
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng tại ngày 1/1/2025 VND	Dự phòng trích lập trong năm VND
			(2)	(3) = (1) - (2)
Các khoản phải thu	1.447.092.980	103.600.000	1.299.092.980	44.400.000
Tại ngày 1/1/2025				
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng tại ngày 1/1/2024 VND	Dự phòng trích lập trong năm VND
			(2)	(3) = (1) - (2)
Các khoản phải thu	1.299.092.980	-	1.299.092.980	-

PH
KẾ
NG
H
2025

11/12/2025

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí phần mềm	8.352.536.441	8.917.517.071
Chi phí hệ thống máy chủ	226.080.000	13.043.172.700
Chi phí khác	18.925.796.145	3.357.576.121
	27.504.412.586	25.318.265.892

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Sửa chữa văn phòng VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	9.587.219.849	34.540.171.072	5.586.844.316	49.714.235.237
Tăng trong năm	3.234.692.664	7.346.913.182	9.935.665.705	20.517.271.551
Phân bổ trong năm	(5.338.316.064)	(17.692.233.192)	(4.926.136.414)	(27.956.685.670)
Số dư cuối năm	7.483.596.449	24.194.851.062	10.596.373.607	42.274.821.118

15. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh (i)	-	32.307.058.399
Phải thu khác	577.126	998.129
	577.126	32.308.056.528

- (i) Theo Quyết định số 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán (“VSDC”), Công ty phải ký quỹ bằng khoản tiền hoặc chứng khoán và phải đảm bảo tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tại mọi thời điểm không được thấp hơn tỷ lệ tối thiểu do VSDC quy định.

3-06
 HAT
 TY T
 M
 HO

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	70.322.893.712	2.363.322.902	4.589.655.636	83.856.644.253	5.615.752.859	166.748.269.362
Tăng trong năm	-	41.189.500	1.897.600.920	16.401.081.500	301.595.323	18.641.467.243
Thanh lý	-	-	-	(30.698.800)	-	(30.698.800)
Xóa sổ	-	(72.785.220)	-	(387.667.224)	(137.500.000)	(597.952.444)
Số dư cuối năm	70.322.893.712	2.331.727.182	6.487.256.556	99.839.359.729	5.779.848.182	184.761.085.361
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	41.311.983.142	2.363.322.902	3.009.603.025	60.694.368.013	3.416.494.645	110.795.771.727
Khấu hao trong năm	3.372.910.920	6.864.918	902.182.684	12.513.640.424	1.240.856.802	18.036.455.748
Thanh lý	-	-	-	(20.025.730)	-	(20.025.730)
Xóa sổ	-	(72.785.220)	-	(387.667.224)	(137.500.000)	(597.952.444)
Số dư cuối năm	44.684.894.062	2.297.402.600	3.911.785.709	72.800.315.483	4.519.851.447	128.214.249.301
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	29.010.910.570	-	1.580.052.611	23.162.276.240	2.199.258.214	55.952.497.635
Số dư cuối năm	25.637.999.650	34.324.582	2.575.470.847	27.039.044.246	1.259.996.735	56.546.836.060

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 63.683 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2025: 29.230 triệu VND).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	79.159.698.611	724.000.000	79.883.698.611
Tăng trong năm	1.468.270.000	-	1.468.270.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 18)	5.209.018.260	1.165.290.000	6.374.308.260
Số dư cuối năm	85.836.986.871	1.889.290.000	87.726.276.871
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	53.308.849.229	700.410.389	54.009.259.618
Khấu hao trong năm	7.806.703.498	61.137.844	7.867.841.342
Số dư cuối năm	61.115.552.727	761.548.233	61.877.100.960
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	25.850.849.382	23.589.611	25.874.438.993
Số dư cuối năm	24.721.434.144	1.127.741.767	25.849.175.911

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 45.626 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2025: 45.028 triệu VND).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	1.014.000.000	6.965.640.000
Tăng trong năm	10.480.570.373	22.268.657.344
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(7.009.370.027)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(7.877.159.317)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 17)	(6.374.308.260)	(13.333.768.000)
Số dư cuối năm	5.120.262.113	1.014.000.000

Số dư xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 thể hiện khoản chi phí nâng cấp, lắp đặt phần mềm chưa được nghiệm thu.

19. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và tài sản dài hạn khác

(a) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của VSDC, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2.500 triệu VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Lãi phát sinh	1.201.280.125	989.446.523
Lãi nhận được	(1.201.280.125)	(989.446.523)
Số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

(b) Tài sản dài hạn khác

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VSDC về quy chế quản lý, sử dụng quỹ bù trừ cho các hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh bằng tiền hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp bằng tiền tối thiểu là 80% trên tổng giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ. Mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối thiểu.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***20. Vay ngắn hạn**

Chi tiết của các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

	Lãi suất năm	Số dư tại ngày 1/1/2025 VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư tại ngày 31/12/2025 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	3,80%-7,50%	5.647.200.000.000	16.870.000.000.000	(18.461.200.000.000)	4.056.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP Hồ Chí Minh (i)	5,80%-7,80%	-	3.970.000.000.000	(770.000.000.000)	3.200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	5,40%-8,60%	1.000.000.000.000	4.635.000.000.000	(2.660.000.000.000)	2.975.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (i)	3,60%-6,60%	1.129.500.000.000	6.568.500.000.000	(4.978.500.000.000)	2.719.500.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (i)	4,40%-8,20%	2.985.000.000.000	7.635.000.000.000	(8.991.000.000.000)	1.629.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	5,30%-8,50%	500.000.000.000	7.079.000.000.000	(6.399.000.000.000)	1.180.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	5,80%-8,40%	600.000.000.000	5.909.000.000.000	(5.539.000.000.000)	970.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina (i)	4,50%-6,60%	632.500.000.000	3.565.200.000.000	(3.413.700.000.000)	784.000.000.000
Ngân hàng Cathay United Bank- CN TP HCM	5,80%-7,05%	200.000.000.000	782.880.000.000	(200.000.000.000)	782.880.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	5,60%-7,20%	200.000.000.000	1.784.000.000.000	(1.284.000.000.000)	700.000.000.000
Ngân hàng NN và PT Nông Thôn Việt Nam (i)	3,50%-4,50%	996.000.000.000	2.486.300.000.000	(2.792.300.000.000)	690.000.000.000
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (i)	4,70%-5,00%	600.000.000.000	1.200.000.000.000	(1.200.000.000.000)	600.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (i)	3,80%-4,50%	-	1.750.000.000.000	(1.250.000.000.000)	500.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (i)	3,95%-4,03%	492.000.000.000	984.000.000.000	(984.000.000.000)	492.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình (i)	5,20%-8,10%	132.000.000.000	1.280.000.000.000	(1.022.000.000.000)	390.000.000.000
Công ty Tài Chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	5,10%-7,50%	240.000.000.000	1.440.000.000.000	(1.320.000.000.000)	360.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam (i)	4,70%-5,30%	60.000.000.000	750.000.000.000	(460.000.000.000)	350.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt (i)	6,00%-8,50%	250.000.000.000	490.000.000.000	(495.000.000.000)	245.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4,40%-6,50%	639.000.000.000	1.350.000.000.000	(1.789.000.000.000)	200.000.000.000
Vay các ngân hàng khác (i)	4,70%-7,50%	100.000.000.000	5.368.000.000.000	(5.118.000.000.000)	350.000.000.000
		16.403.200.000.000	75.896.880.000.000	(69.126.700.000.000)	23.173.380.000.000

51

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay này được đảm bảo bằng trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết với mệnh giá là 270.000 triệu VND, trái phiếu chưa niêm yết do tổ chức tín dụng phát hành với mệnh giá là 500.000 triệu VND (1/1/2025: không có) (Thuyết minh 7(a)) và khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với tổng số tiền là 10.806.973 triệu VND (1/1/2025: 11.268.896 triệu VND) (Thuyết minh 7(b)).

21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả cho các cơ sở giao dịch chứng khoán và VSDC	10.003.860.643	6.742.323.633
Phải trả chứng quyền có bảo đảm (i)	517.136.779.000	164.257.748.000
	527.140.639.643	171.000.071.633

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, số lượng chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

Mã chứng quyền	31/12/2025		1/1/2025	
	Được phép phát hành	Được lưu hành	Được phép phát hành	Được lưu hành
CHPG2518	31.900.000	30.591.900	-	-
CFPT2513	26.700.000	22.672.000	-	-
CMWG2511	27.600.000	18.334.300	-	-
CMWG2520	17.000.000	15.278.200	-	-
CVIB2504	16.600.000	14.185.500	-	-
CFPT2404	-	-	12.000.000	11.997.900
CTCB2403	-	-	12.000.000	10.300.100
CMBB2402	-	-	11.000.000	9.927.500
CMWG2401	-	-	10.000.000	9.881.500
Khác	251.400.000	118.189.800	160.000.000	71.238.300
	371.200.000	219.251.700	205.000.000	113.345.300

22. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả người bán khi mua các tài sản tài chính	104.383.972.000	74.808.027.000
Phải trả khác cho người bán	18.451.935.749	3.448.880.275
	122.835.907.749	78.256.907.275

001-G
 ANH
 TNHH
 G
 CHIT

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

2025	1/1/2025 VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	Cần trừ VND	31/12/2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.293.523.085	235.910.711.706	(120.957.326.393)	-	148.246.908.398
Thuế thu nhập cá nhân	3.516.248.240	36.924.082.588	(35.383.580.124)	-	5.056.750.704
Thuế thu nhập nhà đầu tư	21.686.010.958	224.085.398.303	(212.065.341.937)	-	33.706.067.324
Thuế giá trị gia tăng	347.995.030	2.277.361.907	(1.626.617.531)	(334.846.792)	663.892.614
Các loại thuế khác	977.762.431	19.790.873.439	(19.665.394.683)	-	1.103.241.187
	59.821.539.744	518.988.427.943	(389.698.260.668)	(334.846.792)	188.776.860.227
2024	1/1/2024 VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	Cần trừ VND	31/12/2024 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.674.061.676	163.605.796.577	(148.986.335.168)	-	33.293.523.085
Thuế thu nhập cá nhân	3.523.434.861	30.378.366.583	(30.385.553.204)	-	3.516.248.240
Thuế thu nhập nhà đầu tư	14.092.040.967	204.679.366.043	(197.085.396.052)	-	21.686.010.958
Thuế giá trị gia tăng	268.335.132	668.641.372	(345.475.884)	(243.505.590)	347.995.030
Các loại thuế khác	981.452.930	26.198.982.251	(26.202.672.750)	-	977.762.431
	37.539.325.566	425.531.152.826	(403.005.433.058)	(243.505.590)	59.821.539.744



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay	55.592.059.455	28.222.644.109
Các chi phí khác	2.063.110.633	5.944.681.859
	<u>57.655.170.088</u>	<u>34.167.325.968</u>

25. Trái phiếu phát hành dài hạn

Mã trái phiếu	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá ASS12501 (i)	VND	6,5%	2027	200.000.000.000	-
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng				-	-
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				200.000.000.000	-

(i) Trái phiếu này không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2025 Được duyệt và đã góp		1/1/2025 Được duyệt và đã góp	
	VND	%	VND	%
Ngân hàng TMCP Á Châu ("Ngân hàng mẹ")	11.000.000.000.000	100%	7.000.000.000.000	100%

Biến động vốn điều lệ đã góp trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	7.000.000.000.000	4.000.000.000.000
Góp vốn bằng tiền của Ngân hàng mẹ	4.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Số dư cuối năm	<u>11.000.000.000.000</u>	<u>7.000.000.000.000</u>



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

27. Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

(a) Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ (số lượng)

	31/12/2025	1/1/2025
Cổ phiếu	3.850.094	3.850.094
Trái phiếu	200.000	200.000
	<u>4.050.094</u>	<u>4.050.094</u>

(b) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Công ty và công ty con

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	1.589.541.475.000	1.269.075.260.000
TSTC chờ thanh toán	1.052.805.730.000	781.698.520.000
TSTC giao dịch cầm cố	270.000.000.000	-
	<u>2.912.347.205.000</u>	<u>2.050.773.780.000</u>

(c) TSTC chờ về của Công ty và công ty con

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ phiếu	21.594.920.000	23.623.000.000
Chứng quyền	13.527.655.000	10.194.180.000
	<u>35.122.575.000</u>	<u>33.817.180.000</u>

(d) Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	717.130.118.072	686.147.194.499
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	10.486	10.499
	<u>717.130.128.558</u>	<u>686.147.204.998</u>



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động

(a) Lãi/(lỗ) bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL

2025	Số lượng	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu	319.395.051	10.867.192.727.100	10.375.974.741.000	491.217.986.100	219.770.328.080
Trái phiếu	656.265.000	78.368.371.670.000	78.371.853.465.000	(3.481.795.000)	(6.032.670.100)
Chứng chỉ tiền gửi				5.570.124.313	300.000
Lãi bán chứng khoán cơ sở				493.306.315.413	213.737.957.980
Lỗ thuần vị thế từ nghiệp vụ tự doanh chứng khoán phái sinh – hợp đồng tương lai				(47.293.051.000)	(1.777.450.000)
Lỗ khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				(225.282.559.667)	(27.251.028.575)
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				21.228.941.194	2.761.732.400
				241.959.645.940	187.471.211.805
<i>Trong đó:</i>					
Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL				866.878.017.961	473.813.091.216
Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL				(624.918.372.021)	(286.341.879.411)



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)

(a) Lãi/(lỗ) bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL (tiếp theo)

2024	Số lượng	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu	250.749.842	7.673.914.137.250	7.454.143.809.170	219.770.328.080	109.080.139.065
Trái phiếu	352.399.200	39.601.843.355.800	39.607.876.025.900	(6.032.670.100)	610.500.000
Chứng chỉ quỹ ETF	-	-	-	-	(350.000)
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	300.000	180.207.978
Lãi bán chứng khoán cơ sở				213.737.957.980	109.870.497.043
(Lỗ)/lãi thuần vị thế từ nghiệp vụ tự doanh chứng khoán phái sinh – hợp đồng tương lai				(1.777.450.000)	995.130.000
Lỗ khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				(27.251.028.575)	(23.898.299.471)
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				2.761.732.400	10.853.068.592
				187.471.211.805	97.820.396.164
<i>Trong đó:</i>					
Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL				473.813.091.216	230.458.744.012
Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL				(286.341.879.411)	(132.638.347.848)



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)

(b) Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL và phải trả chứng quyền đang lưu hành

2025	Giá gốc tại ngày 31/12/2025 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2025 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 31/12/2025 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 1/1/2025 VND	Chênh lệch lãi đánh giá lại trong năm VND
TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	2.278.825.175.029	2.195.265.682.155	(83.559.492.874)	(72.215.676.952)	(11.343.815.922)
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	21.418.230.909	21.418.676.701	445.792	445.792	-
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	1.863.356.858.023	1.952.561.324.000	89.204.465.977	11.362.649.945	77.841.816.032
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	270.000.000.000	273.994.520.400	3.994.520.400	-	3.994.520.400
Trái phiếu chưa niêm yết do tổ chức tín dụng phát hành	500.000.000.000	518.368.493.000	18.368.493.000	-	18.368.493.000
Chứng chỉ tiền gửi	30.333.375.991	30.333.375.991	-	-	-
	4.963.933.639.952	4.991.942.072.247	28.008.432.295	(60.852.581.215)	88.861.013.510
<i>Trong đó:</i>					
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL					1.185.700.350.588
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL					(1.096.839.337.078)
Phải trả chứng quyền đang lưu hành	532.476.586.410	517.136.779.000	15.339.807.410	22.235.419.050	(6.895.611.640)
<i>Trong đó:</i>					
Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành					47.004.336.458
Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành					(53.899.948.098)

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)

(b) Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL và phải trả chứng quyền đang lưu hành (tiếp theo)

2024	Giá gốc tại ngày 31/12/2024 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2024 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 31/12/2024 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 1/1/2024 VND	Chênh lệch lãi đánh giá lại trong năm VND
TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	2.483.564.690.997	2.411.349.014.045	(72.215.676.952)	(113.243.317.865)	41.027.640.913
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	7.021.290.909	7.021.736.701	445.792	445.792	-
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	696.758.565.055	708.121.215.000	11.362.649.945	(14.120.353.424)	25.483.003.369
	<u>3.187.344.546.961</u>	<u>3.126.491.965.746</u>	<u>(60.852.581.215)</u>	<u>(127.363.225.497)</u>	<u>66.510.644.282</u>
<i>Trong đó:</i>					
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL					538.069.001.254
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL					(471.558.356.972)
					<u>66.510.644.282</u>
Phải trả chứng quyền đang lưu hành	<u>186.493.167.050</u>	<u>164.257.748.000</u>	<u>22.235.419.050</u>	<u>(65.479.831.900)</u>	<u>(43.244.412.850)</u>
<i>Trong đó:</i>					
Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành					(37.744.019.501)
Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành					(5.500.393.349)
					<u>(43.244.412.850)</u>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)

(c) Cổ tức, thu nhập lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu

	2025 VND	2024 VND
Từ TSTC ghi nhận theo FVTPL	95.490.571.607	110.841.928.663
▪ Thu nhập từ tiền gửi có kỳ hạn	20.868.181.504	86.403.367.663
▪ Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	61.307.321.500	24.438.561.000
▪ Lãi trái phiếu	13.315.068.603	-
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	784.559.658.308	401.341.325.347
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.171.228.688.741	658.935.441.667
▪ Thu nhập từ hoạt động giao dịch kỹ quỹ	1.140.512.498.407	644.511.301.790
▪ Thu nhập từ dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	10.357.178.554	6.152.575.066
▪ Thu nhập từ hoạt động gia hạn khoản vay kỹ quỹ	20.359.011.780	8.271.564.811
	2.051.278.918.656	1.171.118.695.677

(d) Doanh thu không phải là thu nhập từ các TSTC

	2025 VND	2024 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	440.052.880.346	373.059.934.256
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	12.647.088.845	10.542.079.104
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	3.313.741.446	1.112.727.272
Thu nhập hoạt động khác	6.843.782.738	4.428.525.053
	462.857.493.375	389.143.265.685

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay

	2025 VND	2024 VND
(Hoàn nhập)/trích lập chi phí dự phòng TSTC và tài sản thế chấp (Thuyết minh 8)	(4.710)	99.875
Chi phí đi vay	998.983.116.392	440.005.715.313
Chi phí khác	1.948.406.131	7.065.636
	1.000.931.517.813	440.012.880.824

30. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lương	132.790.419.608	112.359.650.489
Phí môi giới chứng khoán	99.820.381.318	78.406.058.551
Dịch vụ mua ngoài	61.318.465.589	41.440.911.446
Khấu hao tài sản cố định	17.273.072.306	15.703.881.411
Chi phí khác	36.664.088.297	41.409.979.435
	347.866.427.118	289.320.481.332

31. Chi phí quản lý

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lương	117.675.098.690	92.935.386.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.555.152.285	40.666.813.277
Khấu hao tài sản cố định	7.976.918.592	6.748.109.490
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	4.569.111.057	4.019.768.044
Chi phí văn phòng phẩm	3.260.360.229	3.513.147.375
Chi phí khác	9.618.607.124	8.163.140.722
	184.655.247.977	156.046.365.904

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	235.910.711.706	163.605.796.577
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	50.967.818	59.433.446
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	235.961.679.524	163.665.230.023

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.253.947.218.662	846.681.801.064
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	250.789.443.732	169.336.360.213
Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	(2.697.220.457)	(859.445.200)
Thu nhập không bị tính thuế	(12.261.464.300)	(4.887.712.200)
Chi phí không được khấu trừ thuế	130.920.549	76.027.210
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	235.961.679.524	163.665.230.023

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu – Ngân hàng mẹ		
Nhận góp vốn của chủ sở hữu	4.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	104.658.196.101	70.750.890.390
Chi phí thuê văn phòng, điện nước phải trả	903.020.138	1.101.575.158
Doanh thu hoạt động tư vấn	900.000.000	-
Doanh thu hoạt động cho thuê	840.000.000	798.000.000
Doanh thu hoạt động môi giới	22.558.889	7.069.662
Chi phí khác	73.058.140	84.188.870
Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác	15.591.182.000	16.050.990.660

Công ty có các số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu – Ngân hàng mẹ		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	825.547.497.480	109.039.950.138
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 12 tháng	1.463.187.857.623	1.549.021.797.897
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	28.000.000.000	390.013.878.518
Chứng chỉ tiền gửi	30.333.375.991	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	36.566.891.500	7.467.989.527
Vốn góp của chủ sở hữu	11.000.000.000	7.000.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

34. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	13.334.530.563	15.260.393.504
Từ hai đến năm năm	16.166.675.262	30.495.254.058
	29.501.205.825	45.755.647.562

35. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, ACBS có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	13.366.524.000	5.250.501.530

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của ACBS tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 2 tháng 3 năm 2026

Người lập:

[Signature]

Bà Phạm Thị Sanh
 Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

[Signature]

Ông Võ Văn Vân
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

[Signature]

Ông Nguyễn Đức Hoàn (*)
 Tổng Giám đốc

(*) Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 02/GUQ-ACBS.26 ngày 12 tháng 2 năm 2026.



Số: 37.9/CV-ACBS.26

TP.HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

V/v Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế tại báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 so với năm 2024 trên 10%.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS") giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế tại báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 so với năm 2024 trên 10% như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Báo cáo tài chính	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
Báo cáo tài chính hợp nhất	Lợi nhuận sau thuế	1.017	683	334

Lý do ảnh hưởng chủ yếu:

- Doanh thu hoạt động tăng với số tiền 2.079 tỷ đồng, trong đó: lãi từ hoạt động đầu tư tăng 1.494 tỷ đồng; lãi từ các khoản cho vay tăng 513 tỷ đồng; doanh thu hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính tăng 72 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024.
- Chi phí hoạt động kinh doanh tăng 1.645 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024.
- Chi phí quản lý tăng 28 tỷ đồng.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 72 tỷ đồng.

Như vậy, do ảnh hưởng trọng yếu của yếu tố nêu trên, lợi nhuận sau thuế tại báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 so với năm 2024 đã tăng 334 tỷ đồng. ACBS giải trình để Quý Cơ quan hữu quan được rõ.

Trân trọng.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu P.HCTH và P.KT

[Signature]
 TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Hoàn

2026

2025

2024

2022

2023

2021

2018

2019

8 Kế hoạch
2026



8.1 Triển vọng thị trường 2026

Trong bối cảnh tăng trưởng năm 2026 được dự báo có sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm ngành, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ xoay quanh bốn chủ đề đầu tư lớn.

Thứ nhất là làn sóng IPO trong giai đoạn từ 2026 đến 2030, được thúc đẩy bởi triển vọng nâng hạng thị trường, cải cách thủ tục phát hành và nhu cầu mở rộng kênh huy động vốn ngoài hệ thống ngân hàng, trong bối cảnh mục tiêu tăng trưởng GDP đặt ở mức gần 10%/năm. Làn sóng IPO mới được kỳ vọng sẽ đa dạng hơn về cơ cấu ngành nghề, đồng thời có mặt bằng định giá hợp lý hơn so với các chu kỳ trước.

Thứ hai, ngành ngân hàng tiếp tục được xem là trụ cột ổn định của thị trường. Dù phải đối mặt với áp lực từ mặt bằng lãi suất và sự chứng lại của lĩnh vực bất động sản, tăng trưởng tín dụng vẫn duy trì ở mức cao, biên lãi ròng (NIM) ổn định, hiệu quả chi phí cải thiện và chất lượng tài sản được kiểm soát. Định giá hiện tại của nhóm ngân hàng vẫn thấp hơn mức trung vị lịch sử, tạo dư địa thu hút dòng vốn trung và dài hạn, đặc biệt tại các ngân hàng đầu ngành.

Thứ ba, đầu tư công trong giai đoạn từ 2026 đến 2030 được xác định là động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế. Quy mô vốn lớn, backlog cao cùng tiến độ giải ngân được cải thiện đang tạo nền tảng tăng trưởng trung hạn rõ ràng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng, xây lắp và vật liệu xây dựng.

Thứ tư là chiến lược chọn lọc cổ phiếu trong nhóm vốn hóa vừa và nhỏ. Cơ hội đầu tư được đánh giá tập trung vào các doanh nghiệp có tăng trưởng lợi nhuận thực chất, cấu trúc tài chính lành mạnh và mức định giá hấp dẫn sau giai đoạn điều chỉnh của thị trường.

Xét theo nhóm ngành, các lĩnh vực được đánh giá đáng chú ý gồm ngân hàng, xây dựng hạ tầng và vật liệu gắn với chủ đề đầu tư công và bán lẻ là nhóm hưởng lợi từ tăng trưởng tiêu dùng bền vững và dư địa mở rộng thị phần cùng với các doanh nghiệp có kế hoạch IPO công ty con. Đây là những nhóm ngành được kỳ vọng đồng thời đáp ứng các tiêu chí về tăng trưởng kinh doanh ổn định trong năm 2026, hưởng lợi từ tiến trình nâng hạng thị trường, mặt bằng định giá hấp dẫn và triển vọng tăng giá trong trung hạn nhờ chu kỳ đầu tư công kéo dài.

8.2 Kế hoạch phát triển Khối kinh doanh

Trong năm 2026, ACBS tiếp tục xác định mảng môi giới là trụ cột chiến lược, tập trung nâng cao chất lượng tư vấn và trải nghiệm khách hàng thông qua chuẩn hóa năng lực đội ngũ và đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu. Trong bối cảnh thị trường chuyển dịch từ giao dịch thuần túy sang quản lý tài sản, ACBS ưu tiên phát triển mô hình tư vấn toàn diện, xây dựng hệ sinh thái tài chính chuyên sâu với các giải pháp đầu tư được cá nhân hóa theo mục tiêu và khẩu vị rủi ro của từng khách hàng.

Song song đó, mảng giao dịch chứng khoán trực tuyến được đẩy mạnh theo hướng số hóa, tập trung khai thác nhóm khách hàng giao dịch chủ động thông qua chính sách phí bậc thang, lãi suất ký quỹ linh hoạt và hệ thống giao dịch ổn định, cá nhân hóa. Trợ lý ảo AI Smarty và các công cụ thông minh đóng vai trò hỗ trợ tư vấn 24/7, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư và mức độ gắn kết của khách hàng.

Ở phân khúc khách hàng ưu tiên, ACBS chuyển trọng tâm từ môi giới truyền thống sang tư vấn đầu tư và quản lý gia sản. Chính sách cho vay ký quỹ ổn định, đội ngũ quản lý danh mục chuyên biệt và các sản phẩm tài chính tích hợp giúp tối ưu giá trị tài sản và củng cố mối quan hệ dài hạn với khách hàng.

Bên cạnh đó, mảng kinh doanh vốn tiếp tục mở rộng quy mô, đa dạng hóa nguồn vốn trong và ngoài nước, đảm bảo an toàn thanh khoản và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong năm 2026.

8.3 Các dự án công nghệ sẽ triển khai trong năm 2026

Năm 2026, ACBS đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên nền tảng hạ tầng đã được hiện đại hóa, tập trung vào **bốn nhóm giải pháp trọng tâm** nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và trải nghiệm khách hàng.

1 Nâng cấp nền tảng giao dịch và dịch vụ số
Cải tiến hệ thống giao dịch theo hướng ổn định, thân thiện với người dùng; mở rộng tiện ích số, trong đó tích hợp xác thực và ký số qua VNeID, giúp khách hàng hoàn tất thủ tục nhanh chóng và thuận tiện hơn.

2 Ứng dụng AI và Big Data
Triển khai AI và dữ liệu lớn để cá nhân hóa tương tác với khách hàng và tự động hóa vận hành; phát triển hệ thống giao dịch tự động, phát hiện gian lận và cảnh báo sớm rủi ro trong hoạt động cho vay ký quỹ.

3 Phát triển nền tảng công nghệ mở (API)
Hoàn thiện kiến trúc tích hợp giữa hệ thống core, các hệ thống vệ tinh, BI và đối tác thứ ba; tăng cường quản trị dữ liệu, bảo mật thông tin và giám sát theo thời gian thực.

4 Nghiên cứu sản phẩm và công nghệ mới
Phát triển nền tảng quản lý gia sản tích hợp hệ sinh thái ACB, hỗ trợ quản trị tài sản tập trung; đồng thời chuẩn bị nguồn lực cho việc nghiên cứu, ứng dụng blockchain theo định hướng của cơ quan quản lý.

2026

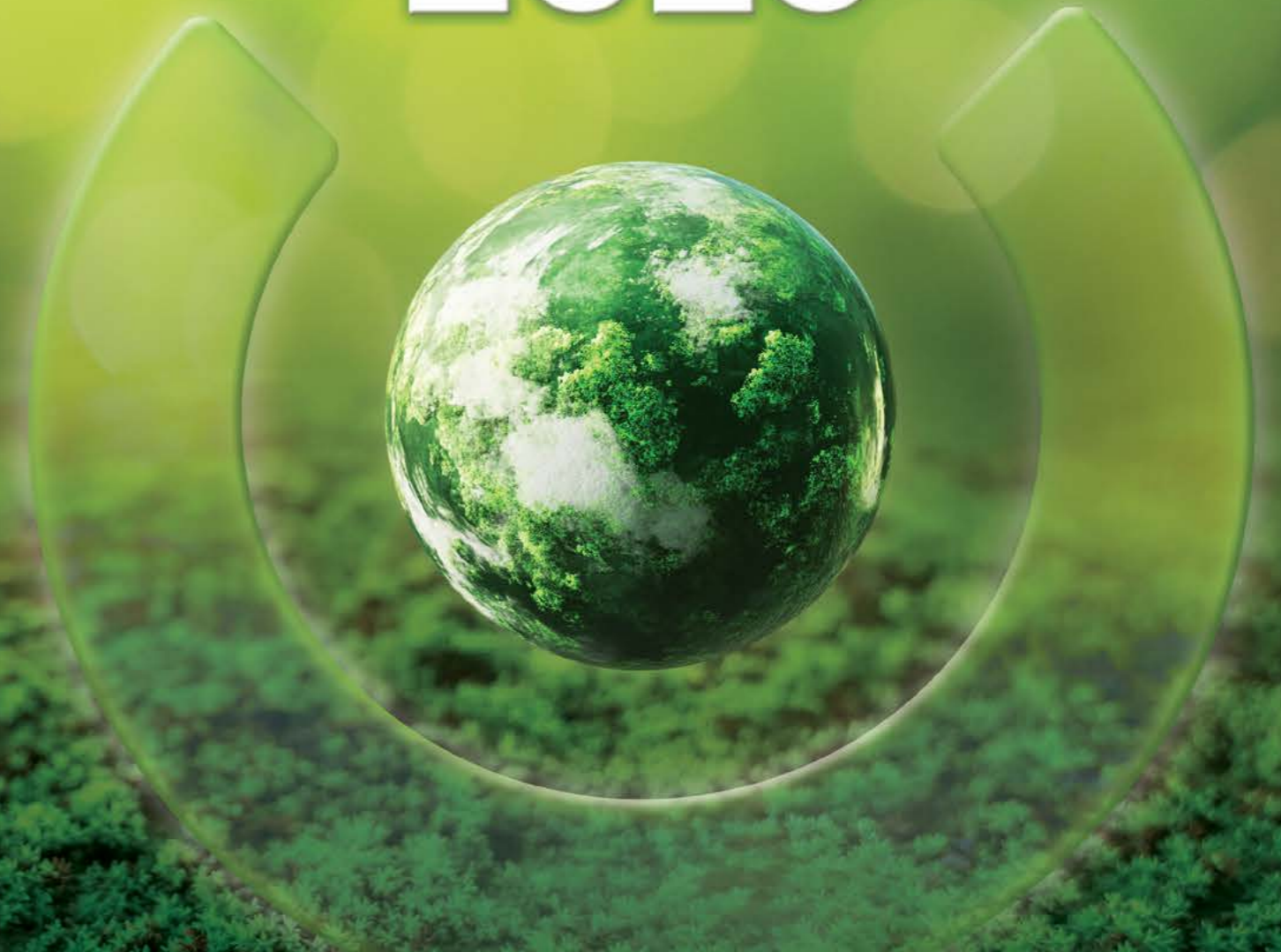


The background image features a hand holding a stack of coins with a small green plant growing on top. Overlaid on this is a financial chart with various data points and trends. The chart includes several vertical bars of varying heights, some with numerical values above them: 4096.56, 4333.55, 5647.199, and 6001.57. There are also blue and green lines representing trends, and a large white number '2026' in a rounded rectangle at the top right.

ACBS

**ANNUAL REPORT
2025**

acbs.com.vn



ACB SECURITIES COMPANY LIMITED

3rd Floor, Léman Luxury Building
117 Nguyen Dinh Chieu St., Xuan Hoa Ward, HCM City

 acbs.com.vn

 028 303 7979

Table of contents

1. MESSAGE FROM THE CHAIRMAN	144	7. FINANCIAL STATEMENT	206
2. ABOUT ACBS	148	7.1 Auditor's opinion	
2.1 General information		7.2 Audited financial statement	
2.2 Business units		8. KEY INITIATIVES FOR 2026	274
2.3 Organizational and governance structures		8.1 Market outlook in 2026	
2.4 Development strategy		8.2 Business division development plan in 2026	
2.5 Risk management		8.3 Technology projects in 2026	
3. BUSINESS PERFORMANCE	166		
3.1 Full-year business performance			
3.2 The Boards and Human Resource policies			
3.3 Investment activities, project implementation			
3.4 Financial review			
3.5 Changes in the Owner's Equity			
3.6 Report on ACBS' responsibilities toward community and environment			
4. REPORTS AND ASSESSMENTS ON THE OPERATIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS	182		
4.1 Assessments of operating results			
4.2 Financial situation			
4.3 Improvements in organizational structure, policies, and management			
4.4 Development plans in future			
4.5 Explanation of the Board of Directors for Auditor's opinions			
4.6 Assessments report of environmental and social responsibilities of the Company			
5. ASSESSMENTS OF MEMBERS' COUNCIL ON THE ACBS' OPERATION IN 2025	194		
5.1 Assessments of Members' Council on the ACBS' operation in 2025			
5.2 Assessments of Members' Council on the Board of Directors performance			
5.3 Plans and orientations of the Members' Council			
6. THE COMPANY GOVERNANCE	200		
6.1 The Board of Members' Council			
6.2 The Board of Supervisor			
6.3 Transactions, remunerations, and benefits of the Board of Members, Board of Directors and Board of Supervisors			





1

Message from
The Chairman

“ We position ourselves as
a trusted partner
working alongside our clients to
build, protect, and sustain their
investment achievements
with **transparency**
and
a firm commitment
to long-term value. ”



Message from The Chairman

The year 2025 concluded amid significant global volatility. Yet from these challenges emerged clear evidence of the Vietnamese Government's effective leadership and resilience. Supported by strong institutional foundations, Vietnam recorded an impressive GDP growth of **8.02%** in 2025. Meanwhile, the Vietnamese stock market repeatedly set new records in both liquidity and index, reinforcing its role as a "blood vessel" for the economy as it moves closer to a potential market upgrade.

2025: Milestones driven by transformation

At ACB Securities Company (ACBS), we do not measure success solely through growth figures, but through the strength of our internal foundations. Over the past year, ACBS focused on strengthening its core capabilities, laying the groundwork for a new phase of accelerated development.

The Company's 2025 performance reflects the collective effort of the entire ACBS team. **Consolidated profit after tax reached 1,018 billion VND**, representing 49% growth compared with 2024. **On the technology front**, the implementation of the *Non-Prefunding* system and the *GenAI - powered SMARTY* was driven by a practical objective: to enable clients to trade more conveniently and make more informed investment decisions. Amid continued market volatility, ACBS remains committed to sustainable development, placing clients at the center of its strategy while maintaining risk management as a core pillar across all operations.

Vision for 2026: A trusted partner

Looking ahead to 2026, ACBS has identified several key strategic priorities:

- Further upgrade and enhance the trading platform in alignment with Asia Commercial Bank (parent bank) to strengthen service capabilities for retail clients across distribution channels.
- Continue refining the brokerage model integrated with AI to enhance client service quality.
- Further diversify products and services, particularly in the equity capital market (ECM) and debt capital market (DCM) segments.
- Gradually develop wealth advisory capabilities for the affluent client segment.
- Continue strengthening the Company's investment banking capabilities.

I firmly believe that in an increasingly competitive and differentiated market environment, ACBS advisors will go beyond simply offering products. Instead, they will serve as trusted partners working alongside clients to build, protect, and sustain their investment achievements with transparency and long-term value.

On behalf of the Members' Council of ACBS, I would like to express my sincere appreciation to our valued clients, partners, and investors for your continued trust and support. We remain committed to continuously enhancing our service quality, strengthening our market position, and fulfilling our role as a professional financial partner on your journey ahead.

Wishing our valued clients, partners, and investors health, happiness, and success.

Chairman of ACBS

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Do Minh Toan', is positioned above the printed name.

DO MINH TOAN



2 About ACBS

2.1 General information

Company name

ACB Securities Company Limited

Enterprise registration certificate number

0302030508

Address

**3rd Floor Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu,
Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City**

Charter capital

11,000,000,000,000 VND

(11 trillion VND)

Owner's equity

14,269,701,667,638 VND

Total asset

38,583,644,265,022 VND

 **(028) 7300 7000**

 **(028) 7300 3751**

 **<http://www.acbs.com.vn>**



2000 - 2004

The State Securities Commission of Vietnam (SSC) issued a license of 06.UBCK – GPHĐKD for ACB Securities Company Limited with Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB) owning 100% capital

The initial charter capital was 43 billion VND.

The company's headquarters was located at **442 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 5, D3, HCM City**

2005 - 2009

ACBS increased its charter capital **5 times**, from **VND 100 billion** to **VND 1,500 billion**

The headquarters relocated to **9 Le Ngo Cat St., Ward 7, D3**, and later to **107N Truong Dinh St., Xuan Hoa Ward, HCM City**

The online trading system was officially launched, allowing transactions via the Internet with security ensured through digital certificates

2010 - 2014

Marked the **10th anniversary of the Company's establishment**

Launched telephone transaction services and successfully upgraded the USB Token security method for Internet transactions.

ACBS won **5 prestigious awards of the best customer service from Asiamoney Brokers Poll**

Implemented SWIFT connectivity solutions with foreign depository banks.

On June 13th, 2014, ACBS relocated headquarters to **41 Mac Dinh Chi St., Saigon Ward, HCM City.**

2015 - 2019

Honored in the **Top 10 Outstanding Securities Companies in the Vietnamese Stock Market**

Introduced a new brand identity of "Reliable, Friendly, and Agile"

Hosted the "TRADE PRO" competition for undergraduates

Acknowledged by the Ho Chi Minh City People's Committee for **outstanding activities over several consecutive years**

Rolled out **derivatives securities trading system**

2020 - 2024

Marked the **20th anniversary**

Increased chartered capital multiple times from **3,000 billion VND** to **10,000 billion VND (January 2025)**

Successfully launched a **new core securities trading system**

Introduced the **ACBS SMART securities trading platform**

Introduced **eKYC securities account opening service**

Successfully launched **Covered Warrants**

Relocated headquarters to **Level 3 - Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu St., Xuan Hoa Ward** and opened **HCMC - Đông Sài Gòn Branch**

Development history

2025

Celebrated the **25th anniversary**, marking **25 years of accompanying the Vietnamese Securities Market** (June 29, 2000 - June 29, 2025)

Launched a new website featuring a modern, user-friendly design optimized for both individual and institutional investors

Successfully **transferred the trading system to the new KRX platform**

Applied cloud-based database solutions, successfully deploying the **core trading system on Oracle Exadata Cloud@Customer**

Introduced **AI SMARTY, a GenAI-powered investment analysis assistant** on trading app

Received **more than 10 domestic and international awards in the finance and securities industry**

2.2 Business units

ACB Securities Company operates with full functions of a securities company including:

Securities brokerage

Proprietary trading

Underwriting securities

Securities investment advisory

Trading in derivatives

Provide clearing and settlement services for derivative securities transactions

Issue covered warrants and performing all operations related to covered warrants

Securities depository services, financial consulting, receiving entrustment management of securities trading accounts of investors and other financial services according to regulations of the Ministry of Finance.

ACBS has **1 Head Office in HCM City**
and **11 branches/transaction offices** including

• HO CHI MINH CITY

Head Office

3rd floor of Léman Luxury Building
at 117 Nguyen Dinh Chieu St., Xuan Hoa Ward

Truong Dinh branch

107N Truong Dinh St., Xuan Hoa Ward

Mac Dinh Chi branch

2nd-3rd floor at 41 Mac Dinh Chi St., Sai Gon Ward

Cho Lon branch

321- 323, Tran Phu St., An Dong Ward

Dong Sai Gon branch

3rd floor at 53- 55 Nguyen Huu Canh St., Thanh My Tay Ward

NTMK transaction office

442 Nguyen Thi Minh Khai St., Ban Co Ward

Vung Tau branch

111 Hoang Hoa Tham St., Vung Tau Ward

• HANOI CAPITAL

10 Phan Chu Trinh St., Cua Nam Ward

• HAI PHONG

15 Hoang Dieu St., Hong Bang Ward

• DA NANG

218 Bach Dang St., Hai Chau Ward

• KHANH HOA

80 Quang Trung St., Nha Trang Ward

• CAN THO

17- 19, Nam Ky Khoi Nghia St., Ninh Kieu Ward



Awards in 2025

In 2025, ACBS operated with strong, high-quality capital resources provided by its parent bank, Asia Commercial Bank (ACB). Building on this solid financial foundation, ACBS achieved several major milestones in its technology transformation, including the successful transformation of its trading platform to the new KRX system. The company also deployed Oracle Exadata Cloud@Customer, a cloud-based database solution for its core trading system, which is operated directly at ACBS' own data center.

In September 2025, ACBS officially entered the artificial intelligence with the launch of **SMARTY, an AI-powered investment analysis assistant** integrated into the ACBS trading application. Powered by Amazon Bedrock services from AWS and Anthropic's Claude large language model, SMARTY is a GenAI-based investment assistant that embodies the ACBS brand through seamless integration with internal systems, APIs, and high-quality data sources. This enables SMARTY to deliver in-depth market insights while capturing the expertise and experience of ACBS' team of researchers and investment advisors.

As a result of these strategic initiatives, ACBS was honored for the first time with more than 10 prestigious awards from domestic and international financial and securities institutions.



The Most
Customer Centric
Company

Awarded by
International Finance



Top 10
Strongest Brand
in ASEAN 2025

Awarded by
Asia Business Centre



The Best Leader
in ASEAN 2025
awarded to CEO
Mr. Nguyen Duc Hoan

Awarded by
Asia Business Centre



Top 10 Most Reputable
Companies in the
Financial Sector

Awarded by
Vietnam Report



Brokerage Award
of The Year 2025

Awarded by
Vietnam Investment Review
and Vietnam Wealth Advisors



Digitalization
of The Year 2025

Awarded by
Vietnam Investment Review
and Vietnam Wealth Advisors



Asian Corporate
Excellence

Awarded by
APEA



Fast Enterprise

Awarded by
APEA



Outstanding Member
in Securities Depository
Activities 2025

Given by
Viet Nam Securities Depository
and Clearing Corporation (VSDC)



An Organization
Contributing To The
25-year Development
of HOSE

Given by
Ho Chi Minh Stock Exchange
(HOSE)



Best
Financial Advisors
Vietnam 2025

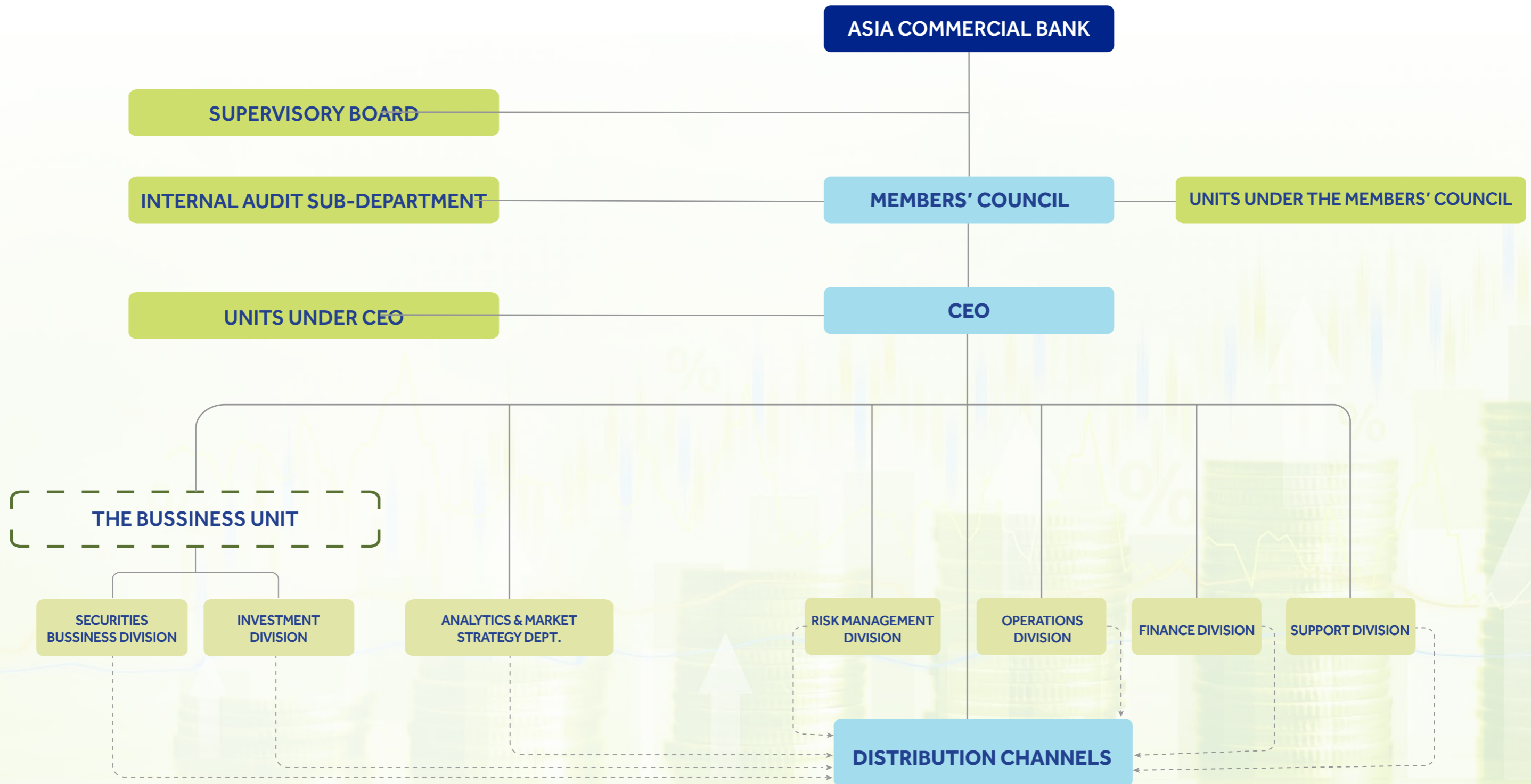
Awarded by
Global Financial Market Review

2.3 Organizational and governance structures

Business ownership structures

ACBS functions as a limited liability company, with 100% ownership by Asia Commercial Joint Stock Bank. The legal representative is **Mr. Do Minh Toan**, who serves as the Chairman of the Members' Council.

Organizational structure chart



Subsidiary

ACB Fund Management Company Limited (ACBC), which is a subsidiary with 100% capital from ACBS. ACBC was established under the operating license No. 41/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on October 28th, 2008 with the following functions and duties:



SECURITIES INVESTMENT FUND ESTABLISHMENT AND MANAGEMENT



INVESTMENT PORTFOLIO MANAGEMENT FOR ORGANIZATIONS AND INDIVIDUALS



FOREIGN INVESTMENT FUNDS RAISE AND MANAGEMENT IN VIETNAM



SECURITIES INVESTMENT ADVISORY



2.4 Development strategy

In 2026, ACBS is oriented toward sustainable growth grounded in capital efficiency, comprehensive digital transformation, and enhanced service quality, enabling the Company to adapt flexibly to rapid market changes. **ACBS will continue to expand its capital markets business while maintaining strict risk control and liquidity safety**, alongside diversifying domestic and international funding sources to strengthen capital flexibility and resilience.

ACBS is continuing to diversify its product and service offerings, with **a strong focus on expanding its Debt Capital Markets (DCM) and Equity Capital Markets (ECM)**, thereby enhancing its capacity to deliver comprehensive financial solutions to clients. The Company further develops its digital trading ecosystem, supported by flexible fee structures and margin interest policies, a stable trading system, personalized user experiences, and the AI-powered assistant SMARTY, which provides 24/7 investment advisory and analytical support.

In response to the rapid growth of high-net-worth individuals, **ACBS is accelerating its transition toward an investment advisory and wealth management model**. The Company will expand the Priority Client segment through stable margin policies, competitive interest rates for clients with NAV exceeding VND 30 billion, dedicated portfolio management teams, and integrated financial solutions combining deposits, credit, and securities services.

In terms of the operation of the Company, **ACBS is focused on further upgrading and enhancing its trading platform in alignment with ACB**. To enhance our services, the Company accelerates the integration of AI across trading operations, client services, internal governance, and process automation. We also launch new products such as corporate bond trading and wealth management solutions in line with new regulatory standards and product frameworks, thereby laying a solid foundation for long-term and sustainable growth.



2.5 Risk management

Legal risk

As one of the early-established securities companies in the market, ACBS understands that reputation and brand value are precious assets that must be preserved. Therefore, throughout its development and customer service operations, ACBS strictly complies with the law and maintains information transparency.

In 2025, ACBS managed legal risks effectively by identifying, analyzing, and applying legal regulations in its operations. Thanks to this approach, the Company quickly updated and improved its business policies, internal rules, and operational processes to follow new legal requirements. In particular, ACBS ensured compliance with Circular No. 102/2025/TT-BTC, issued on October 29, 2025, which sets financial safety ratio requirements and corrective measures for securities companies that do not meet these standards. The Company also complied with Circular No. 27/2025/TT-NHNN, issued on September 15, 2025, which guides the implementation of several provisions of the Anti-Money Laundering Law.

For ACBS, legal risk management is not only a cultural value that ensures all employees at every level recognize that "Compliance is the foundation of profitability," but also a competitive advantage, contributing to reinforcing customer trust when transacting with an organization built on a solid governance foundation.

Credit risk

Credit risk in the securities sector arises when a securities company cannot liquidate collateral (listed securities) to recover margin loans, one of the core business activities at ACBS.

As of the end of 2025, margin loan outstanding at ACBS reached VND 17,341 billion, nearly a double increase compared to 2024, with a diversified margin portfolio of 198 stock tickers. This portfolio is managed carefully and flexibly according to market volatility, while being reviewed and evaluated periodically to ensure full compliance with ACBS' internal regulations on margin lending approval, thereby facilitating customer transactions while effectively controlling risk.

Moving into 2026, amid a potentially volatile macroeconomic environment and sharp fluctuations in the stock market, credit risk management continues to be ACBS' top priority, serving as both as capital protection and a foundation for the Company's sustainable growth.

Market risk

At ACBS, market risk directly impacts proprietary trading, margin lending, asset quality and indirectly affects brokerage revenue and customer confidence. In response, ACBS has implemented a comprehensive and integrated risk control framework. The Company's strategic focus is placed on strengthening compliance discipline across the organization:

Regulatory framework	Processes	Implement
Establishing a robust risk management framework supported by detailed regulations.	Standardizing transaction approval and monitoring processes, while ensuring independence among departments.	Conducting regular stress tests on investment portfolios and developing contingency plans that can be activated immediately during market volatility, ensuring business operations remain under safe control.

Settlement risk

In treasury operations and securities services, settlement risk (defined as a counterparty's failure to fulfill committed payment obligations) is always a primary focus of monitoring. To control this risk, ACBS applies a multi-layered risk management system: from thorough due diligence of counterparty financial capacity to setting prudent transaction limits and a robust collateral management system.

Liquidity risk

Given the volatility of interest rate and liquidity, ACBS proactively maintains its prudent strategy in liquidity risk management. The Company has established a strong liquidity buffer, ensuring the ability to meet all financial obligations while providing sufficient capital for business demands. In addition to having a diverse network of credit lines with leading financial institutions, ACBS closely monitors financial safety ratios and liquidity gaps across various tenors, from short to long term. Early warning systems allow the Company to identify and promptly address cash flow mismatches, making efficient use of both own capital and standby credit lines. This strategy not only helps ACBS mitigate refinancing risks but also optimizes the weighted average cost of capital amidst a rising market interest rate environment.

ACBS' liquidity risk management strategy is applied in both normal and stressed conditions, including maintaining sufficient highly liquid assets, managing intraday liquidity, and regularly assessing reliable funding sources to meet liquidity needs. In addition, departments proactively coordinate with each other to continuously update business needs and respond promptly to emergency funding requirements.

Operational risk

At ACBS, operational risk management includes building a risk management framework, issuing standardized operational processes, ensuring clear separation of duties, and enhancing internal control to limit incidents arising from human error, systems, or external objective factors such as natural disasters, epidemics, or wars, thereby ensuring business continuity and customer data security.

In 2025, ACBS deployed a margin limit adjustment feature integrated with eKYC processes. This feature allows customers to proactively adjust margin limits directly on the application, shortening processing time and reducing the need for counter visits. This supports customers in registering and using services quickly and flexibly while ensuring ACBS maintains strict risk management and full compliance with current legal regulations.

3 Business performance in 2025



3.1 Full-year business performance

In 2025, ACBS achieved significant success, marked by strong balance sheet growth and profit exceeding 1 trillion VND for the first time. We maintained a solid financial structure, abundant liquidity, and high capital adequacy.

Total assets reached nearly

38,584 billion VND
marking a **48%** increase
compared to 2024

Margin lending stood at

17,341 billion VND
an increase of **100%**

Total borrowings amounted to

23,173 billion VND
increasing by approximately **1.4** times

Profit before tax reached

1,254 billion VND
rising **48%**

Profitability improved with

- Return on average assets (ROA) at **3,2%**
- Return on average equity (ROE) at **8,7%**

The ratio of operating expense to income improved

Decreasing to **4%**
from **6%** at the end
of 2024

2025 was a year of strong collaboration between ACBS and various banks in Vietnam, delivering outstanding results. By year-end, ACBS was granted a total credit limit of **over 50 trillion VND** by various partners. This ensured ACBS maintained ample capital for business operations and customer financing at competitive rates while ensuring a fair profit-sharing structure with partner banks

ACBS maintained **exceptional asset quality**, with **nonperforming loans incurred**



3.2 The Board & Human Resource policies

The Board of Members



Mr **Do Minh Toan**
Chairman

Mr. Do Minh Toan has been appointed as the Chairman of the Members' Council of ACBS for the 2023–2028 term. He also holds key leadership roles at ACBS, including Chairman of the Investment Council, Chairman of the Human Resources and Compensation Council, Chairman of the Information Technology Council, and Chairman of the Risk Management Council.

Mr. Toan joined ACB in 1995 and has held several key leadership positions within the group. In 2012, he was appointed as the CEO of the bank, a role he successfully held for 3 consecutive terms (9 years). He currently continues to serve in several important leadership roles at ACB.

Mr. Toan holds a Master's degree in Business Administration from Columbia Southern University, USA. He also earned a Bachelor's degree in Banking from the Banking University of HCM City, a Bachelor's degree in International Business Administration from the University of Economics HCM City, and a Bachelor's degree in Law from the University of Law HCM City.



Mr **Nguyen Duc Thai Han**
Vice Chairman

Mr. Nguyen Duc Thai Han has been appointed as the Vice Chairman of the Members' Council of ACBS for the 2023–2028 term. He currently also serves as the Chairman of the Asset-Liability Committee (ALCO) of ACBS. In addition, he also holds the position of Chairman of the Member's Council of ACBC.

He joined ACB in 1994 and has held various key positions, including Deputy Head of Research & Development, Deputy Head of Credit, Head of Money Market Trading, Head of Capital Trading, and Head of Foreign Exchange Trading. Since 2008, Mr. Han has served as Deputy CEO of ACB, leading the Financial Markets Division while also holding the position of Vice Chairman of ALCO.

Mr. Han holds a Bachelor of Science degree in Theoretical Physics from HCM City University.



Mr **Trinh Bao Quoc**
Member

Mr. Trinh Bao Quoc has served as an Independent Board Member of ACB Bank since 2023 and served as a Member of the Members' Council of ACBS for the 2023–2028 term. In 2025, he was appointed as a Member of the Member's Council of ACBC.

Mr. Quoc held many key roles at Avenue Capital Group, Summa Consulting & Training JSC (now Summa Education JSC), Sơn Kim Real Estate JSC, and Vietnam Export-Import Commercial Joint Stock Bank (Eximbank). He is currently the CEO and Investment Director of Thiên Hương Co., Ltd. and a Board Member of Vietnam Industrial Park Group JSC.

Mr. Quoc holds the MBA from the Berkeley Haas School of Business at the University of California, USA. He also earned Bachelor's degrees in Biology and History from the University of Kansas, USA.



Mr **Huynh Duy Sang**
Member

Mr. Huynh Duy Sang has been appointed as a Member of the Members' Council of ACBS and a Member of the company ALCO for the 2023–2028 term. In 2025, he was appointed as a Member of the Member's Council of ACBC.

Mr. Sang is currently the Head of the Financial Markets Division at ACB. He joined the bank in November 2006 as a Foreign Exchange and Gold Trading Specialist. Throughout his time at ACB, he has held various management positions, including Deputy Director of the Gold Trading Center, Project Director for Treasury Business Management, Head and Deputy Head of Foreign Exchange and Gold Trading.

Mr. Sang graduated with distinction from the Master's program in Banking and Finance at Paris Dauphine University & ESCP Europe. He is also a Chartered Financial Analyst (CFA) charterholder and an official member of the CFA Singapore Society, under the CFA Institute US.

The Board of Directors

ACB



Mr. **Nguyen Duc Hoan**

CEO

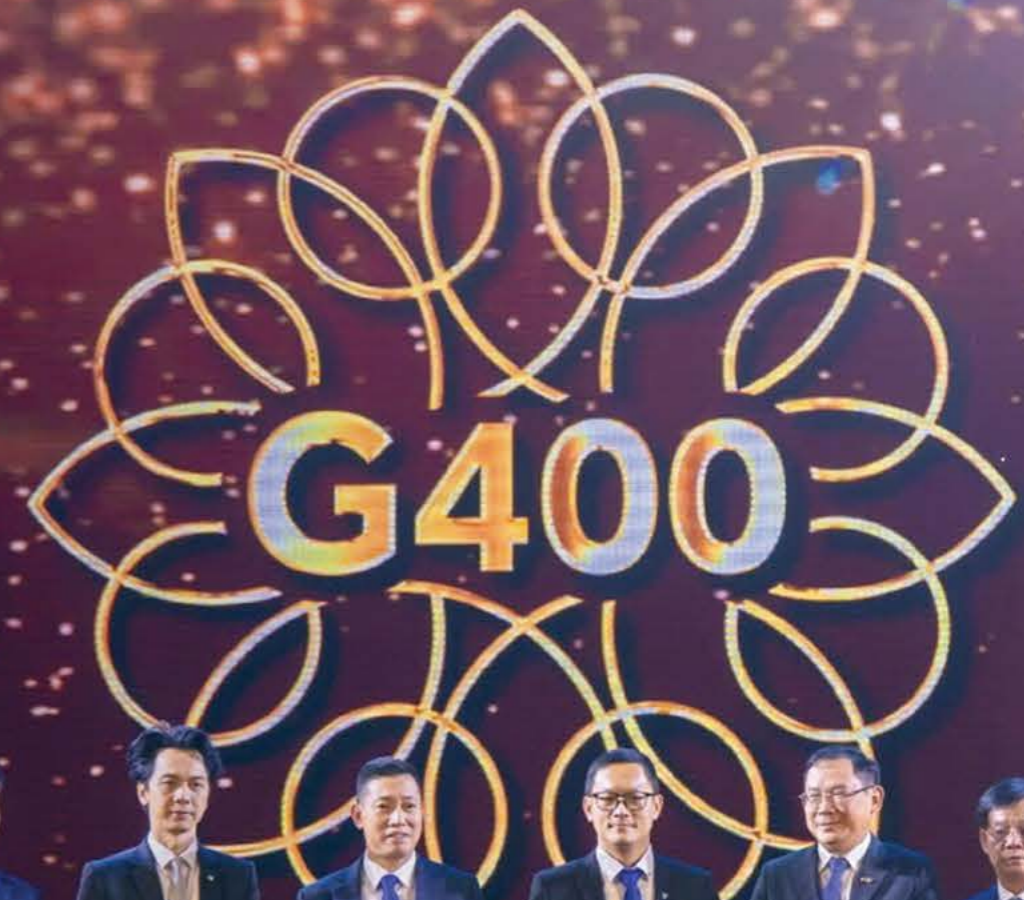
Mr. Nguyen Duc Hoan has served as CEO of ACBS since 2022. Under his leadership, the Company has achieved notable milestones, driven by a disciplined and effective business strategy aligned with market conditions. In his executive management, Mr. Hoan places strong emphasis on risk management, prioritizing the identification of risks and the development of robust control and prevention systems to ensure the successful execution of assigned business objectives.

Mr. Hoan has more than 20 years of experience in the Vietnamese and international financial markets. He holds a Master of Business Administration (MBA) from the University of Leicester and a Master of Science in International Finance (MSc in Finance) from the University of Westminster, United Kingdom.

Prior to joining ACBS, Mr. Hoan held positions at Barclays Bank in London and the Institutional Banking Division of MSB Bank.

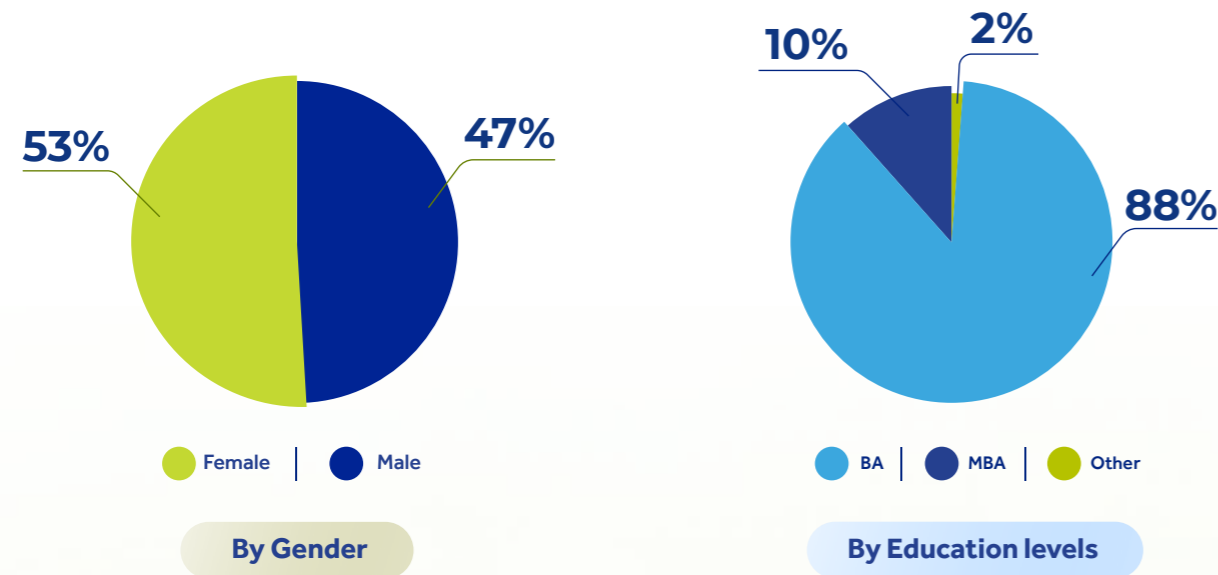
Changes in the Board of Directors

December 2025: Mr. Le Hoang Tan ceased to hold the position of Deputy CEO of ACBS.



Number of employees

In 2025, ACBS had a workforce of **nearly 400 employees**, of whom 373 held university or postgraduate degrees, accounting for 98% of total staff.



Summary of policies and changes in policies for employees

Employee benefit and compensation policy

With a view to offering competitive and appropriate policies for all employees, ACBS has developed its compensation and benefits framework based on market analysis and benchmarking, ensuring fairness, transparency, and regular review.

In 2025, ACBS continued to enhance its performance management and appraisal framework. This enables employees to clearly understand performance objectives, expectations, and corresponding reward mechanisms. Beyond serving as a motivational tool at the individual level, it also supports capability development and encourages proactive contributions to the Company's overall performance.

ACBS fully complies with all applicable laws and regulations related to employee insurance. All employees working under labor contracts are covered by social insurance, health insurance, and unemployment insurance schemes, thereby safeguarding their lawful rights and social security.

In addition to social insurance, ACBS provides a range of supplementary benefits, including health insurance coverage for employees' family members, 24-hour personal accident insurance, preferential loan programs, and welfare benefits on special occasions. The Company places particular emphasis on human capital development, especially for employees in managerial positions. In addition to benefits applicable to all employees, senior managers may be granted preferential loan programs and incentive-based rewards in recognition of their contributions to ACBS.

ACBS also promotes employees' mental well-being and worklife balance through a wide range of recreational, sports, and cultural activities, such as team-building programs, sports tournaments, running clubs, yoga classes, company anniversary celebrations, year-end events, and other special activities.



Employee recruitment policies and activities

ACBS' recruitment policy focuses on attracting and selecting qualified professionals whose development orientation aligns with the Company's long-term strategy. The Company fosters a supportive working environment that enables employees to develop their capabilities and pursue career growth. Relationships with candidates are built on principles of cooperation and mutual development, with a view to long-term benefits for both the organization and individuals.

The Company continues to serve as a bridge between the business sector and higher education institutions. In 2025, the Company organized workshops and internship programs for students, enabling them to gain exposure to professional knowledge in finance and securities as well as practical workplace experience. These initiatives not only support learning and career orientation but also facilitate fair recruitment opportunities for both new graduates and experienced candidates, contributing to the development of a young, dynamic workforce aligned with ACBS' long-term human resource needs.

Labor policy to ensure the health and safety of employees

ACBS provides annual health check-up programs for all employees and employees in managerial positions to support occupational health and safety. In addition, employees are covered by health insurance and personal accident insurance schemes, contributing to the protection of their lawful rights and the enhancement of overall quality of life.

Employee training policies and activities

ACBS recognizes that a high-quality workforce is a key driver of the Company's competitiveness and sustainable development. Accordingly, employee training policies and programs are implemented on a continuous and structured basis to support regular knowledge enhancement, strengthen professional capabilities, and enable employees to meet current job requirements while supporting long-term career development.

ACBS regularly updates and implements training programs in line with market trends, with diverse content and delivery formats. These programs promote a culture of proactive learning and knowledge sharing across the Company, supporting improvements in operational efficiency and service quality.

Employees development policies

ACBS' human resources strategy for 2025 focuses on developing a high-quality workforce with strong professional capabilities and an innovative mindset. The strategy emphasizes enhancing workforce adaptability in the context of digital transformation, while establishing clear career pathways for each position to support sustainable and effective employee development.

At the same time, ACBS focuses on developing the leadership and coaching capabilities of management to enhance governance efficiency, inspiration, and the ability to lead the workforce to achieve operational objectives.

Through initiatives designed to encourage employee contributions, ACBS is gradually fostering a culture of innovation and continuous improvement, enabling employees to apply creative thinking and actively contribute to enhanced work efficiency and organizational value.

3.3 Investment activities, project implementation

Major investments

The VN-Index closed 2025 at 1,784.49 points, up more than 40% from the end of 2024 and reaching a new all-time high. The market experienced negative impacts from U.S. tariff policies in the first half of the year, but staged a clear recovery in the second half, supported by a favorable macroeconomic environment. Key drivers included accelerated public investment, strong credit expansion, and increasingly tangible expectations of a stock market upgrade, all of which strengthened investor sentiment and supported the overall upward trend.

However, the market's gains were not evenly distributed. Capital flows were largely concentrated in a limited number of large-capitalization stocks and several private commercial banks with distinct growth narratives during the last quarter of the year.

In contrast, the majority of mid- and small-capitalization stocks, despite trading at attractive valuations, failed to attract a meaningful rate of return. This resulted in limited market breadth and caused the performance of many investors and investment funds to lag behind the VN-Index and the VN30-Index.

Against this backdrop of pronounced market divergence, the Proprietary Trading Division of the Company maintained a cautious and flexible investment strategy. **By the end of 2025, ROI reached 13.9%, recording profit increase 190% compared with 2024.** At the same time, the Division has been piloting and progressively refining algorithmic trading products in combination with ETFs, laying the groundwork for enhanced returns during the 2026–2030 period, when Vietnam's stock market is expected to be officially upgraded to Secondary Emerging Market status by FTSE Russell, effective September in 2026, to attract substantial inflows from institutional investors.

By the end of 2025, ROI reached 13.9%, recording profit increase 190% compared with 2024.



Major investment of ACBC

ACB Capital Management Company Limited (ACBC), a subsidiary of ACBS, was established under license no. 41/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on October 28, 2008, operating in the securities industry.

As of the end of 2025, ACBC reported:

Charter capital **1.05 trillion VND**

Pre-tax profit **22.59 billion VND**

ACBC's business performance primarily hinged on delivering services and investing its own capital. In 2025, ACBC recorded impressive figures in its operations as follows:

1 trillion VND
Charter capital increase¹

02
New Open-End fund²

>68%
Core revenue growth³

~10%
Managed portfolio growth⁴

(1) Increase of 1 trillion VND in charter capital. The new charter capital of 1.05 trillion VND. ACBC became the fund management company with the largest charter capital in the market, providing a solid financial foundation for future business activities.

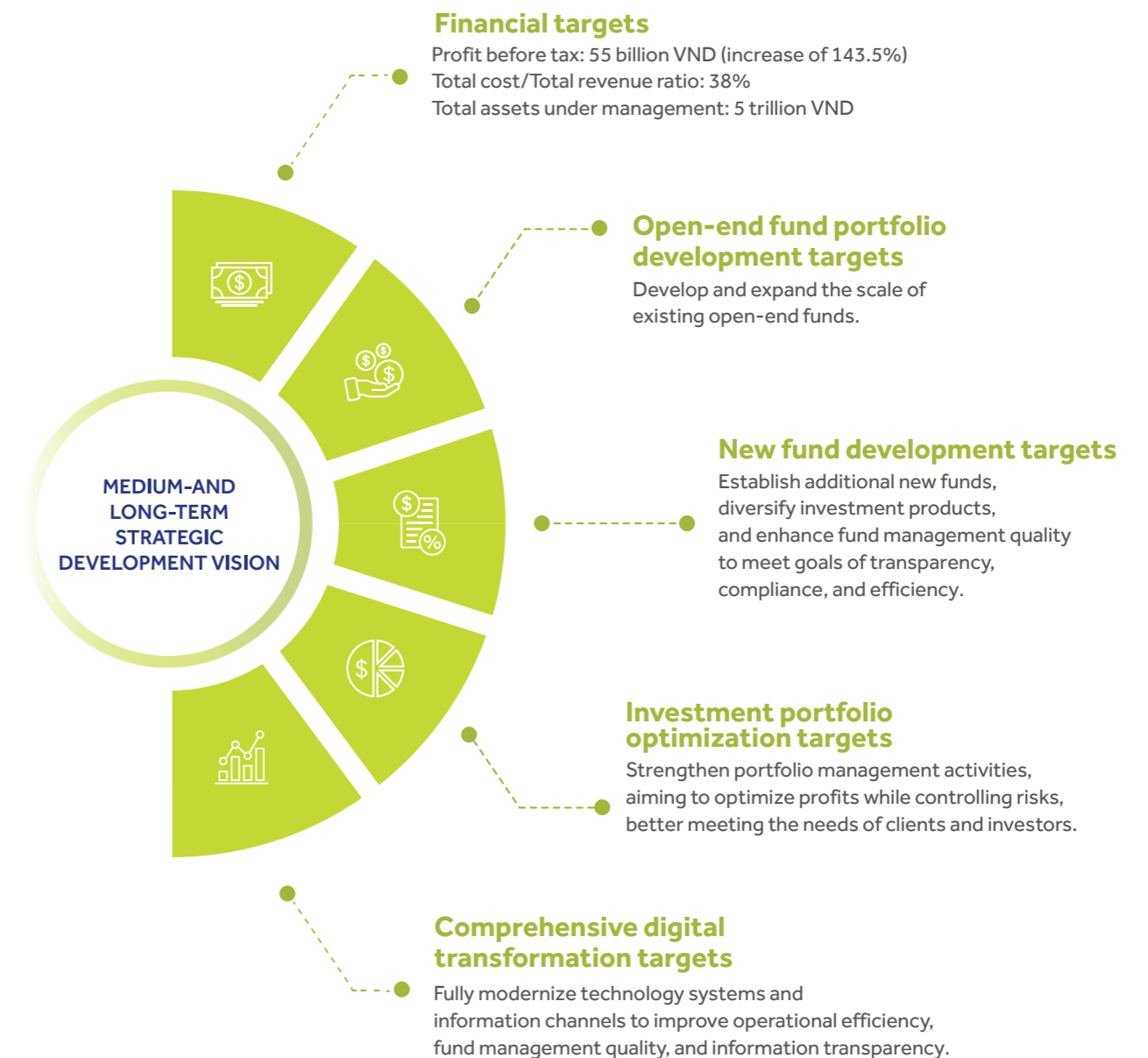
(2) Number of new open-end funds launched to the public (IPO), including the ACBC Stable Growth Investment Fund (ACBC-BGF) and the ACBC Active Growth Investment Fund (ACBC-AGF), thereby expanding the investment product ecosystem, diversifying the service portfolio, and increasing brand recognition in the fund management market.

(3) Growth in revenue from core business activities compared to 2024, reflecting the company's ability to implement business strategies in the market.

(4) Growth in the value of managed entrusted investment portfolios, indicating increasing trust from clients while demonstrating the company's ability to create sustainable value for investors.



In 2026, ACBC sets out a medium-and long-term strategic development vision with the following specific objectives:



3.4 Financial review

Balance sheet and income statement highlights

Items	2024 (Billion VND)	2025 (Billion VND)	YoY%
Total assets	26,041	38,584	48%
Net revenue	2,534	4,614	82%
Operating profit	1,005	1,439	43%
Other operating income	0,49	0,22	(55%)
Profit before tax	847	1,254	48%
Profit after tax	683	1,018	49%

Key financial indicators

Items	2024	2025
1. Liquidity measures		
Current Assets/Current Liabilities	1.5	1.6
2. Capital structure ratio		
Debt/Total Assets Ratio	0.6	0.6
Debt/Owner's Equity Ratio	1.8	1.7
3. Operation Capability Ratio		
Net revenue/Average total assets	0.1	0.1
4. Profitability ratio		
Profit after tax/ Net revenue ratio	0.3	0.2
Profit after tax/ Total capital ratio	0.09	0.09
Profit after tax/ Total assets ratio	0.04	0.03
Profit from business activities/Net revenue ratio	0.4	0.3

3.5 Changes in the Owner's Equity

Founded in 2000, ACBS has achieved 25 years of consistent business growth and development. In the past two years, the company has received two substantial capital injections from its parent bank: 3,000 billion VND in 2024 and an additional 4,000 billion VND in 2025. As of December 31, 2025, ACBS' owner equity stood at 11,000 billion VND.



3.6 Report on ACBS' responsibilities toward community and environment

Each year, ACBS develops detailed plans for energy consumption and usage to closely monitor energy costs, prevent waste, and minimize environmental impact.

In 2025, no violations of environmental protection laws were recorded.



4 Reports & assessments on the operations of the **Board of Directors**

4.1 Assessments of operating results

The year 2025 proved challenging not only for the equity market but also for the Vietnamese and global economies as a whole. Despite these headwinds, we turned challenges into opportunities and are proud to report the following positive results:

- Total assets increased **1.5 times** year-on-year to **38,584 billion VND**, the highest level since the company's inception.
- Margin lending **doubled** year-on-year, reaching an all-time high of **17,341 billion VND**.
- Total outstanding borrowings reached **23,173 billion VND**, while credit limits from financial institutions exceeded **50,000 billion VND**, ensuring flexible and ample funding capacity.
- Pre-tax profit rose to nearly **1.5 times** the level recorded in 2024.
- The company's average brokerage market share for the year was **2.41%**.

In 2025, ACBS upgraded its core securities trading system, significantly improving order processing speed and introducing new features to enhance the customer experience.

ACBS continued to enhance its corporate governance and risk management framework, maintaining rigorous risk control while supporting sustainable business growth.



4.2 Financial situation

Total assets

Total assets

Total assets surged by 48%, reaching approximately 38,584 billion VND, surpassing the company's targets. Asset structure remained tightly managed, with a focus on increasing income-generating assets to maximize capital efficiency.

By the end of 2025, the company's interest-bearing assets reached approximately 29,759 billion VND, accounting for 77% of total assets, while the other primarily consisted of proprietary and derivatives investments.

Short-term deposits at financial institutions reached 12,418 billion VND, accounting for 32% of total assets. These deposits are closely monitored to ensure flexibility in capital business activities while maintaining liquidity safety.

The investment portfolio stood at 4,992 billion VND, representing 13% of total assets. Investment activities are directed and closely supervised by the Investment Board, with capital allocated only when investments meet predefined risk appetite criteria and offer returns that align with the associated risk exposure.

Capital adequacy

Capital adequacy (eligible capital) of the Company was maintained 600% at all times of the year. This ratio at the end of 2025 was 671%, far exceeding the regulatory level of 180%.

The Company managed its capital adequacy in accordance with the prevailing circulars issued by the MOF and its parent bank, ensuring that its capital is strictly monitored and supervised.

Liquidity

The Company's liquidity was maintained at a high level throughout the year, fully and promptly provided to customers's needs and the Company itself, while maintaining profitability and reasonable capital costs.

Margin lending & nonperforming loans

The margin lending portfolio reached nearly 17,341 billion VND, accounting for 45% of total assets. This activity was closely supervised by the Board of Margin. Lending and closely managed and directed by the Board of Directors, ensuring both high growth and conservative credit risk management, ensuring that would not incur any nonperforming loans.

Borrowing

By the end of 2025, the company's borrowing reached nearly 23,173 billion VND, increasing by 1.4 times compared to the same period last year and accounting for 60% of the company's total capital, the highest level ever recorded. The credit limit granted by financial institutions exceeds 50,000 billion VND, fully and flexibly meeting the company's capital needs.

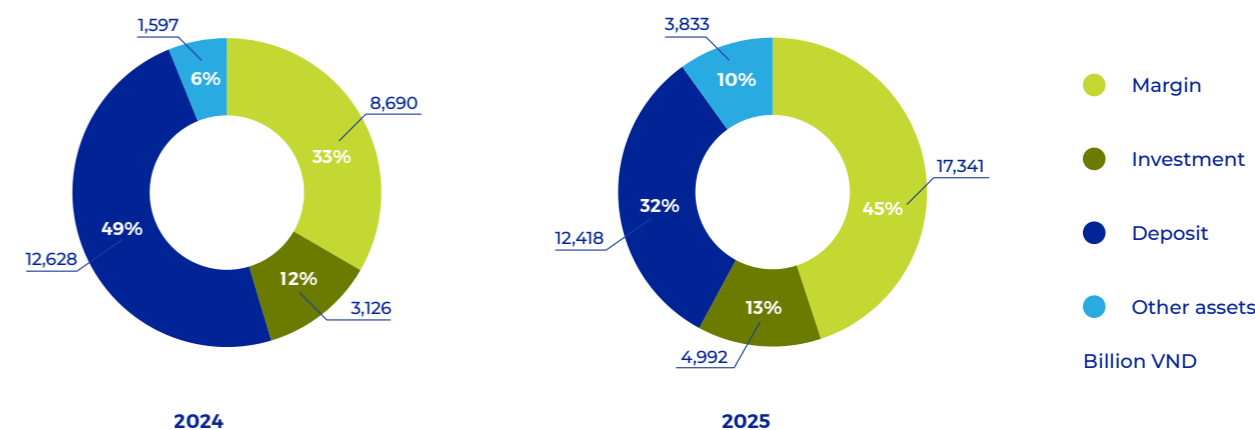
	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Outstanding borrowing (Billion VND)	1,570	2,741	1,343	5,923	16,403	23,173
Outstanding borrowing /total assets	37.9%	36.0%	23.8%	50.3%	63.0%	60.1%

Equity

In 2025, the Company increased chartered capital to 11.000 billion VND from the parent bank's capital injection, along with positive business results, the Company's equity reached approximately 14,270 billion VND, accounting for 37% of the total assets of the Company.

Abundant equity helped the Company expand investment limits, line of margin lending for each stock and customer and maintained a high capital adequacy ratio.

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Equity (Billion VND)	2,054	4,094	4,172	5,569	9,252	14,270
Growth	9%	99.4%	1.9%	33.5%	66.1%	54.2%



Income

Income from margin lending and brokerage activities

Full-year income from margin lending activities reached 1,171 billion VND, an increase of 78% compared to 2024, accounting for 25% of total revenue. Meanwhile, brokerage fee income for the year totaled 453 billion VND, an increase of 18% from 2024, representing 10% of total revenue.

Table of Margin trading revenue

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Margin lending (Billion VND)	180	337	354	344	659	1,171
Growth	(6%)	87%	5%	(3%)	92%	78%

Table of Brokerage fee revenue

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Brokerage (Billion VND)	205	579	506	326	384	453
Growth	37%	183%	(13%)	(36%)	18%	18%

Income from investments

Income from investments in 2025 reached 2,195 billion VND, an increase of 1,110 billion VND compared to 2024, accounting for 48% of total revenue.

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Investment (Billion VND)	143	730	443	810	1,085	2,195
Growth	20.5%	409.7%	(39.2%)	(82.8%)	33.9%	102.3%

Income from Cash management

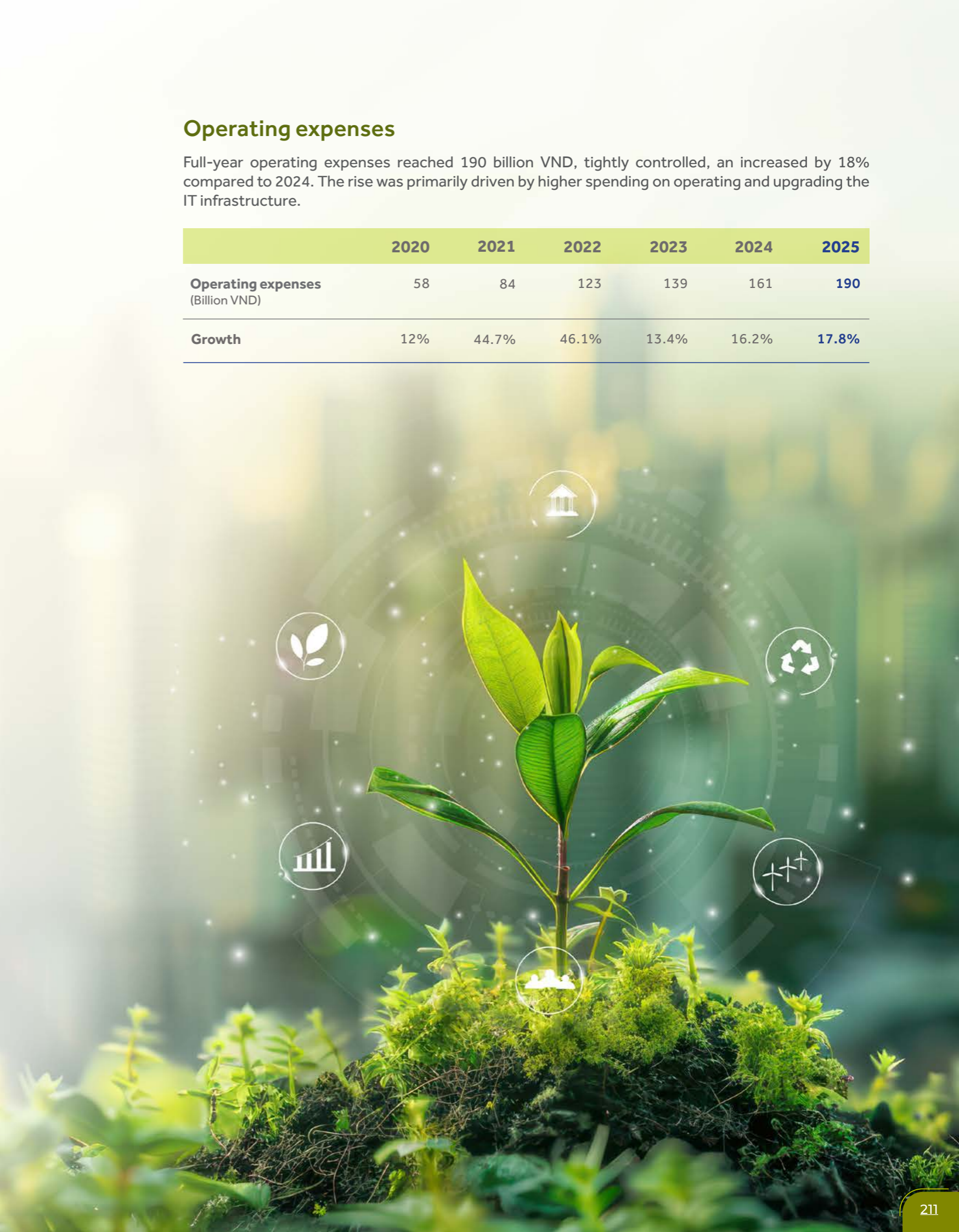
Cash management income was a key highlight for the Company in 2025, with full-year revenue reaching 785 billion VND—more than double that of 2024, accounting for 17% of total revenue. This growth has been driven by the Company's ability to capitalize on market opportunities amid interest rate volatility, which strengthened our equity base and diversified borrowing sources.

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Cash management (Billion VND)	58	61	86	190	401	785
Growth	302.6%	6.4%	40.6%	121.3%	110.9%	95.5%

Operating expenses

Full-year operating expenses reached 190 billion VND, tightly controlled, an increased by 18% compared to 2024. The rise was primarily driven by higher spending on operating and upgrading the IT infrastructure.

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Operating expenses (Billion VND)	58	84	123	139	161	190
Growth	12%	44.7%	46.1%	13.4%	16.2%	17.8%



4.3 Improvements in organizational structure, policies, and management

In 2025, ACBS implemented key enhancements to its organizational structure, policies, and management practices in alignment with its growth strategy, business expansion, and operational requirements following the core trading system transformation.

The Company streamlined and specialized its organizational framework, clarified roles and responsibilities, and strengthened inter-departmental coordination to enhance governance effectiveness and decision-making efficiency.

ACBS standardized and updated internal policies, regulations, and operational processes to support the new system, while comprehensively digitalizing investment products and services. Management effectiveness was further strengthened through accelerated process digitalization, improving service quality, labor productivity, and customer experience. In parallel, the Company continued to invest in technology and the development of new products to deliver greater value to clients.

Workforce development remained a key priority, with a focus on enhancing capabilities in technology, system governance, information security, and risk management, ensuring stable and secure operations and continuously improved service quality.



4.4 Development plans in future

In 2026, ACBS will continue to implement key programs and projects aimed at accelerating digital transformation, developing investment products, enhancing customer experience, and strengthening operational efficiency and risk management. Major initiatives planned for the year include:

Expanding customer access to AI-powered trading tools through online platforms and communication channels:

- AI Quant Trading for quantitative analysis and investment strategies
- AI-powered market information tools covering equities, corporate bonds, ETFs, and fund certificates
- Integration and deployment of AI solutions to support customer services and optimize operational processes

Policies to further develop the brokerage business and enhance competitiveness, alongside tailored customer care, segmentation, and incentive programs:

- eKYC onboarding using digital certificates (CA) and VNeID
- Model portfolio trading solutions
- Customer behavior analytics and investment performance analysis
- Customer ranking solutions combined with gamification features

Process improvements to better reach and support clients:

- Automation of customer service and support processes
- AI-enabled internal reporting tools to provide timely information and facilitate faster client support

Launch of new financial products:

- A dedicated corporate bond trading system
- Deployment of wealth management solutions

Upgrades to the existing trading system in line with regulatory product developments, including

- Trading of unsettled securities (sell-before-settlement)
- T+0 trading
- Clearing and settlement under the Central Counterparty (CCP) model
- Depository receipts

4.5 Explanation of the Board of Directors for Auditor's opinions

We have no comments on Auditor's opinions.

4.6 Assessments report of **environmental and social responsibilities** of the Company

Assessment of environmental criteria

On an annual basis, ACBS develops detailed plans for energy consumption and utilization, including electricity, water, and emissions, with the aim of closely monitoring energy-related costs, preventing inefficiencies, and minimizing the Company's environmental impact.

Assessment of corporate social responsibility

In 2025, ACBS did not record any cases of violations related to environmental protection regulations.

Assessments of employee issues

Compliance with labor laws and regulations is the foundation of human resource management at ACBS. Aiming to enhance the material and spiritual well-being of employees, the Company focuses on building an open, innovative, and collaborative corporate culture; while creating a work environment that encourages the demonstration of capabilities, the proposal of improvement initiatives, professional development, and sustainable contributions to collective success.



5 Assessments of Members' Council on the ACBS's operation in 2025



5.1 Assessments of Members' Council on the ACBS' operation in 2025

In 2025, ACBS continued to achieve solid growth in both asset scale and profitability while ensuring compliance with all safety limits and regulatory ratios in its business operations.

Point 1. All business activities in 2025 experienced substantial growth compared to 2024, driven by a positive stock market environment.

- Total assets reached approximately 38,584 billion VND, up 48% YoY.
- Margin lending surged to nearly 17,341 billion VND, an increase of 100% YoY.
- Borrowings reached approximately 23,173 billion VND, increasing by 1.4 times.

Point 2. Strong profitability, surpassing the 1 trillion VND milestone for the first time.

- Pre-tax profit reached 1,254 billion VND (1.25 trillion VND), nearly an increase of 1.5 times that of 2024.
- Return on Assets (ROA) stood at 3.2%.
- Return on Equity (ROE) reached 8.7%.

Point 3. Prudence and risk management.

- ACBS maintained a zero non-performing loan (NPL) ratio in 2025.
- The company strictly monitored and complied with all safety and risk management regulations, in line with Circular No. 121/2020/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on December 31, 2020.
- The consolidated capital adequacy ratio remained above 600% during the year, reaching 671% in 2025, well above the regulatory requirement of 180%.

Point 4. System and technology upgrades.

In 2025, ACBS upgraded the core securities trading system and enhanced its trading app with new features to provide an excellent user experience.



5.2 Assessments of Members' Council on the Board of Directors performance

The Board has focused on directing and overseeing the BOD's implementation of the 2025 plan to ensure growth, safety, and efficiency for the strategic deployment until 2029. The BOD has successfully accomplished the following tasks:

- ✔ Achieving growth targets in terms of asset scale, operational efficiency, and safety, aligned with the strategic direction for the period 2025–2029.
- ✔ Balanced capital and other resources for business opportunities and utilized flexible and effective funding.
- ✔ Ensured compliance with legal regulations and internal provisions.
- ✔ Secured appropriate human resources, meeting business needs promptly.
- ✔ Fostered a dynamic and healthy business culture, motivating staff and promoting cohesion.

The Board acknowledged and highly appreciated the efforts of BOD.

5.3 Plans and orientations of the Members' Council

Looking ahead to 2026, ACBS has identified several key strategic priorities:

- 1** Further upgrade and enhance the trading platform in alignment with Asia Commercial Bank (parent bank) to strengthen service capabilities for retail clients across distribution channels.
- 2** Continue refining the brokerage model integrated with AI to enhance client service quality.
- 3** Further diversify products and services, particularly in the equity capital market (ECM) and debt capital market (DCM) segments.
- 4** Gradually develop wealth advisory capabilities for the affluent client segment.
- 5** Continue strengthening the Company's investment banking capabilities.





6

The Company governance

6.1 The Board of Members' Council

Members and structure of the Board

The 2023-2028 Board of Members' Council comprises 4 individuals as per Resolution 1661/TCQĐ-HĐQT.23, issued by the Board of Directors of ACB on June 5, 2023.

No.	Member	Title
1	Do Minh Toan	Chairman
2	Nguyen Duc Thai Han	Vice Chairman
3	Trinh Bao Quoc	Member
4	Huynh Duy Sang	Member

Activities of the Board

In 2025, the Board held **51 meetings**, including in-person meetings and the collection of written opinions, to address matters arising during the year. A total of **87 resolutions** and **3 decisions** were issued, covering operational guidelines and policies, organizational structure, and human resources.

The Board exercised its authority through specialized professional councils, including the Investment Council, Risk Management Council, Human Resources and Compensation Council, the Asset–Liability Committee (ALCO), and the Information Technology Council. Each council includes at least two members of the Board of Members' Council, thereby strengthening governance capacity, enabling timely recommendations and direction in their respective areas, and enhancing oversight to ensure operational safety and efficiency.

Semi-annual and annual corporate governance reports were prepared and duly submitted to relevant State management authorities.

The list of the Board of Members possessing certificates on corporate governance

Not applied.

6.2 The Board of Supervisor

Members and structure of the Board

The ACBS' board of supervisor for the 2023–2028 term consists of one member, **Mr. Huynh Hieu Nghia**. He has served as a supervisor at ACBS since 2012.

Mr. Nghia holds a Bachelor's degree in Accounting from Ho Chi Minh City Banking College and has more than 23 years of experience in the finance and banking sector. He currently serves as Head of the Internal Audit Department at Asia Commercial Bank (ACB).

Activities of the Board

The Board of Supervisors oversees the Company's operations in accordance with ACBS' Charter and participates in regular meetings of the Board of Members.

ACBS maintains an Internal Audit Department within its organizational structure to inspect, review, and assess the adequacy and compliance of operational processes. The department is responsible for promptly identifying any arising issues and proposing timely preventive measures and solutions, thereby ensuring that ACBS' operations are conducted safely, effectively, and in full compliance with applicable regulations.



6.3

Transactions, remunerations, and benefits of the Board of Members, Board of Directors and Board of Supervisors

Salary, rewards, remuneration and benefits

Total salaries, bonuses, remuneration, and benefits of the Board of Members, Directors and Supervisor amounted to 15,591,182,000 VND.

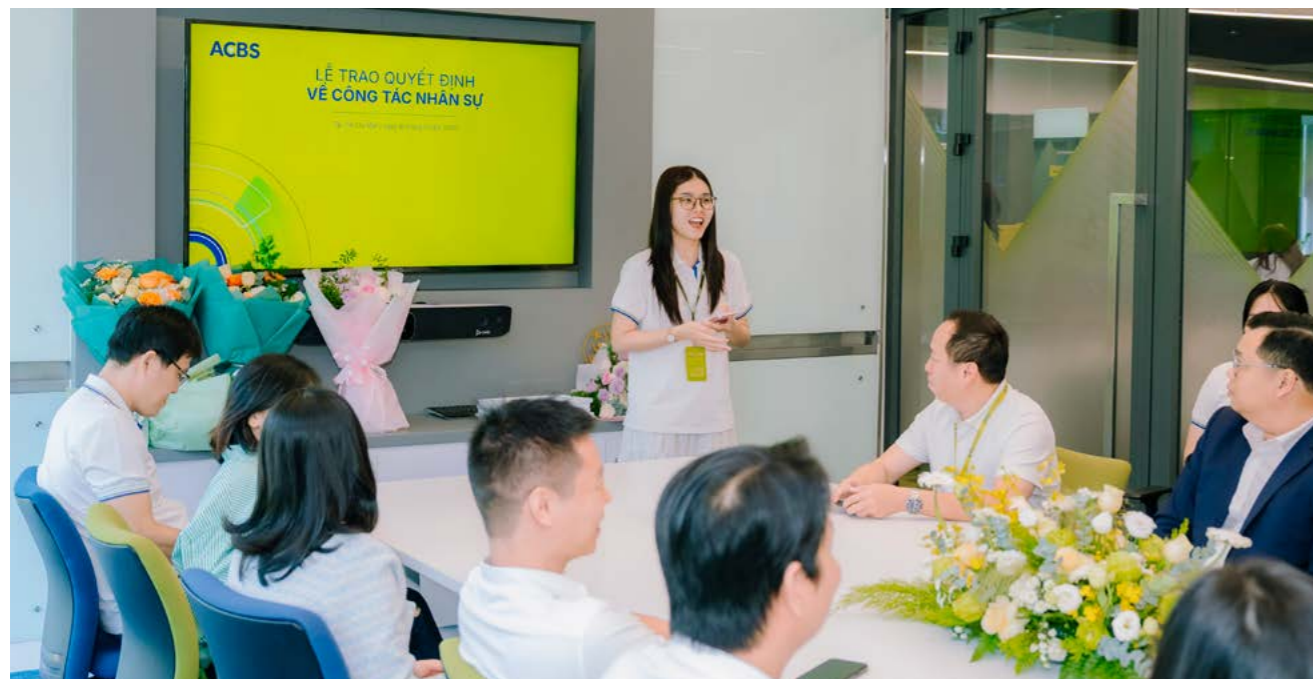
Assessments of implementation of regulations on corporate governance

ACBS has fully complied with the principles of corporate governance and management applicable to a single-member limited liability securities company with institutional ownership, in accordance with prevailing regulations. The company has maintained an organizational structure aligned with the provisions of the Law on Securities, the Law on Enterprises, and other relevant legal frameworks.

Throughout its operations, ACBS has strictly adhered to regulations on corporate governance as stipulated in the Law on Securities, the Law on Enterprises, ACBS' Charter, circulars governing the operations of securities companies, and other related legal provisions. Clear delineation of responsibilities and authority among the Owner, the Members' Council, and the Board of Management has been established, ensuring compliance with legal requirements and recognized corporate governance standards.

ACBS has also implemented an effective internal control system, risk management framework, and supervisory mechanisms to prevent and mitigate operational risks, while addressing and minimizing potential conflicts of interest within the company and in transactions with related parties. The company ensures that employees working in professional business units hold appropriate securities practice certificates in line with regulatory requirements.

In addition, ACBS has carried out timely, complete, accurate, and transparent information disclosure, contributing to enhanced accountability and market confidence. Through these measures, ACBS continues to uphold a corporate governance framework that emphasizes transparency, operational efficiency, and safety, while ensuring full compliance with applicable laws and regulations.



An aerial photograph of a circular lake surrounded by a dense forest. The lake has a smaller circular island in the center, also covered in trees. A road or path curves around the lake. In the background, there are rolling hills under a bright sky. A large, white, stylized number '7' is overlaid on the left side of the image, partially overlapping the text.

7 Financial statement



ACB Securities Company Limited

Consolidated financial statements
for the year ended 31 December 2025



**ACB Securities Company Limited
Corporate Information**

Establishment and Operation Licence No.	06/GPHDKD 56/2001/UBCK-QLKD 71/UBCK-GPDCCTCK 77/UBCK-GPDCCTCK 105/UBCK-GPDCCTCK 464/QD-UBCK 150/UBCK-GP 271/UBCK-GP 115/GPDC-UBCK 13/GPDC-UBCK 18/GPDC-UBCK 26/GPDC-UBCK 45/GPDC-UBCK 63/GPDC-UBCK 101/GPDC-UBCK 91/GPDC-UBCK 96/GPDC-UBCK 05/GPDC-UBCK 03/GPDC-UBCK 07/GPDC-UBCK	29 June 2000 21 September 2001 6 September 2007 1 October 2007 14 January 2008 7 July 2008 4 September 2008 4 November 2009 3 October 2012 13 June 2014 11 August 2014 11 July 2017 21 June 2021 3 August 2022 24 October 2022 13 November 2023 28 November 2023 26 January 2024 22 January 2025 4 April 2025
--	--	--

The Establishment and Operation Licence and its amendments were issued by the State Securities Commission of Vietnam.

Business/Enterprise Registration Certificate No.	0302030508	29 June 2000
---	------------	--------------

The Business Registration Certificate has been amended several times, the most recent of which is the Enterprise Registration Certificate No. 0302030508 dated 21 April 2025. The Business Registration Certificate and its amendments were issued by the Department of Finance of Ho Chi Minh City (formerly known as the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City).

Members' Council	Mr. Do Minh Toan Mr. Nguyen Duc Thai Han Mr. Huynh Duy Sang Mr. Trinh Bao Quoc	Chairman Vice Chairman Member Member
Board of Supervisor	Mr. Huynh Hieu Nghia	Supervisor
Board of Directors	Mr. Nguyen Duc Hoan Mr. Le Hoang Tan	General Director Deputy General Director (until 11 December 2025)
Legal Representative	Mr. Do Minh Toan	Chairman



**ACB Securities Company Limited
Corporate Information (continued)**

Registered offices

Head Office	3 rd Floor, Léman Luxury Building 117 Nguyen Dinh Chieu Street Xuan Hoa Ward Ho Chi Minh City Vietnam
Cho Lon Branch	321 - 323 Tran Phu Street An Dong Ward Ho Chi Minh City Vietnam
Truong Dinh Branch	107N Truong Dinh Street Xuan Hoa Ward Ho Chi Minh City Vietnam
Nguyen Thi Minh Khai Transaction Office	442 Nguyen Thi Minh Khai Street Ban Co Ward Ho Chi Minh City Vietnam
Dong Sai Gon Branch	3 rd Floor, Building No. 53-55 Nguyen Huu Canh Thanh My Tay Ward Ho Chi Minh City Vietnam
Mac Dinh Chi Branch	2 nd Floor, 3 rd Floor, 41 Mac Dinh Chi Street Sai Gon Ward Ho Chi Minh City Vietnam
Hanoi Branch	10 Phan Chu Trinh Street Cua Nam Ward Hanoi City Vietnam
Hai Phong Branch	15 Hoang Dieu Street Hong Bang Ward Hai Phong City Vietnam

**ACB Securities Company Limited
Corporate Information (continued)**

Da Nang Branch	218 Bach Dang Street Hai Chau Ward Da Nang City Vietnam
Khanh Hoa Branch	80 Quang Trung Street Nha Trang Ward Khanh Hoa Province Vietnam
Vung Tau Branch	111 Hoang Hoa Tham Street Vung Tau Ward Ho Chi Minh City Vietnam
Can Tho Branch	17 - 19 Nam Ky Khoi Nghia Street Ninh Kieu Ward Can Tho City Vietnam
Auditor	KPMG Limited Vietnam

**ACB Securities Company Limited
Statement of the Board of Directors**

The Board of Directors of ACB Securities Company Limited ("the Company") presents this statement and the accompanying consolidated financial statements of the Company and its subsidiary (collectively referred to as "ACBS") for the year ended 31 December 2025.

The Company's Board of Directors is responsible for the preparation and true and fair presentation of the consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 ("Circular 210") issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 ("Circular 334") issued by the Ministry of Finance amending, supplementing and superseding Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting. In the opinion of the Board of Directors:

- (a) the consolidated financial statements set out on pages 7 to 65 give a true and fair view of the consolidated financial position of ACBS as at 31 December 2025, and their consolidated results of operations, consolidated cash flows and consolidated changes in equity for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 issued by the Ministry of Finance on amending, supplementing and superseding Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting; and
- (b) at the date of this statement, there is no reasons to believe that the Company and its subsidiary will not be able to pay its debts as and when they fall due.

The Board of Directors has, on the date of this statement, authorised the accompanying consolidated financial statements for issue.



On behalf of the Board of Directors

Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director

Ho Chi Minh City, 2 March 2026



KPMG Limited Branch
No. 115 Nguyen Hue Street,
Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

**To the Investor
ACB Securities Company Limited**

We have audited the accompanying consolidated financial statements of ACB Securities Company Limited ("the Company") and its subsidiary (collectively referred to as "ACBS"), which comprise the consolidated statement of financial position as at 31 December 2025, the consolidated statements of income, cash flows and changes in equity for the year then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company's Board of Directors on 2 March 2026, as set out on pages 7 to 65.

Board of Directors' Responsibility

The Company's Board of Directors is responsible for the preparation and true and fair presentation of the consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 ("Circular 210") issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 issued by the Ministry of Finance amending, supplementing and superseding Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting, and for such internal control as the Board of Directors determines is necessary to enable the preparation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free of material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgement, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and true and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

KPMG Limited Branch, a branch of KPMG Limited, a Vietnamese one member limited liability company and a member firm of the KPMG global organization of independent member firms affiliated with KPMG International Limited, a private English company limited by guarantee. All rights reserved.



Auditor's Opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of ACB Securities Company Limited and its subsidiary as at 31 December 2025 and of their consolidated results of operations and their consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 issued by the Ministry of Finance amending, supplementing and superseding Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

KPMG Limited Branch

Vietnam

Audit Report No.: 25-01-00539-26-2



Nelson Rodriguez Casihan
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 2225-2023-007-1
Deputy General Director

Ho Chi Minh City, 2 March 2026

Pham Huy Cuong
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 2675-2024-007-1

ACB Securities Company Limited Consolidated statement of financial position as at 31 December 2025

Form B01 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	Note	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
ASSETS				
A CURRENT ASSETS (100 = 110 + 130)	100		38,412,240,809,574	25,814,514,894,805
I Financial assets ("FA")	110		38,383,723,039,024	25,756,140,325,555
1 Cash and cash equivalents	111	5	2,002,160,996,703	1,537,490,849,303
1.1 Cash	111.1		1,974,160,996,703	397,476,970,785
1.2 Cash equivalents	111.2		28,000,000,000	1,140,013,878,518
2 Financial assets at fair value through profit or loss ("FVTPL")	112	7(a)	4,991,942,072,247	3,126,491,965,746
3 Held-to-maturity ("HTM") investments	113	7(b)	12,389,822,515,145	11,487,895,656,847
4 Loans receivables	114	7(c)	17,340,704,548,896	8,689,759,268,887
5 Allowance for diminution in value of financial assets and pledge assets	116	8	(117,475,976,897)	(117,475,981,607)
6 Receivables	117	9	1,661,174,112,582	1,018,439,622,409
6.1 Receivables from sales of financial assets	117.1		1,241,381,966,000	842,280,911,100
6.2 Dividend and interest receivables from financial assets	117.2		419,792,146,582	176,158,711,309
6.2.1 Dividend and interest receivables on the due date	117.3		50,000	50,000
6.2.2 Undue accrued dividend and interest receivables	117.4		419,792,096,582	176,158,661,309
7 Short-term prepayment to suppliers	118	10	9,023,896,347	4,708,334,714
8 Receivables from services rendered	119	11	6,822,043,050	4,955,255,753
9 Other receivables	122	12	100,892,323,931	5,174,446,483
10 Allowance for diminution in value of account receivables	129	13	(1,343,492,980)	(1,299,092,980)
II Other current assets	130		28,517,770,550	58,374,569,250
1 Advances	131		113,101,218	94,115,680
2 Office supplies, tools and equipment	132		20,800,000	-
3 Short-term prepaid expenses	133	14(a)	27,504,412,586	25,318,265,892
4 Short-term deposits, collaterals and pledges	134		44,000,000	44,000,000
5 Deductible value added tax	135		834,879,620	610,131,150
7 Other current assets	137	15	577,126	32,308,056,528

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of financial position as at 31 December 2025 (continued)

Form B01 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	Note	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
B LONG-TERM ASSETS (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		171,403,455,448	226,169,134,505
I Long-term financial assets	210		-	51,400,000,000
2 Investments	212		-	51,400,000,000
2.2 Other investments	212.4		-	51,400,000,000
II Fixed assets	220		82,396,011,971	81,826,936,628
1 Tangible fixed assets	221	16	56,546,836,060	55,952,497,635
Cost	222		184,761,085,361	166,748,269,362
Accumulated depreciation	223a		(128,214,249,301)	(110,795,771,727)
2 Intangible fixed assets	227	17	25,849,175,911	25,874,438,993
Cost	228		87,726,276,871	79,883,698,611
Accumulated amortisation	229a		(61,877,100,960)	(54,009,259,618)
III Construction in progress	240	18	5,120,262,113	1,014,000,000
IV Other long-term assets	250		83,887,181,364	91,928,197,877
1 Long-term deposits, collaterals and pledges	251		6,480,263,100	7,060,962,100
2 Long-term prepaid expenses	252	14(b)	42,274,821,118	49,714,235,237
3 Deferred tax assets	253		77,058,854	128,026,672
4 Deposits at Settlement Support Fund	254	19(a)	20,000,000,000	20,000,000,000
5 Other long-term assets	255	19(b)	15,055,038,292	15,024,973,868
5.1 Deposits at the Derivatives Clearing Fund	255.1		15,055,038,292	15,024,973,868
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		38,583,644,265,022	26,040,684,029,310

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of financial position as at 31 December 2025 (continued)

Form B01 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	Note	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
C LIABILITIES (300 = 310 + 340)	300		24,313,942,597,384	16,788,967,900,810
I Current liabilities	310		24,113,929,597,384	16,788,954,900,810
1 Short-term borrowings and finance lease liabilities	311		23,173,380,000,000	16,403,200,000,000
1.1 Short-term borrowings	312	20	23,173,380,000,000	16,403,200,000,000
6 Payables for securities trading activities	318	21	527,140,639,643	171,000,071,633
8 Account payables to suppliers	320	22	122,835,907,749	78,256,907,275
9 Short-term advances from customers	321		60,000,000	60,000,000
10 Taxes and other payables to State Treasury	322	23	188,776,860,227	59,821,539,744
11 Payables to employees	323		37,099,281,221	35,037,937,610
12 Employees' benefits payable	324		160,776,979	174,276,489
13 Accrued expenses – short-term	325	24	57,655,170,088	34,167,325,968
17 Other payables	329		6,820,961,477	7,236,842,091
II Long-term liabilities	340		200,013,000,000	13,000,000
4 Long-term bonds issued	346	25	200,000,000,000	-
11 Other long-term payables	353		13,000,000	13,000,000
D EQUITY (400 = 410)	400		14,269,701,667,638	9,251,716,128,500
I Owner's equity	410		14,269,701,667,638	9,251,716,128,500
1 Owner's equity	411		11,000,000,000,000	7,000,000,000,000
1.1 Contributed capital	411.1	26	11,000,000,000,000	7,000,000,000,000
4 Reserve to supplement charter capital	414		147,729,332,606	147,729,332,606
5 Financial reserve	415		168,979,231,821	168,979,231,821
7 Retained profits	417		2,952,993,103,211	1,935,007,564,073
7.1 Realised profits	417.1		2,909,644,863,506	1,973,624,726,238
7.2 Unrealised profits/(losses)	417.2		43,348,239,705	(38,617,162,165)
TOTAL LIABILITIES AND EQUITY (440 = 300 + 400)	440		38,583,644,265,022	26,040,684,029,310

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of financial position as at 31 December 2025

Form B01 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

OFF-STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS

Items	Code	Note	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
A. THE COMPANY'S ASSETS AND ASSETS MANAGED UNDER COMMITMENT				
2 Valuable papers custodied (Quantity)	002	27(a)	4,050,094	4,050,094
8 Listed/registered financial assets at Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation ("VSDC") of the Company and its subsidiary	008	27(b)	2,912,347,205,000	2,050,773,780,000
9 Custodied financial assets at VSDC not available for trading of the Company and its subsidiary	009		1,920,000	4,826,920,000
10 The Company's financial assets in transit	010	27(c)	35,122,575,000	33,817,180,000
12 Financial assets not custodied at VSDC	012		25,001,750,000	1,750,000
14 Covered warrants (Quantity)	014		155,187,200	101,925,100
B. ASSETS AND PAYABLES RELATING TO ASSETS MANAGED WITH THE CUSTOMER				
1 Listed/registered financial assets at VSDC of investors	021		46,935,664,244,000	37,597,702,210,000
a. Freely traded financial assets	021.1		44,201,528,889,000	34,534,739,980,000
b. Financial assets restricted on transfer	021.2		102,948,680,000	73,383,790,000
c. Pledged financial assets	021.3		856,762,280,000	1,426,093,230,000
d. Blocked financial assets	021.4		1,472,261,350,000	1,285,868,580,000
e. Financial assets awaiting settlement	021.5		302,163,045,000	277,616,630,000
2 Investors' financial assets custodied at VSDC but not yet traded	022		152,783,350,000	325,683,340,000
a. Financial assets custodied at VSDC but not yet traded and freely on transfer	022.1		150,127,000,000	287,920,440,000
b. Financial assets custodied at VSDC but not yet traded and limited on transfer	022.2		2,656,350,000	37,762,900,000
3 Investors' financial assets in transit	023		266,963,135,000	228,964,180,000
5 Investors' financial assets have not been custodied at VSDC	024b		1,089,364,490,000	1,089,364,490,000
7 Customers' deposits	026		1,392,442,911,050	819,013,957,232
7.1 Investors' cash deposits managed by the Company for securities transactions	027	27(d)	717,130,128,558	686,147,204,998
7.1.1 Investors' marginal deposits at VSDC for derivative trading activities	027.1		18,299,920,642	26,196,440,758
7.2 Customers' synthesising deposits for securities trading activities	028		597,270,271,140	103,407,538,750
7.4 Deposits of securities issuers	030		59,742,590,710	3,262,772,726

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of financial position as at 31 December 2025 (continued)

Form B01 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

OFF-STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS (CONTINUED)

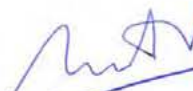
Items	Code	Note	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
8 Payables to investors for cash deposits managed by the Company for securities transactions	031		735,430,049,200	712,343,645,756
8.1 Payables to domestic investors for cash deposits managed by the Company for securities transactions	031.1		735,430,038,714	712,343,635,257
8.2 Payables to foreign investors for cash deposits managed by the Company for securities transactions	031.2		10,486	10,499
9 Payables to securities issuers	032		56,410,278,299	694,769,299
12 Dividend payables, bond principals and interest payables	035		3,332,312,411	2,568,003,427

2 March 2026

Prepared by:


Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

Reviewed by:


Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:


Mr. Nguyen Duc Hoan (*)
General Director

(*) Authorised signature on financial statements according to Letter of Authorisation No. 02/GUQ-ACBS.26 dated 12 February 2026.

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of income for the year ended 31 December 2025

Form B02 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	Note	2025 VND	2024 VND
I OPERATING INCOME				
1.1 Gains from financial assets at FVTPL	01		2,195,073,276,614	1,084,980,001,632
<i>a. Gains from sales of financial assets at FVTPL</i>				
<i>b. Unrealised gains from revaluation of financial assets at FVTPL</i>	01.1	28(a)	866,878,017,961	473,813,091,216
<i>c. Dividends and interest income from financial assets at FVTPL</i>	01.2	28(b)	1,185,700,350,588	538,069,001,254
<i>d. Unrealised gains from revaluation of outstanding covered warrants payables</i>	01.4	28(b)	47,004,336,458	(37,744,019,501)
1.2 Interest income from HTM investments	02	28(c)	784,559,658,308	401,341,325,347
1.3 Interest income from loans and receivables	03	28(c)	1,171,228,688,741	658,935,441,667
1.6 Revenue from securities brokerage	06	28(d)	440,052,880,346	373,059,934,256
1.9 Revenue from securities custody	09	28(d)	12,647,088,845	10,542,079,104
1.10 Revenue from financial advisory services	10	28(d)	3,313,741,446	1,112,727,272
1.11 Other operating income	11	28(d)	6,843,782,738	4,428,525,053
Total operating income	20		4,613,719,117,038	2,534,400,034,331
II OPERATING EXPENSES				
2.1 Losses from financial assets at FVTPL	21		1,775,921,068,047	763,988,626,232
<i>a. Losses from sales of financial assets at FVTPL</i>				
<i>b. Unrealised losses from revaluation of financial assets at FVTPL</i>	21.1	28(a)	624,918,372,021	286,341,879,411
<i>c. Transaction costs of acquisition of financial assets at FVTPL</i>	21.2	28(b)	1,096,839,337,078	471,558,356,972
<i>d. Unrealised losses from revaluation of outstanding covered warrants payables</i>	21.3		263,410,850	587,996,500
2.4 Allowance expenses for financial assets, handling of bad debt losses, impairment of financial assets and borrowings costs of loans	24	29	1,000,931,517,813	440,012,880,824
2.6 Expenses for self-trading	26		23,371,304,330	18,051,453,448
2.7 Expenses for securities brokerage	27	30	347,866,427,118	289,320,481,332
2.10 Expenses for securities custody	30		16,033,491,833	12,979,675,605
2.11 Expenses for financial advisory services	31		3,687,984,559	2,624,502,065
2.12 Expenses for other services	32		6,673,488,645	1,936,541,332
Total operating expenses	40		3,174,485,282,345	1,528,914,160,838

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of income for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B02 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	Note	2025 VND	2024 VND
III FINANCIAL INCOME				
3.1 Realised and unrealised foreign exchange gains	41		97,128,000	2,629,593
3.2 Interest income from demand deposits	42		4,632,321,253	2,176,911,588
Total financial income	50		4,729,449,253	2,179,541,181
IV FINANCIAL EXPENSES				
4.1 Realised and unrealised foreign exchange losses	51		1,159,200	42,326,845
Total financial expenses	60		1,159,200	42,326,845
V SELLING EXPENSES	61		5,580,453,551	5,383,057,558
VI GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES	62	31	184,655,247,977	156,046,365,904
VII RESULTS FROM OPERATING ACTIVITIES (70 = 20 – 40 + 50 – 60 – 61 – 62)	70		1,253,726,423,218	846,193,664,367
VIII OTHER INCOME AND OTHER EXPENSES				
8.1 Other income	71		875,398,190	868,272,746
8.2 Other expenses	72		654,602,746	380,136,049
Results from other activities (80 = 71 – 72)	80		220,795,444	488,136,697
IX ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX (90 = 70 + 80) (CARRIED FORWARD TO THE NEXT PAGE)	90		1,253,947,218,662	846,681,801,064

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements



ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of income for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B02 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code Note	2025 VND	2024 VND
IX ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX (90 = 70 + 80) (BROUGHT FORWARD FROM THE PREVIOUS PAGE)	90	1,253,947,218,662	846,681,801,064
9.1 Realised profit before tax	91	1,171,981,816,792	823,415,569,632
9.2 Unrealised profit before tax	92	81,965,401,870	23,266,231,432
X INCOME TAX EXPENSE	100	235,961,679,524	163,665,230,023
10.1 Income tax expense – current	100.1 32	235,910,711,706	163,605,796,577
10.2 Income tax expense – deferred	100.2 32	50,967,818	59,433,446
XI NET PROFIT AFTER TAX (200 = 90 – 100)	200	1,017,985,539,138	683,016,571,041
XII OTHER COMPREHENSIVE INCOME AFTER TAX	300	-	-

2 March 2026

Prepared by:



Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

Reviewed by:



Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:



Mr. Nguyen Duc Hoan (*)
General Director

(*) Authorised signature on financial statements according to Letter of Authorisation No. 02/GUQ-ACBS.26 dated 12 February 2026.

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of cash flows for the year ended 31 December 2025
(Indirect method)

Form B03 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	2025 VND	2024 VND
I CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1 Profit before tax	01	1,253,947,218,662	846,681,801,064
2 Adjustments for	02	(1,026,346,548,519)	(706,636,574,968)
Depreciation and amortisation	03	25,904,297,090	24,480,845,506
Allowances and provisions	04	44,395,290	99,875
Interest expenses	06	998,983,116,392	440,005,715,313
Gains from investment activities	07	(784,559,096,943)	(401,345,865,332)
Accrued interest income	08	(1,266,719,260,348)	(769,777,370,330)
3 Increase in non-monetary expenses	10	1,150,739,285,176	477,058,750,321
Losses from revaluation of financial assets at FVTPL	11	1,150,739,285,176	477,058,750,321
4 Decrease in non-monetary income	18	(1,232,704,687,046)	(500,324,981,753)
Gains from revaluation of financial assets at FVTPL	19	(1,232,704,687,046)	(500,324,981,753)
5. Operating profit before changes in operating assets and liabilities	30	(10,624,791,372,982)	(12,542,042,618,346)
Increase in financial assets at FVTPL	31	(1,776,589,092,991)	(1,743,621,337,268)
Increase in held to maturity investments	32	(901,926,858,298)	(6,368,504,993,898)
Increase in loans receivables	33	(8,650,945,280,009)	(4,114,763,050,639)
Decrease available for sale financial assets	34	51,400,000,000	10,520,280,000
Increase in receivables from selling financial assets	35	(399,101,054,900)	(822,268,501,100)
Decrease in receivables and dividend and interest receivables of financial assets	36	1,807,645,483,383	1,080,384,355,555
Increase in receivables	37	(1,866,787,297)	(211,909,631)
Increase in other receivables	39	(95,717,877,448)	(4,185,086,502)
Decrease/(increase) in other assets	40	32,593,579,970	(24,914,974,162)
Decrease in accrued expenses (excluding interest expense)	41	(3,881,571,226)	(509,743,678)
Decrease/(increase) in prepaid expenses	42	5,253,267,425	(29,155,734,968)
Corporate income tax paid	43	(120,957,326,393)	(148,986,335,168)
Interest paid	44	(971,613,701,046)	(435,273,017,372)
Increase in payable to suppliers	45	44,579,000,474	70,347,665,806
(Decrease)/increase in employee benefits payable	46	(13,499,510)	15,696,310
Increase in taxes payable to the State Treasury	47	14,001,935,170	7,662,752,769
Increase/(decrease) in payable to employees	48	2,061,343,611	(13,481,020,248)
Increase/(decrease) in other payables	50	340,287,066,103	(5,097,664,152)
Net cash flows from operating activities	60	(10,479,156,104,709)	(12,425,263,623,682)

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of cash flows for the year ended 31 December 2025
(Indirect method – continued)

Form B03 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	2025 VND	2024 VND
II CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Payments for additions to fixed assets	61	(26,363,859,596)	(24,901,337,064)
Proceeds from disposals and sales of fixed assets	62	10,111,705	22,539,387
Net cash flows from investing activities	70	(26,353,747,891)	(24,878,797,677)
III CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Proceeds from receiving capital contributions from the owner	71	4,000,000,000,000	3,000,000,000,000
Proceeds from short-term borrowings	73	76,096,880,000,000	41,083,320,000,000
Other borrowings	73.2	76,096,880,000,000	41,083,320,000,000
Payments to settle borrowing principals	74	(69,126,700,000,000)	(30,602,637,000,000)
Other borrowings principals	74.3	(69,126,700,000,000)	(30,602,637,000,000)
Net cash flows from financing activities	80	10,970,180,000,000	13,480,683,000,000
Net cash flows during the year (90 = 60 + 70 + 80)	90	464,670,147,400	1,030,540,578,641
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	101	1,537,490,849,303	506,950,270,662
▪ Cash in banks	101.1	397,476,970,785	306,450,270,662
▪ Cash equivalents	101.2	1,140,013,878,518	200,500,000,000
Cash and cash equivalents at the end of the year (103 = 90 + 101) (Note 5)	103	2,002,160,996,703	1,537,490,849,303
▪ Cash in banks	103.1	1,974,160,996,703	397,476,970,785
▪ Cash equivalents	103.2	28,000,000,000	1,140,013,878,518

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of cash flows for the year ended 31 December 2025
(Indirect method – continued)

Form B03 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

CASH FLOWS OF CUSTOMERS FOR BROKERAGE AND ENTRUSTMENT ACTIVITIES

Items	Code	2025 VND	2024 VND
Cash flows of customers for brokerage and entrustment activities			
Proceeds from sales of securities brokered by the Company	01	118,881,967,849,056	136,037,235,083,551
Payments for purchases of securities brokered by the Company	02	(122,760,554,926,098)	(136,051,183,828,570)
Receipts of deposits to pay customers' securities transactions	07	239,504,967,813,082	152,430,476,093,647
(Payments)/receipts of investors' margin deposits at VSDC	07.1	(7,896,520,116)	4,175,946,323
Payment for securities transactions of customers	08	(239,473,984,889,522)	(152,418,964,232,130)
Proceeds from securities issuers	14	46,086,318,165,756	2,558,778,630,295
Payments for securities issuers	15	(41,657,388,538,340)	(2,573,701,998,958)
Net cash flows during the year	20	573,428,953,818	(13,184,305,842)
Cash and cash equivalents of customers at the beginning of the year	30	819,013,957,232	832,198,263,074
Cash in banks at the beginning of the year	31	819,013,957,232	832,198,263,074
▪ Investors' cash deposits managed by the Company for securities transactions	32	712,343,645,756	696,655,837,916
▪ Customers' synthesising deposits for securities trading activities	33	103,407,538,750	129,690,456,910
▪ Deposits from securities issuers	35	3,262,772,726	5,851,968,248
Cash and cash equivalents of customers at the end of the year (40 = 20 + 30)	40	1,392,442,911,050	819,013,957,232

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of cash flows for the year ended 31 December 2025
(Indirect method - continued)

Form B03 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	2025 VND	2024 VND
Cash in banks at the end of the year	41	1,392,442,911,050	819,013,957,232
▪ Investors' cash deposits managed by the Company for securities transactions	42	735,430,049,200	712,343,645,756
▪ Customers' synthesising deposits for securities transactions	43	597,270,271,140	103,407,538,750
▪ Deposits from securities issuers	45	59,742,590,710	3,262,772,726

2 March 2026

Prepared by:



Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

Reviewed by:



Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:



Mr. Nguyen Duc Hoan (*)
General Director

(*) Authorised signature on financial statements according to Letter of Authorisation No. 02/GUQ-ACBS.26 dated 12 February 2026.

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

2026
NH
CT
PM
CH

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of changes in equity for the year ended 31 December 2025

Form B04 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

	Opening balance as at		Movements during the year ended				Closing balance as at	
	1/1/2024	1/1/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025
	VND	VND	Increase VND	(Decrease) VND	Increase VND	(Decrease) VND	VND	VND
Owner's capital	4,000,000,000,000	7,000,000,000,000	3,000,000,000,000	-	4,000,000,000,000	-	7,000,000,000,000	11,000,000,000,000
Contributed capital	4,000,000,000,000	7,000,000,000,000	3,000,000,000,000	-	4,000,000,000,000	-	7,000,000,000,000	11,000,000,000,000
Reserve to supplement charter capital	147,729,332,606	147,729,332,606	-	-	-	-	147,729,332,606	147,729,332,606
Financial reserve	168,979,231,821	168,979,231,821	-	-	-	-	168,979,231,821	168,979,231,821
Retained profits	1,251,990,993,032	1,935,007,564,073	683,016,571,041	-	1,017,985,539,138	-	1,935,007,564,073	2,952,993,103,211
Realised profits	1,313,874,386,629	1,973,624,726,238	659,750,339,609	-	936,020,137,268	-	1,973,624,726,238	2,909,644,863,506
Unrealised (losses)/profits	(61,883,393,597)	(38,617,162,165)	23,266,231,432	-	81,965,401,870	-	(38,617,162,165)	43,348,239,705
	5,568,699,557,459	9,251,716,128,500	3,683,016,571,041	-	5,017,985,539,138	-	9,251,716,128,500	14,269,701,667,638

2 March 2026

Prepared by:



Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

Reviewed by:



Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:



Mr. Nguyen Duc Hoan (*)
General Director

(*) Authorised signature on financial statements according to Letter of Authorisation No. 02/GUQ-ACBS.26 dated 12 February 2026.

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025

Form B09 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements.

1. Reporting entity

(a) Establishment

ACB Securities Company Limited (“the Company”) is a limited liability company established in Vietnam under Establishment and Operation Licence No. 06/GPHDKD dated 29 June 2000 issued by the State Securities Commission of Vietnam. The Company’s Establishment and Operation Licence has been amended several times, the most recent of which is the Amended Establishment and Operation Licence No. 07/GPDC-UBCK dated 4 April 2025 issued by the State Securities Commission of Vietnam.

(b) The Company’s charter capital

As at 31 December 2025, the Company’s charter capital was VND11,000,000 million (1/1/2025: VND7,000,000 million).

(c) Principal activities

The principal activities of the Company are to carry out securities brokerage, securities trading, securities investment consulting, corporate financial consulting, securities underwriting, margin loans, securities depository activities, derivative securities trading, issuing covered warrants, and carrying out operations related to covered warrants.

(d) Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is generally within 12 months.

(e) Subsidiary

As at 31 December 2025 and 1 January 2025, the Company has one (1) subsidiary 100% owned which is ACB Capital Management Company Limited (“ACBC”), established under the Operation Licence No. 41/UBCK-GP issued by the State Securities Commission of Vietnam on 28 October 2008, operating in fund management industry.

Consolidated financial statements comprising the Company and its subsidiary (collectively referred to as “ACBS”).

(f) Number of employees

As at 31 December 2025, ACBS had 387 employees (1/1/2025: 381 employees).

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

2. Basis of preparation

(a) Statement of compliance

The consolidated financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 (“Circular 210”) issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 (“Circular 334”) issued by the Ministry of Finance amending, supplementing and replacing Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

(b) Basis of measurement

The consolidated financial statements, except for the consolidated statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept, except for financial instruments classified as financial assets at FVTPL which are measured at fair value as described in Note 3(e). The consolidated statement of cash flows is prepared using the indirect method.

(c) Annual accounting period

The annual accounting period of ACBS is from 1 January to 31 December.

(d) Accounting and presentation currency

The Company’s accounting currency is Vietnam Dong (“VND”), which is also the currency used for financial statements presentation purpose.

3. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by ACBS in the preparation of these consolidated financial statements.

(a) Basic of consolidation

Subsidiary

Subsidiary is entity controlled by the Company. The financial statements of the subsidiary are included in the consolidated financial statements from the date that control commences until the date that control ceases.

Loss of control

When it loses control over a subsidiary, the Company derecognises the assets and liabilities of the subsidiary, and any related non-controlling interest (“NCI”) and other equity components. Any gain or loss arising from this event is recognised in the consolidated statement of income. After divestment, the remaining interest in the previous subsidiary (if any) is recognised at the carrying amount of the investment in the separate financial statements of the parent company, after adjusting for proportionality for the changes in equity since the date of acquisition if the Company still retains significant influence in the investee, or at cost of the remaining investment if significant influence is no longer present.

Transactions eliminated on consolidation

Intra-group transactions, balances, and any unrealised income of ACBS and expenses arising from intra-group transactions, are eliminated in preparing the consolidated financial statements.

(b) Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the year have been translated into VND at rates approximating actual rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate and account transfer selling rate, respectively, quoted by the commercial bank where the Company and its subsidiary most frequently conducts transactions at the end of the annual accounting period.

All foreign exchange differences are recorded in the consolidated statement of income.

(c) Cash and cash equivalents

Cash comprises cash on hand, cash in banks for operation and cash deposits for securities transactions clearing and settlement of the Company. Cash deposits for securities transactions, securities transactions clearing and settlement of the customers are separated from Company’s accounts.

Cash equivalents are short-term highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash, are subject to an insignificant risk of changes in value, and are held for the purpose of meeting short-term cash commitments rather than for investment or other purposes.

(d) Financial assets and financial liabilities

(i) Recognition

Financial assets and financial liabilities are recognised in statement of financial position when the ACBS becomes a party to the contractual provisions of the financial assets and financial liabilities.

(ii) Classification and measurement

- Financial assets at fair value through profit or loss (“FVTPL”): see Note 3(e);
- Held-to-maturity investments: see Note 3(f);
- Loans: see Note 3(g); and
- Receivables: see Note 3(h).

ACBS classifies financial liabilities as financial liabilities measured at amortisation, except for covered warrants payables which are classified as financial liabilities recognised at fair value through profit or loss.

(iii) Derecognition

ACBS derecognises a financial asset when the contractual rights to the cash flows of ACBS from the financial asset expire, or when ACBS transfers the rights to receive the contractual cash flows in a transaction in which substantially all of the risks and rewards of ownership of the financial asset are transferred.

ACBS derecognises a financial liability when its contractual obligations are discharged, cancelled or expired.

(iv) Offsetting

Financial assets and liabilities are offset and the net amount presented in the consolidated statement of financial position when and only when ACBS has a legal right to set off the amounts and ACBS intends either to settle them on a net basis or to realise the asset and settle the liability simultaneously.

(e) **Financial assets at FVTPL**

A financial asset at FVTPL is a financial asset that meets either of the following conditions:

- It is considered by the Board of Directors as held for trading. A financial asset is considered as held for trading if:
 - it is acquired principally for the purpose of selling it in the near term;
 - there is evidence of a recent pattern of short-term profit-taking; or
 - a derivative (except for a derivative that is financial guarantee contract or a designated and effective hedging instrument).
- Upon initial recognition, it is designated by ACBS financial asset at FVTPL.

Financial assets at FVTPL are initially recognised at purchase price excluding transaction costs. Subsequent to initial recognition, these financial assets are measured at market value or fair value (when market value is not available) with changes in market price or fair value being recognised as profit/loss in the consolidated statement of income.

For listed securities, the market price is the closing price at the Ho Chi Minh City Stock Exchange and the Hanoi Stock Exchange on the latest transaction date prior to the end of the annual accounting period.

For securities registered for trading on the Unlisted Public Company Market (“UPCOM”), the market price is the closing price at UPCOM on the latest trading day prior to the end of the annual accounting period.

For unlisted securities and not yet registered for trading, the market price is the average price of the transaction prices at the latest trading date prior to the end of the annual accounting period not more than one month from the end of the annual accounting period provided by three securities companies which are not related parties of ACBS.

For delisted securities and securities for which trading has been suspended or cancelled from the sixth day onward, the fair value is the book value at the latest financial position date.

Investments in equity instruments including derivative instruments to be settled by equity instruments are stated at cost if there are no market prices and their fair values cannot be determined reliably.

For listed and registered corporate bonds, the market price is the most recent transaction price at the Stock Exchange within 10 days prior to the end of the annual accounting period. In case there is no transaction within 10 days from the date of financial statements, the fair value is the book value at the end of the annual accounting period.

Covered warrants

Covered warrants are secured securities issued by the Company which gives its holder the right to buy (call warrant) or sell (put warrant) underlying securities to issuing organisations at a predetermined price, at or sooner a predetermined time, or receive the difference between the exercise price and the underlying securities price at the time of execution. The Company issuing covered warrants are required to deposit cash and financial assets, or obtain bank guarantees to secure their obligations to warrant holders.

The Company records transactions related to covered warrants under the guidance of Circular No. 23/2018/TT-BTC issued by the Ministry of Finance dated 12 March 2018, details as follows:

- When distributing covered warrants to investors, the Company recognised an increase in covered warrants payables at issued price and also monitored number of authorised covered warrants in off-statement of financial position items.
- Covered warrants are initially recognised at issued price and subsequently remeasured at fair value at the “Covered warrants payables” account. At the end of the annual accounting period, the Company revalued its outstanding covered warrants at fair value. In case the price of covered warrant is decreased or increased, the difference will be recognised as income or expense in the consolidated statement of income.
- Expenses of issuance of covered warrants are recognised in losses from sales of financial assets at FVTPL in the consolidated statement of income.
- Gains/(losses) at maturity date and buyback covered warrant issued are recognised in gains/(losses) from sales of financial assets at FVTPL in the consolidated statement of income.

(f) **Held-to-maturity investments**

Held-to-maturity investments are non-derivative financial assets with fixed or determinable payments and a fixed maturity that ACBS has the positive intention and ability to hold to maturity, other than:

- those that ACBS on initial recognition classified as at FVTPL;
- those that ACBS classified as available-for-sale; and
- those that meet the definition of loans and receivables.

Held-to-maturity investments include term deposits at banks and these investments are stated at costs less allowance for doubtful debts.

Financial assets will not be further classified as held-to-maturity investments if during the current financial year or during the two most recent financial years they were sold or reclassified a significant amount of held-to-maturity financial assets prior to maturity, unless the sale or reclassification meets either of the following conditions:

- it is very close to maturity that changes in market interest rates do not significantly affect the value of financial assets;
- it is made after ACBS has received the majority of the principal of these financial assets under payment progress or advance payments; or
- it is in connection with a special event beyond the control of ACBS and this event cannot be predicted by ACBS.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(g) Loans

Margin loans allow investors to borrow for buying securities. Loans are stated at cost. Subsequently, loans are recorded at amortised cost using the effective interest rate method. Advances to customers for the proceeds from selling securities are advances to customers who have transactions to sell securities at the transaction date. These advances are due within two trading days.

At the end of the annual accounting period, allowance is made for loans when there is evidence of impairment. Allowance is determined by the negative difference between the market value of the collateral assets and the carrying amount of the respective loan and advances at the end of the annual accounting period. Allowance made/reversed for impairment of loans and advances is recognised as an increase/(decrease) in expenses in the consolidated statement of income.

(h) Account receivables

Receivables from the sale of financial assets and from the rendering of services and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts. Allowance for doubtful debts is made based on the overdue status of the debts or expected losses on undue debts which may occur when an economic organisation is bankrupted or liquidated; or the debtor is missing, having escaped, being prosecuted, in prison, under a trial or pending executive of sentences or deceased.

Allowance for bad debts is determined by reference to past due status as follows:

<i>Overdue status</i>	<i>Allowance rate</i>
From six (06) months to less than one (01) year	30%
From one (01) year to less than two (02) years	50%
From two (02) years to less than three (03) years	70%
From three (03) years and over	100%

For overdue debts, the Board of Directors also assesses the expected recovery of the debts in determining the allowance.

Allowance for doubtful debts based on the expected losses of undue debts is determined by the Board of Directors by considering the recovery of these debts.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(i) Other long-term investments

Other long-term investments are initially recognised at cost, including the purchase price and directly attributable acquisition costs. After initial recognition, these investments are measured at cost less any allowance for impairment. An allowance is made for diminution in investment value if the investee has suffered a loss which may cause the Company to lose its invested capital, unless there is evidence that the value of the investment has not been diminished. The impairment allowance is reversed when the investee subsequently generates profits to offset the previously recognised losses. The allowance can only be reversed to the extent that the carrying amount of the investment does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance for impairment had been recognised.

(j) Tangible fixed assets

(i) Cost

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, import duties, non-refundable purchase taxes and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repairs and maintenance and overhaul cost, is charged to the consolidated statement of income in the year in which the cost is incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

(ii) Depreciation

Depreciation is computed on a straight-line basis over the below estimated useful lives of tangible fixed assets:

▪ Buildings	25 years
▪ Machinery and equipment	3 – 7 years
▪ Motor vehicles	6 years
▪ Management equipment	3 – 5 years
▪ Other tangible fixed assets	3 – 6 years

(k) Intangible fixed assets

Software

Cost of acquiring new software, which is not an integral part of the related hardware, is capitalised and treated as an intangible asset. Software cost is amortised in the consolidated statement of income on a straight-line basis over year ranging from 3 to 5 years.

(l) Construction in progress

Construction in progress represents the costs of tangible and intangible fixed assets which have not been fully installed. No depreciation is provided for construction in progress during the period of installation.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(m) **Prepaid expenses**

Prepaid expenses include prepayments for goods, services, tools and equipment do not qualify to be accounted as fixed assets according to the prevailing regulations. Prepaid expenses are initial stated at cost and allocated to operating expenses on a straight-line basis over their estimated useful life.

(n) **Trade and other payables**

Trade and other payables are stated at their cost.

(o) **Provisions**

A provision is recognised if, as a result of a past event, ACBS has a present legal or constructive obligation that can be estimated reliably, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation. Provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability.

(p) **Bonds issued**

Straight bonds

At initial recognition, straight bonds are measured at cost which comprises proceed from issuance net of issuance costs. Any discount, premium or issuance costs are amortized on a straight-line basis over the term of the bond.

(q) **Taxation**

Income tax on the profit or loss for the year comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the consolidated statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the year, using tax rates enacted at the end of the annual accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous years.

Deferred tax is provided for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amount of assets and liabilities using tax rates enacted or substantively enacted at the end of the annual accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary differences asset can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(r) **Contributed capital**

Contributed capital is recognised on the contribution date at the actual amount contributed less any directly attributable costs.

(s) **Statutory reserves**

On 17 December 2021, the Ministry of Finance issued Circular No. 114/2021/TT-BTC (“Circular 114”) superseding Circular No. 146/2014/TT-BTC dated 6 October 2014 (“Circular 146”) issued by the Ministry of Finance to guidance on the financial regime applicable to securities companies and fund management companies. Circular 114 is effective from 1 February 2022. Consequently, the Company and its subsidiary have ceased to allocate realised profit to statutory reserves since 2022. According to Circular 114:

- The reserve to supplement charter capital that was already made under Circular 146 will be used to supplement charter capital as promulgated under Securities Law No. 54/2019/QH14 and other legal regulations.
- The financial reserve can be used to supplement to charter capital or distributed in accordance with the decision of Members’ Council of the Company and its subsidiary as promulgated under Securities Law No. 54/2019/QH14 and other legal regulations.

As of the date of issuance of these consolidated financial statements, ACBS have not yet made any decision regarding the outstanding balance of reserve to supplement charter capital and financial reserve.

(t) **Revenue**

(i) **Gains from sales of financial assets**

Gains from sales of financial assets is recognised in the consolidated statement of income when ACBS receive the order matching reports of securities trading transactions from VSDC (for listed securities) or completion of the agreement on transfer of assets (for unlisted securities).

(ii) **Dividend and interest income from financial assets**

Dividend income is recognised in the consolidated statement of income when ACBS’s right to receive dividends is established. Dividends are not recognised for shares traded from the ex-dividend date. For stock bonuses, ACBS only records the increase in the number of shares received, without recording any dividend income.

Interest revenue from financial assets is recognised when the interest is incurred on an accrual basis (taking into account the yield generated by the asset) unless the collectability of the interest is uncertain.

(iii) **Revenue from securities brokerage**

Revenue from securities brokerage activities is recognised in the consolidated statement of income when the service is rendered.



(iv) **Revenue from financial advisory services**

Revenue from financial advisory services is recognised in the consolidated statement of income in proportion to the stage of completion of the transaction at the end of the annual accounting period. The stage of completion is assessed by reference to work performed.

(v) **Revenue from securities custodial services**

Revenue from securities custody activities is recognised in the consolidated statement of income when the service is rendered.

(u) **Interest expense**

Interest expense is recognised as an expense in the consolidated statement of income when it is incurred. Interest expenses related to loans receivables are recognised at "Allowance expenses for financial assets, handling of bad debt losses, impairment of financial assets, and borrowings costs of loans" in the consolidated statement of income.

(v) **Operating lease payments**

Payments made under operating leases are recognised in the consolidated statement of income on a straight-line basis over the term of the lease.

(w) **Related parties**

Parties are considered to be related to ACBS if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or where ACBS and the other party are subject to common control or significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party.

Related companies include the parent company, its subsidiaries and associates.

(x) **Comparative information**

Comparative information in these consolidated financial statements is presented as corresponding figures. Under this method, comparative information for the prior year are included as an integral part of the current year consolidated financial statements and are intended to be read only in relation to the amounts and other disclosures relating to the current year. Accordingly, the comparative information included in these consolidated financial statements is not intended to present ACBS's financial position, results of operations or cash flows for the prior year.

(y) **Nil balances**

Items or balances required by Circular 334 issued by the Ministry of Finance that are not shown in these consolidated financial statements indicate nil balances.

4. Financial instruments

(a) **Financial risk management**

(i) **Overview**

ACBS has exposure to the following risks from its use of financial instruments:

- credit risk;
- liquidity risk; and
- market risk.

This note presents information about ACBS's exposure to each of the above risks, ACBS's objectives, policies and processes for measuring and managing risk.

The Members' Council oversees how the Board of Directors monitors compliance with ACBS's risk management policies and procedures and reviews the adequacy of the risk management framework in relation to the risks faced by ACBS.

(ii) **Risk management framework**

The Board of Directors has overall responsibility for the establishment and oversight of ACBS's risk management framework. The Board of Directors has established the Risk Management Committee, which is responsible for developing and monitoring ACBS's risk management policies. The Committee reports regularly to the Board of Directors on its activities.

The Company's risk management policies are established to identify and analyse the risks faced by the Company, to set appropriate risk limits and controls, and to monitor risks and adherence to limits. Risk management policies and systems are reviewed regularly to reflect changes in market conditions and ACBS's activities. The Company, through its training and management standards and procedures, aims to develop a disciplined and constructive control environment in which all employees understand their roles and obligations.

(b) **Credit risk**

Credit risk is the risk of financial loss to ACBS if a customer or counterparty to a financial instrument fails to meet its contractual obligations.

To manage the level of credit risk, ACBS attempts to deal with counterparties of good credit standing, and when appropriate, obtains collaterals. The Board of Directors has established a credit policy under which each new customer is analysed individually for creditworthiness before the standard terms and conditions are offered.

Concentration level of credit risk that arises from groups of counterparties when they have similar economic characteristics that would cause their ability to meet contractual obligations to be similarly affected by changes in economic or other conditions. The major concentration level of credit risk arises from type of customer in relation to the Company's advances to customers for the proceeds from selling securities and margin loans.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Collaterals

The amount and type of collateral required depends on an assessment of the credit risk of the counterparty. Guidelines are implemented regarding the acceptability of types of collateral and valuation parameters. The main types of collateral obtained are listed securities and cash deposited at the Company. The Board of Directors monitors the market value of collateral, requests additional collateral in accordance with the underlying agreement, and monitors the market value of collateral obtained during its review of the adequacy of the allowance for doubtful debts.

Exposure to credit risk

Not considering collaterals, ACBS's maximum exposure to credit risk at the end of the annual accounting period was as follows:

	Note	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cash and cash equivalents:			
▪ Cash in banks (i)	5	1,974,160,996,703	397,476,970,785
▪ Cash equivalents (i)	5	28,000,000,000	1,140,013,878,518
Held-to-maturity investments (i)	7(b)	12,389,822,515,145	11,487,895,656,847
Financial assets at FVTPL (ii)			
▪ Unlisted corporate bonds	7(a)	273,994,520,400	-
▪ Unlisted bonds issued by credit institutions	7(a)	518,368,493,000	-
▪ Certificates of deposit	7(a)	30,333,375,991	-
Loans:			
▪ Margin loans (iii)	7(c)	17,195,059,799,722	8,556,899,945,896
▪ Advance to customers for the proceeds from selling securities (iv)	7(c)	145,644,749,174	132,859,322,991
Other receivables:			
▪ Receivables from sales of financial assets (v)		1,241,381,966,000	842,280,911,100
▪ Receivables and dividend and interest receivables of financial assets (v)		419,792,146,582	176,158,711,309
▪ Receivables from services rendered (v)	11	6,822,043,050	4,955,255,753
▪ Other receivables (v)		100,394,301,332	5,174,446,483
Other current assets	15	577,126	32,308,056,528
Long-term pledges, mortgages, margin deposits, and security deposits		6,480,263,100	7,060,962,100
Deposits at Settlement Support Fund	19(a)	20,000,000,000	20,000,000,000
Other non-current assets	19(b)	15,055,038,292	15,024,973,868
		<u>34,365,808,808,216</u>	<u>22,818,109,092,178</u>

(i) Cash in banks, cash equivalents and held-to-maturity investments

Cash in banks, cash equivalents and held-to-maturity investments of ACBS are mainly held with well-known financial institutions. The Board of Directors does not foresee any significant credit risk from these deposits and does not expect that these financial institutions may default and cause losses to ACBS.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(ii) Financial assets at FVTPL

Financial assets at FVTPL include corporate bonds, bonds issued by credit institutions and certificates of deposit of the Company with well-known institutions. The Board of Directors does not foresee any significant credit risk from these investments and does not expect that these financial institutions may default and cause losses to the Company.

(iii) Margin loans contract

Margin loans are secured by eligible securities listed on the stock exchanges. Under the prevailing regulations on margin loans, the initial margin rate is not lower than 50% of the eligible securities' value. Ineligible securities are defined by the stock exchanges on regularly. Eligible securities are approved by authorised management and frequently updated by margin loans risk management function based on several criteria including, the listed company's performance, volatility and liquidity.

Securities Service Department has continuously reviewed the margin loan report which includes outstanding balances, collateral and maintenance margin ratio. When the margin ratio falls below the maintenance ratio (regulated level: 30%), the system will alert and the Company makes margin calls. When the customers do not add or insufficiently add the collaterals within the duration of margin calls, the Company force sells out collaterals to collect the debts.

Analysis of credit quality of margin loans as at the end of the annual accounting period was as follows:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Margin loans		
▪ Overdue from 3 years and above	117,476,188,907	117,476,188,907

Refer to Note 8 regarding the allowance for impairment loss of financial assets and collateral assets.

(iv) Advances to customers for the proceeds from selling securities

Advances to customers for the proceeds from selling securities are collected from VSDC. VSDC is a state-owned entity and has no history of payment defaults.

VSDC requires its members to deposit into the Settlement Support Fund and the Clearing Fund for derivatives securities to secure their trading obligations.

The Company may fulfil customers' securities trading orders only when the customers' balances maintain enough (100%) cash and securities and must carry out further steps to ensure payments prior to execution of the trades.

Credit risk from advances to customers for the proceeds from selling securities is assessed as low.

As at 31 December 2025 and 1 January 2025, there were no past due or uncollectible balances with VSDC that are impaired.

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(v) Other receivables

Credit exposure is restricted by doing business with counterparties with high credit ratings and obtaining security where necessary.

(c) Liquidity risk

Liquidity risk is the risk that ACBS will not be able to meet its financial obligations as they fall due. ACBS's approach to managing liquidity is to ensure, as far as possible, that ACBS will always have sufficient liquidity to meet its liabilities when due, under both normal and stressed conditions, without incurring unacceptable losses or risking damage to ACBS's reputation.

Financial liabilities with fixed or determinable payments and estimated interest payments as of the end of the annual accounting period were as follows:

As at 31 December 2025	Carrying amount VND	Contractual cash flows VND	Within 1 year VND	1 – 2 years VND	Over 5 years VND
Short-term borrowings	23,173,380,000,000	23,496,144,230,904	23,496,144,230,904	-	-
Payable for securities trading activities	527,140,639,643	527,140,639,643	527,140,639,643	-	-
Payable to suppliers – short-term	122,835,907,749	122,835,907,749	122,835,907,749	-	-
Accrued expenses – short-term	57,655,170,088	57,655,170,088	57,655,170,088	-	-
Other short-term payables	6,820,961,477	6,820,961,477	6,820,961,477	-	-
Long-term bonds issued	200,000,000,000	226,000,000,000	-	226,000,000,000	-
Other long-term payables	13,000,000	13,000,000	-	-	13,000,000
	24,087,845,678,957	24,436,609,909,861	24,210,596,909,861	226,000,000,000	13,000,000

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

As at 1 January 2025	Carrying amount VND	Contractual cash flow VND	Within 1 year VND	Over 5 years VND
Short-term borrowings	16,403,200,000,000	16,537,130,508,329	16,537,130,508,329	-
Payable for securities trading activities	171,000,071,633	171,000,071,633	171,000,071,633	-
Payable to suppliers – short-term	78,256,907,275	78,256,907,275	78,256,907,275	-
Accrued expenses – short-term	34,167,325,968	34,167,325,968	34,167,325,968	-
Other short-term payables	7,236,842,091	7,236,842,091	7,236,842,091	-
Other long-term payables	13,000,000	13,000,000	-	13,000,000
	16,693,874,146,967	16,827,804,655,296	16,827,791,655,296	13,000,000

ACBS manages its ability to meet the expected operational expenses and servicing its debts by investing its cash surpluses in cash equivalents and short-term deposits at banks.

ACBS considers that the risk related to debt obligations is rather low. It is able to mobilise funds and loans with term of less than 12 months can be renewed with current lenders.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(d) Market risk

Market risk is the risk that changes in market prices, such as foreign exchange rates, interest rates and equity prices will affect ACBS's results of operations or the value of ACBS's holding financial instruments. The objective of market risk management is to manage and control market risk exposures within acceptable parameters, while optimising the return.

(i) Currency risk

Currency risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in foreign exchange rates.

ACBS is exposed to currency risk on borrowings that are denominated in a currency other than the accounting currency of the Company, which is VND. At the end of the annual accounting period, ACBS does not have any balance from transactions in currencies other than VND.

(ii) Interest rate risk

Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market interest rates.

At the end of the annual accounting period, the interest rate profile of ACBS's interest-bearing financial instruments was as follows:

	Carrying amount	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Fixed rate instruments		
Cash in banks and cash equivalents	2,002,160,996,703	1,537,490,849,303
Unlisted corporate bonds	273,994,520,400	-
Unlisted bonds issued by credit institutions	518,368,493,000	-
Held-to-maturity investments	12,389,822,515,145	11,487,895,656,847
Loans receivables – gross	17,340,704,548,896	8,689,759,268,887
Other current assets	577,126	32,308,056,528
Deposits at Settlement Support Fund	20,000,000,000	20,000,000,000
Other non-current assets	15,055,038,292	15,024,973,868
Short-term borrowings	(23,173,380,000,000)	(16,403,200,000,000)
Long-term bonds issued	(200,000,000,000)	-

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(iii) Share price risk

Share price risk arises from listed shares held by ACBS. The Company's Board of Directors monitor the listed shares in its investment portfolio based on market indices. Material investments in the portfolio are managed separately and approved by the authorised people.

At the end of the annual accounting period, the financial instruments exposed to the share price risk of ACBS were as follows:

	Fair value	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Financial instruments with share price risk		
Financial assets at FVTPL	4,147,827,006,155	3,119,470,229,045
▪ Listed shares and shares traded on UPCOM	2,195,265,682,155	2,411,349,014,045
▪ Underlying assets hedge for warrants issued by the Company	1,952,561,324,000	708,121,215,000

As at 31 December 2025, if share prices increase/decrease by 41% with all other variables being held constant, profit after tax of ACBS would have increased/decreased by VND1,360,487 million (1/1/2025: if share prices increase/decrease by 12% with all other variables being held constant, profit after tax of ACBS would have increased/decreased by VND299,469 million).

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(e) Fair value

Fair value is the amount for which an asset could be exchanged, or a liability settled, between knowledgeable, willing parties in an arm's length transaction on the measurement date.

The fair values of financial assets and liabilities, together with the carrying amounts shown in the consolidated statement of financial position were as follows:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Carrying amount VND	Fair value VND	Carrying amount VND	Fair value VND
Financial assets				
<i>Categorised as financial assets at FVTPL:</i>				
▪ Financial assets at FVTPL:	4,991,942,072,247	4,991,942,072,247	3,126,491,965,746	3,126,491,965,746
- Listed shares and traded shares on UPCOM	2,195,265,682,155	2,195,265,682,155	2,411,349,014,045	2,411,349,014,045
- Unlisted shares and not yet registered for trading	21,418,676,701	21,418,676,701	7,021,736,701	7,021,736,701
- Underlying assets hedge for warrants issued by the Company	1,952,561,324,000	1,952,561,324,000	708,121,215,000	708,121,215,000
- Unlisted corporate bonds	273,994,520,400	273,994,520,400	-	-
- Unlisted bonds issued by credit institutions	518,368,493,000	518,368,493,000	-	-
- Certificates of deposit	30,333,375,991	30,333,375,991	-	-
<i>Categorised as loans and receivables:</i>				
▪ Cash and cash equivalents (i)	2,002,160,996,703	2,002,160,996,703	1,537,490,849,303	1,537,490,849,303
▪ Held-to-maturity investments – short-term (i)	12,389,822,515,145	12,389,822,515,145	11,487,895,656,847	11,487,895,656,847
▪ Loans receivables – net (i)	17,223,228,571,999	17,223,228,571,999	8,572,283,287,280	8,572,283,287,280
▪ Receivables – net (i)	1,659,830,619,602	1,659,830,619,602	1,017,140,529,429	1,017,140,529,429
▪ Receivables from services rendered (i)	6,822,043,050	6,822,043,050	4,955,255,753	4,955,255,753
▪ Other receivables (i)	100,892,323,931	100,892,323,931	5,174,446,483	5,174,446,483
▪ Other current assets (i)	577,126	577,126	32,308,056,528	32,308,056,528
▪ Long-term deposits, collaterals and pledges	6,480,263,100	(*)	7,060,962,100	(*)
▪ Deposits at Settlement Support Funds	20,000,000,000	(*)	20,000,000,000	(*)
▪ Other non-current assets	15,055,038,292	(*)	15,024,973,868	(*)
<i>Categorised as available-for-sale financial assets:</i>				
▪ Investments	-	-	51,400,000,000	(*)

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

	31/12/2025		1/1/2025	
	Carrying amount VND	Fair value VND	Carrying amount VND	Fair value VND
Financial liabilities				
<i>Categorised as financial liabilities recognised at FVTPL:</i>				
▪ Covered warrants payables	(517,136,779,000)	(517,136,779,000)	(164,257,748,000)	(164,257,748,000)
<i>Categorised as financial liabilities at amortised cost:</i>				
▪ Short-term borrowings (i)	(23,173,380,000,000)	(23,173,380,000,000)	(16,403,200,000,000)	(16,403,200,000,000)
▪ Accounts payable for securities trading activities and VSDC (i)	(10,003,860,643)	(10,003,860,643)	(6,742,323,633)	(6,742,323,633)
▪ Accounts payable to suppliers (i)	(122,835,907,749)	(122,835,907,749)	(78,256,907,275)	(78,256,907,275)
▪ Accrued expenses (i)	(57,655,170,088)	(57,655,170,088)	(34,167,325,968)	(34,167,325,968)
▪ Other short-term payables (i)	(6,820,961,477)	(6,820,961,477)	(7,236,842,091)	(7,236,842,091)
▪ Long-term bonds issued	(200,000,000,000)	(*)	-	-
▪ Other long-term payables	(13,000,000)	(*)	(13,000,000)	(*)

(i) The fair value of these financial assets and financial liabilities are assumed to be equal to their carrying amount because these financial assets and financial liabilities are short-term.

(*) ACBS has not determined fair values of these financial instruments for disclosure in the consolidated financial statements because information about their market prices is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular 210, Circular 334 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting. The fair values of these financial instruments may differ from their carrying amounts.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

5. Cash and cash equivalents

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cash in banks	1,637,517,881,216	376,120,795,819
Cash for clearing and settlement	336,643,115,487	21,356,174,966
Cash equivalents (i)	28,000,000,000	1,140,013,878,518
	<u>2,002,160,996,703</u>	<u>1,537,490,849,303</u>

- (i) As at 31 December 2025, with original term to maturity of not exceeding 3 months earned annual interest rates of 4.75% (1/1/2025: from 4.40% to 4.75%).

6. Volume and value of transactions during the year

	2025		2024	
	Volume of transactions	Value of transactions VND	Volume of transactions	Value of transactions VND
a) The Company				
Shares	2,907,940,851	26,635,439,959,100	1,265,296,263	15,349,848,774,100
Bonds	1,312,530,000	156,740,225,135,000	704,798,400	79,209,719,381,700
Other securities	44,389	6,160,398,260,000	62,796	8,198,486,990,000
b) Investors/customers				
Shares	16,541,534,256	322,047,163,511,814	12,007,195,382	264,230,578,596,195
Bonds	900,595	39,738,050,052,277	30,690	3,514,967,801
Other securities	273,334	45,778,784,920,000	226,776	29,048,669,450,000
	<u>20,763,223,425</u>	<u>597,100,061,838,191</u>	<u>13,977,610,307</u>	<u>396,040,818,159,796</u>



ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

7. Financial assets

(a) Financial assets at fair value through profit or loss (“FVTPL”)

	31/12/2025		Revaluation difference as at 31 December 2025		
	Cost VND (1)	Fair value VND (2)	Gains VND (3) = (2) – (1)	Loss VND (4) = (1) – (2)	Revalued amount VND (5) = (1) + (3) – (4)
Listed shares and shares trading on the UPCOM	2,278,825,175,029	2,195,265,682,155	70,064,769,833	153,624,262,707	2,195,265,682,155
Unlisted and unregistered shares	21,418,230,909	21,418,676,701	853,918	408,126	21,418,676,701
Underlying assets hedge for covered warrants issued	1,863,356,858,023	1,952,561,324,000	121,605,671,084	32,401,205,107	1,952,561,324,000
Unlisted corporate bonds (i)	270,000,000,000	273,994,520,400	3,994,520,400	-	273,994,520,400
Unlisted bonds issued by credit institutions (i)	500,000,000,000	518,368,493,000	18,368,493,000	-	518,368,493,000
Certificates of deposit	30,333,375,991	30,333,375,991	-	-	30,333,375,991
	4,963,933,639,952	4,991,942,072,247	214,034,308,235	186,025,875,940	4,991,942,072,247
	1/1/2025		Revaluation difference as at 1 January 2025		
	Cost VND (1)	Fair value VND (2)	Gains VND (3) = (2) – (1)	Loss VND (4) = (1) – (2)	Revalued amount VND (5) = (1) + (3) – (4)
Listed shares and shares trading on the UPCOM	2,483,564,690,997	2,411,349,014,045	67,350,701,962	139,566,378,914	2,411,349,014,045
Unlisted and unregistered shares	7,021,290,909	7,021,736,701	853,918	408,126	7,021,736,701
Underlying assets hedge for covered warrants issued	696,758,565,055	708,121,215,000	19,732,794,470	8,370,144,525	708,121,215,000
	3,187,344,546,961	3,126,491,965,746	87,084,350,350	147,936,931,565	3,126,491,965,746

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

- (i) Included in financial assets at fair value through profit or loss (“FVTPL”) as at 31 December 2025 were VND270,000 million of par value in unlisted corporate bonds and VND500,000 million of par value in unlisted bonds issued by credit institutions (1/1/2025: nil), which were pledged at banks to secure short-term loans of the Company (Note 20).

(b) Held-to-maturity investments

	31/12/2025		1/1/2025	
	Cost VND	Allowance VND	Cost VND	Allowance VND
Term deposits at banks (i)	11,547,272,515,145	-	11,269,270,656,847	-
Term deposits at banks – Warrants (ii)	842,550,000,000	-	218,625,000,000	-
	<u>12,389,822,515,145</u>	<u>-</u>	<u>11,487,895,656,847</u>	<u>-</u>

- (i) As at 31 December 2025, term deposits at banks represent term deposits in Vietnam Dong with original terms to maturity more than 3 months and remaining terms to maturity from 1 month to 9 months from the end of the annual accounting period and earn annual interest rates ranging from 3.50% to 7.90% (1/1/2025: from 3.30% to 9.00%).

Included in term deposits at banks as at 31 December 2025 was VND10,806,973 million (1/1/2025: VND11,268,896 million), which were pledged at banks to secure short-term loans of the Company (Note 20).

- (ii) As at 31 December 2025, the balance reflects the Vietnam Dong deposit placed at the custodian bank (Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam) to secure payments for the Company's issued covered warrants, with remaining terms to maturity from 2 months to 10 months at the end of the annual accounting period and earning annual interest rates ranging from 4.80% to 5.80% (1/1/2025: from 4.20% to 5.10%).

(c) Loans receivables

	31/12/2025		1/1/2025	
	Cost VND	Carrying amount/ Fair value VND	Cost VND	Carrying amount/ Fair value VND
Margin loans (i)	17,195,059,799,722	17,077,583,822,825	8,556,899,945,896	8,439,423,964,289
Advances to customers for the proceeds from selling securities (ii)	145,644,749,174	145,644,749,174	132,859,322,991	132,859,322,991
	<u>17,340,704,548,896</u>	<u>17,223,228,571,999</u>	<u>8,689,759,268,887</u>	<u>8,572,283,287,280</u>

- (i) The fair value of these loans is considered approximately the recoverable amount for impairment of loans overdue for more than 3 years.
- (ii) The fair value of these advances is considered approximately their carrying amount because these advances are short-term.

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

8. Allowance for diminution in value of financial assets and pledge assets

	31/12/2025		1/1/2025	
	Cost VND	Allowance VND	Cost VND	Allowance VND
Margin loans	117,476,188,907	117,475,976,897	117,476,188,907	117,475,981,607
	As at 31/12/2025		Allowance	Allowance
	Cost	Recoverable	as at	reversed
	VND	amount	1/1/2025	during the year
		VND	VND	VND
		(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Margin loans	117,476,188,907	212,010	117,475,981,607	(4,710)
	As at 1/1/2025		Allowance	Allowance
	Cost	Recoverable	as at	made during
	VND	amount	1/1/2024	the year
		VND	VND	VND
		(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Margin loans	117,476,188,907	207,300	117,475,881,732	99,875

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

9. Receivables

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Receivables from selling listed securities	1,241,381,966,000	842,275,011,100
Interest receivables on bank deposits other than Asia Commercial Joint Stock Bank (“the Parent Bank”)	269,619,679,785	111,849,691,053
Accrued interest from margin loan transactions	111,505,525,297	54,759,480,729
Interest receivables from the Parent Bank	36,566,891,500	7,467,989,527
Dividend receivables – listed shares	2,100,000,000	2,081,500,000
Others	50,000	5,950,000
	<u>1,661,174,112,582</u>	<u>1,018,439,622,409</u>

10. Short-term prepayment to suppliers

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Advance payments for the purchase and upgrading of software renovation	5,462,383,000	1,981,933,600
Prepayment for office rental	1,232,048,233	-
Office repair and design	57,111,600	78,086,400
Others	2,272,353,514	2,648,314,714
	<u>9,023,896,347</u>	<u>4,708,334,714</u>

11. Receivables from services rendered

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Receivables from brokered services	4,325,289,905	3,257,318,537
Receivables from consulting activities	2,132,000,000	1,189,000,000
Others	364,753,145	508,937,216
	<u>6,822,043,050</u>	<u>4,955,255,753</u>

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

12. Other receivables

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Receivables from purchase of fund certificates (i)	100,000,000,000	-
Others receivables	892,323,931	5,174,446,483
	<u>100,892,323,931</u>	<u>5,174,446,483</u>

- (i) The outstanding balance related to the purchase of fund certificates of 2 growth investment funds which were the ACBC Active Growth Fund (“ACBC-AGF”) and the ACBC Balanced Growth Fund (“ACBC-BGF”). As of 31 December 2025, both funds were in the process of conducting their initial public offering of fund certificates. The certificates of registration for the establishment of these public funds were issued by the State Securities Commission on 8 January 2026.

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

13. Allowance for diminution in value of account receivables

	31/12/2025		1/1/2025	
	Cost VND	Allowance VND	Cost VND	Allowance VND
Account receivables	1,447,092,980	1,343,492,980	1,299,092,980	1,299,092,980
<hr/>				
	As at 31/12/2025		Allowance as at 1/1/2025 VND (2)	Allowance made during the year VND (3) = (1) - (2)
	Cost VND	Recoverable amount VND		
Account receivables	1,447,092,980	103,600,000	1,299,092,980	44,400,000
<hr/>				
	As at 1/1/2025		Allowance as at 1/1/2024 VND (2)	Allowance made during the year VND (3) = (1) - (2)
	Cost VND	Recoverable amount VND		
Account receivables	1,299,092,980	-	1,299,092,980	-

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

14. Prepaid expenses

(a) Short-term prepaid expenses

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Software expenses	8,352,536,441	8,917,517,071
Server system expenses	226,080,000	13,043,172,700
Others	18,925,796,145	3,357,576,121
	<u>27,504,412,586</u>	<u>25,318,265,892</u>

(b) Long-term prepaid expenses

	Tools and equipment VND	Office renovation VND	Others VND	Total VND
Opening balance	9,587,219,849	34,540,171,072	5,586,844,316	49,714,235,237
Additions	3,234,692,664	7,346,913,182	9,935,665,705	20,517,271,551
Amortisation during the year	(5,338,316,064)	(17,692,233,192)	(4,926,136,414)	(27,956,685,670)
Closing balance	<u>7,483,596,449</u>	<u>24,194,851,062</u>	<u>10,596,373,607</u>	<u>42,274,821,118</u>

15. Other current assets

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Deposit for trading derivatives (i)	-	32,307,058,399
Other receivables	577,126	998,129
	<u>577,126</u>	<u>32,308,056,528</u>

- (i) According to Decision No. 96/QĐ-VSD dated 23 March 2017 issued by Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (“VSDC”), the Company is required deposit cash or securities and ensure that the cash deposit ratio at all times is not lower than the minimum ratio prescribed by VSDC.

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

16. Tangible fixed assets

	Building VND	Machinery and equipment VND	Motor vehicle VND	Management equipment VND	Other tangible fixed assets VND	Total VND
Cost						
Opening balance	70,322,893,712	2,363,322,902	4,589,655,636	83,856,644,253	5,615,752,859	166,748,269,362
Additions	-	41,189,500	1,897,600,920	16,401,081,500	301,595,323	18,641,467,243
Disposals	-	-	-	(30,698,800)	-	(30,698,800)
Written-off	-	(72,785,220)	-	(387,667,224)	(137,500,000)	(597,952,444)
Closing balance	70,322,893,712	2,331,727,182	6,487,256,556	99,839,359,729	5,779,848,182	184,761,085,361
Accumulated depreciation						
Opening balance	41,311,983,142	2,363,322,902	3,009,603,025	60,694,368,013	3,416,494,645	110,795,771,727
Charge for the year	3,372,910,920	6,864,918	902,182,684	12,513,640,424	1,240,856,802	18,036,455,748
Disposals	-	-	-	(20,025,730)	-	(20,025,730)
Written-off	-	(72,785,220)	-	(387,667,224)	(137,500,000)	(597,952,444)
Closing balance	44,684,894,062	2,297,402,600	3,911,785,709	72,800,315,483	4,519,851,447	128,214,249,301
Net book value						
Opening balance	29,010,910,570	-	1,580,052,611	23,162,276,240	2,199,258,214	55,952,497,635
Closing balance	25,637,999,650	34,324,582	2,575,470,847	27,039,044,246	1,259,996,735	56,546,836,060

Included in tangible fixed assets were assets costing VND63,683 million which were fully depreciated as at 31 December 2025, but which are still in use (1/1/2025: VND29,230 million).



ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

17. Intangible fixed assets

	Software VND	Others VND	Total VND
Cost			
Opening balance	79,159,698,611	724,000,000	79,883,698,611
Additions	1,468,270,000	-	1,468,270,000
Transfer from construction in progress (Note 18)	5,209,018,260	1,165,290,000	6,374,308,260
Closing balance	85,836,986,871	1,889,290,000	87,726,276,871
Accumulated depreciation			
Opening balance	53,308,849,229	700,410,389	54,009,259,618
Charge for the year	7,806,703,498	61,137,844	7,867,841,342
Closing balance	61,115,552,727	761,548,233	61,877,100,960
Net book value			
Opening balance	25,850,849,382	23,589,611	25,874,438,993
Closing balance	24,721,434,144	1,127,741,767	25,849,175,911

Included in intangible fixed assets were assets costing VND45,626 million which were fully amortised as at 31 December 2025, but which are still in use (1/1/2025: VND45,028 million).

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

18. Construction in progress

	2025 VND	2024 VND
Opening balance	1,014,000,000	6,965,640,000
Additions during the year	10,480,570,373	22,268,657,344
Transfer to prepaid expenses	-	(7,009,370,027)
Transfer to tangible fixed assets	-	(7,877,159,317)
Transfer to intangible fixed assets (Note 17)	(6,374,308,260)	(13,333,768,000)
Closing balance	5,120,262,113	1,014,000,000

Construction in progress as at 31 December 2025 and 1 January 2025 represents the cost of software upgrade and installation that has not been completed.

19. Deposits at Settlement Support Fund and other non-current assets

(a) Deposit at Settlement Support Fund

According to Decision No. 45/QD-VSD dated 22 May 2014 issued by the VSDC, the Company is required to deposit an initial amount of VND120 million at the VSDC and an annual contribution of 0.01% of the total value of brokered securities, which are listed and registered for transactions in the Stock Exchanges, in the previous year with the maximum of annual contribution of VND2,500 million to Settlement Support Fund.

Movements of deposits at Settlement Support Fund during the year were as follows:

	2025 VND	2024 VND
Opening balance	20,000,000,000	20,000,000,000
Interest incurred	1,201,280,125	989,446,523
Interest received	(1,201,280,125)	(989,446,523)
Closing balance	20,000,000,000	20,000,000,000

(b) Other non-current assets

According to Decision No. 97/QD-VSD dated 23 March 2017 issued by the VSDC on regulations on management and use of clearing fund for derivative securities activities, the Company is responsible for contributing to Clearing Fund in cash or securities. The minimum contribution rate in cash is 80% of the total value of assets contributed to Clearing Fund. The initial minimum contribution is VND10 billion for direct clearing members, VND15 billion for general clearing members. As at 31 December 2025 and 1 January 2025, the Company has fully contributed the minimum contribution.

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

20. Short-term borrowings

The borrowings are made for the purpose of supplementing working capital for the Company's business activities. Movements of short-term borrowings during the year were as follows:

	Annual interest rate	1/1/2025 VND	Receipts VND	Payments VND	31/12/2025 VND
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (i)	3.80%-7.50%	5,647,200,000,000	16,870,000,000,000	(18,461,200,000,000)	4,056,000,000,000
Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank (i)	5.80%-7.80%	-	3,970,000,000,000	(770,000,000,000)	3,200,000,000,000
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (i)	5.40%-8.60%	1,000,000,000,000	4,635,000,000,000	(2,660,000,000,000)	2,975,000,000,000
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (i)	3.60%-6.60%	1,129,500,000,000	6,568,500,000,000	(4,978,500,000,000)	2,719,500,000,000
Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (i)	4.40%-8.20%	2,985,000,000,000	7,635,000,000,000	(8,991,000,000,000)	1,629,000,000,000
Military Commercial Joint Stock Bank	5.30%-8.50%	500,000,000,000	7,079,000,000,000	(6,399,000,000,000)	1,180,000,000,000
Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank	5.80%-8.40%	600,000,000,000	5,909,000,000,000	(5,539,000,000,000)	970,000,000,000
Indovina Bank Limited (i)	4.50%-6.60%	632,500,000,000	3,565,200,000,000	(3,413,700,000,000)	784,000,000,000
Cathay United Bank – Ho Chi Minh City Branch	5.80%-7.05%	200,000,000,000	782,880,000,000	(200,000,000,000)	782,880,000,000
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank	5.60%-7.20%	200,000,000,000	1,784,000,000,000	(1,284,000,000,000)	700,000,000,000
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (i)	3.50%-4.50%	996,000,000,000	2,486,300,000,000	(2,792,300,000,000)	690,000,000,000
Prosperity and Growth Commercial Joint Stock Bank (i)	4.70%-5.00%	600,000,000,000	1,200,000,000,000	(1,200,000,000,000)	600,000,000,000
Shinhan Bank Vietnam Limited (i)	3.80%-4.50%	-	1,750,000,000,000	(1,250,000,000,000)	500,000,000,000
Woori Bank Vietnam Limited (i)	3.90%-4.03%	492,000,000,000	984,000,000,000	(984,000,000,000)	492,000,000,000
An Binh Commercial Joint Stock Bank (i)	5.20%-8.10%	132,000,000,000	1,280,000,000,000	(1,022,000,000,000)	390,000,000,000
MB Shinsei Finance Limited Liability Company (Mcredit)	5.10%-7.50%	240,000,000,000	1,440,000,000,000	(1,320,000,000,000)	360,000,000,000
Public Bank Vietnam Limited (i)	4.70%-5.30%	60,000,000,000	750,000,000,000	(460,000,000,000)	350,000,000,000
Viet Capital Commercial Joint Stock Bank (i)	6.00%-8.50%	250,000,000,000	490,000,000,000	(495,000,000,000)	245,000,000,000
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank	4.40%-6.50%	639,000,000,000	1,350,000,000,000	(1,789,000,000,000)	200,000,000,000
Others (i)	4.70%-7.50%	100,000,000,000	5,368,000,000,000	(5,118,000,000,000)	350,000,000,000
		16,403,200,000,000	75,896,880,000,000	(69,126,700,000,000)	23,173,380,000,000

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

- (i) As at 31 December 2025, these borrowings were secured by unlisted corporate bonds with a par value of VND270,000 million, unlisted bonds issued by credit institutions with a par value of VND500,000 million (1/1/2025: nil) (Note 7(a)) and term deposits with total amount of VND10,806,973 million (1/1/2025: VND11,268,896 million) (Note 7(b)).

21. Accounts payable for securities trading activities

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Payable to Securities Exchanges and VSDC	10,003,860,643	6,742,323,633
Covered warrants payable (i)	517,136,779,000	164,257,748,000
	527,140,639,643	171,000,071,633

- (i) As at 31 December 2025 and 1 January 2025, the number of covered warrants issued by the Company were as follows:

Code	31/12/2025		1/1/2025	
	Allowed to issue	Circulated	Allowed to issue	Circulated
CHPG2518	31,900,000	30,591,900	-	-
CFPT2513	26,700,000	22,672,000	-	-
CMWG2511	27,600,000	18,334,300	-	-
CMWG2520	17,000,000	15,278,200	-	-
CVIB2504	16,600,000	14,185,500	-	-
CFPT2404	-	-	12,000,000	11,997,900
CTCB2403	-	-	12,000,000	10,300,100
CMBB2402	-	-	11,000,000	9,927,500
CMWG2401	-	-	10,000,000	9,881,500
Others	251,400,000	118,189,800	160,000,000	71,238,300
	371,200,000	219,251,700	205,000,000	113,345,300

22. Accounts payable to suppliers

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Payable for buying financial assets	104,383,972,000	74,808,027,000
Other payables to suppliers	18,451,935,749	3,448,880,275
	122,835,907,749	78,256,907,275



ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

23. Taxes and other receivables or payables to State Treasury

2025	1/1/2025 VND	Incurred VND	Paid VND	Net-off VND	31/12/2025 VND
Corporate income tax	33,293,523,085	235,910,711,706	(120,957,326,393)	-	148,246,908,398
Personal income tax	3,516,248,240	36,924,082,588	(35,383,580,124)	-	5,056,750,704
Investors' income tax	21,686,010,958	224,085,398,303	(212,065,341,937)	-	33,706,067,324
Value added tax	347,995,030	2,277,361,907	(1,626,617,531)	(334,846,792)	663,892,614
Other taxes	977,762,431	19,790,873,439	(19,665,394,683)	-	1,103,241,187
	59,821,539,744	518,988,427,943	(389,698,260,668)	(334,846,792)	188,776,860,227
2024	1/1/2024 VND	Incurred VND	Paid VND	Net-off VND	31/12/2024 VND
Corporate income tax	18,674,061,676	163,605,796,577	(148,986,335,168)	-	33,293,523,085
Personal income tax	3,523,434,861	30,378,366,583	(30,385,553,204)	-	3,516,248,240
Investors' income tax	14,092,040,967	204,679,366,043	(197,085,396,052)	-	21,686,010,958
Value added tax	268,335,132	668,641,372	(345,475,884)	(243,505,590)	347,995,030
Other taxes	981,452,930	26,198,982,251	(26,202,672,750)	-	977,762,431
	37,539,325,566	425,531,152,826	(403,005,433,058)	(243,505,590)	59,821,539,744

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

24. Accrued expenses

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Interest expenses	55,592,059,455	28,222,644,109
Others	2,063,110,633	5,944,681,859
	<u>57,655,170,088</u>	<u>34,167,325,968</u>

25. Long-term bonds issued

Bond code	Currency	Annual interest rate		31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Bonds issued at par value					
ASS12501 (i)	VND	6.5%	2027	200,000,000,000	-
Bonds maturing within 12 months				-	-
Bonds maturing after 12 months				200,000,000,000	-

(i) These bonds were non-convertible, had no warrants, and were unsecured.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

26. Contributed capital

The Company's authorised and contributed charter capital were as follows:

	31/12/2025 Authorised and contributed charter capital		1/1/2025 Authorised and contributed charter capital	
	VND	%	VND	%
Asia Commercial Joint Stock Bank ("the Parent Bank")	11,000,000,000,000	100%	7,000,000,000,000	100%

Movements in contributed charter capital during the year were as follows:

	2025 VND	2024 VND
Opening balance	7,000,000,000,000	4,000,000,000,000
Contributed capital by cash from the Parent Bank	4,000,000,000,000	3,000,000,000,000
Closing balance	<u>11,000,000,000,000</u>	<u>7,000,000,000,000</u>

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

27. Off-statement of financial position items

(a) Valuable paper custodied (Quantity)

	31/12/2025	1/1/2025
Shares	3,850,094	3,850,094
Bonds	200,000	200,000
	<u>4,050,094</u>	<u>4,050,094</u>

(b) Listed/registered financial assets at VSDC of the Company and Subsidiary

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Freely traded financial assets	1,589,541,475,000	1,269,075,260,000
Financial assets waiting for settlement	1,052,805,730,000	781,698,520,000
Financial assets traded as collateral	270,000,000,000	-
	<u>2,912,347,205,000</u>	<u>2,050,773,780,000</u>

(c) The Company and Subsidiary's financial assets in transit

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Shares	21,594,920,000	23,623,000,000
Warrants	13,527,655,000	10,194,180,000
	<u>35,122,575,000</u>	<u>33,817,180,000</u>

(d) Investors' deposits for securities transactions managed by the Company

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Domestic investors' cash deposits managed by the Company for securities transactions	717,130,118,072	686,147,194,499
Foreign investors' cash deposits managed by the Company for securities transactions	10,486	10,499
	<u>717,130,128,558</u>	<u>686,147,204,998</u>



ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

28. Revenue from operating activities

(a) Gains/(losses) from sales of financial assets at FVTPL

2025	Quantity	Proceeds VND	Weighted average cost at the end of the trading day VND	Gains/(losses) from sales of securities in the current year VND	Gains/(losses) from sales of securities in the prior year VND
Shares	319,395,051	10,867,192,727,100	10,375,974,741,000	491,217,986,100	219,770,328,080
Bonds	656,265,000	78,368,371,670,000	78,371,853,465,000	(3,481,795,000)	(6,032,670,100)
Certificates of deposit				5,570,124,313	300,000
Gains from selling underlying securities				493,306,315,413	213,737,957,980
Losses from trading derivatives – future contracts				(47,293,051,000)	(1,777,450,000)
Losses when buying back warrants issued by the Company				(225,282,559,667)	(27,251,028,575)
Gains from matured covered warrants issued by the Company				21,228,941,194	2,761,732,400
				<hr/>	<hr/>
				241,959,645,940	187,471,211,805
				<hr/>	<hr/>
<i>In which:</i>					
Gains from the sale of financial assets at FVTPL				866,878,017,961	473,813,091,216
Losses from the sale of financial assets at FVTPL				(624,918,372,021)	(286,341,879,411)
				<hr/>	<hr/>

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

28. Revenue from operating activities (continued)

(a) Gains/(losses) from sales of financial assets at FVTPL (continued)

2024	Quantity	Proceeds VND	Weighted average cost at the end of the trading day VND	Gains/(losses) from sales of securities in the current year VND	Gains/(losses) from sales of securities in the prior year VND
Shares	250,749,842	7,673,914,137,250	7,454,143,809,170	219,770,328,080	109,080,139,065
Bonds	352,399,200	39,601,843,355,800	39,607,876,025,900	(6,032,670,100)	610,500,000
ETF fund certificates	-	-	-	-	(350,000)
Certificates of deposit	-	-	-	300,000	180,207,978
Gains from selling underlying securities				213,737,957,980	109,870,497,043
(Losses)/gains from trading derivatives – future contracts				(1,777,450,000)	995,130,000
Losses when buying back warrants issued by the Company				(27,251,028,575)	(23,898,299,471)
Gains from matured covered warrants issued by the Company				2,761,732,400	10,853,068,592
				<hr/>	
				187,471,211,805	97,820,396,164
				<hr/>	
<i>In which:</i>					
Gains from the sale of financial assets at FVTPL				473,813,091,216	230,458,744,012
Losses from the sale of financial assets at FVTPL				(286,341,879,411)	(132,638,347,848)
				<hr/>	

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

28. Revenue from operating activities (continued)

(b) Gains/(losses) from revaluation of financial assets at FVTPL and outstanding covered warrants payables

2025	Cost as at 31/12/2025 VND	Fair value/ market price as at 31/12/2025 VND	Revaluation gains/(losses) differences as at 31/12/2025 VND	Revaluation gains/(losses) differences as at 1/1/2025 VND	Revaluation gains/(losses) differences during the year VND
Financial assets recognised at FVTPL					
Listed shares and traded shares on UPCOM	2,278,825,175,029	2,195,265,682,155	(83,559,492,874)	(72,215,676,952)	(11,343,815,922)
Unlisted shares and unregistered for trading	21,418,230,909	21,418,676,701	445,792	445,792	-
Underlying assets hedge for covered warrants	1,863,356,858,023	1,952,561,324,000	89,204,465,977	11,362,649,945	77,841,816,032
Unlisted corporate bonds	270,000,000,000	273,994,520,400	3,994,520,400	-	3,994,520,400
Unlisted bonds issued by credit institutions	500,000,000,000	518,368,493,000	18,368,493,000	-	18,368,493,000
Certificates of deposit	30,333,375,991	30,333,375,991	-	-	-
	<u>4,963,933,639,952</u>	<u>4,991,942,072,247</u>	<u>28,008,432,295</u>	<u>(60,852,581,215)</u>	<u>88,861,013,510</u>
<i>In which:</i>					
Unrealised gains from revaluation of financial assets at FVTPL					1,185,700,350,588
Unrealised losses from revaluation of financial assets at FVTPL					(1,096,839,337,078)
Outstanding covered warrants payables	<u>532,476,586,410</u>	<u>517,136,779,000</u>	<u>15,339,807,410</u>	<u>22,235,419,050</u>	<u>(6,895,611,640)</u>
<i>In which:</i>					
Unrealised gain from revaluation of outstanding covered warrants payables					47,004,336,458
Unrealised losses from revaluation of outstanding covered warrants payables					(53,899,948,098)

59

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(b) Gains/(losses) from revaluation of financial assets at FVTPL and outstanding covered warrants payables (continued)

2024	Cost as at 31/12/2024 VND	Fair value/ market price as at 31/12/2024 VND	Revaluation gains/(losses) differences as at 31/12/2024 VND	Revaluation gains/(losses) differences as at 1/1/2024 VND	Revaluation gain differences during the year VND
Financial assets recognised at FVTPL					
Listed shares and traded shares on UPCOM	2,483,564,690,997	2,411,349,014,045	(72,215,676,952)	(113,243,317,865)	41,027,640,913
Unlisted shares and unregistered for trading	7,021,290,909	7,021,736,701	445,792	445,792	-
Underlying assets hedge for covered warrants	696,758,565,055	708,121,215,000	11,362,649,945	(14,120,353,424)	25,483,003,369
	<u>3,187,344,546,961</u>	<u>3,126,491,965,746</u>	<u>(60,852,581,215)</u>	<u>(127,363,225,497)</u>	<u>66,510,644,282</u>
<i>In which:</i>					
Unrealised gains from revaluation of financial assets at FVTPL					538,069,001,254
Unrealised losses from revaluation of financial assets at FVTPL					<u>(471,558,356,972)</u>
Outstanding covered warrants payables	<u>186,493,167,050</u>	<u>164,257,748,000</u>	<u>22,235,419,050</u>	<u>(65,479,831,900)</u>	<u>(43,244,412,850)</u>
<i>In which:</i>					
Unrealised gains from revaluation of outstanding covered warrants					(37,744,019,501)
Unrealised losses from revaluation of outstanding covered warrants					<u>(5,500,393,349)</u>



ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

28. Revenue from operating activities (continued)

(c) Dividend, interest income from financial assets at FVTPL, held to maturity investments, loans and receivables

	2025 VND	2024 VND
From financial assets at FVTPL	95,490,571,607	110,841,928,663
▪ <i>Income from term deposits</i>	20,868,181,504	86,403,367,663
▪ <i>Dividends and interests arising from financial assets at FVTPL</i>	61,307,321,500	24,438,561,000
▪ <i>Bond interest</i>	13,315,068,603	-
From held to maturity investments	784,559,658,308	401,341,325,347
From loans and receivables	1,171,228,688,741	658,935,441,667
▪ <i>Income from margin loans</i>	1,140,512,498,407	644,511,301,790
▪ <i>Income from advances to customers for the proceeds from selling securities</i>	10,357,178,554	6,152,575,066
▪ <i>Income from margin loan extension</i>	20,359,011,780	8,271,564,811
	2,051,278,918,656	1,171,118,695,677

(d) Revenue other than income from financial assets

	2025 VND	2024 VND
Revenue from securities brokerage	440,052,880,346	373,059,934,256
Revenue from securities custody	12,647,088,845	10,542,079,104
Revenue from financial advisory services	3,313,741,446	1,112,727,272
Other operating income	6,843,782,738	4,428,525,053
	462,857,493,375	389,143,265,685

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

29. Allowance expenses for financial assets, impairment of doubtful debts, and impairment loss of financial assets and borrowings costs of loans

	2025 VND	2024 VND
Allowance (reversed)/made for diminution in value of financial assets and collaterals (Note 8)	(4,710)	99,875
Interest expenses	998,983,116,392	440,005,715,313
Others	1,948,406,131	7,065,636
	1,000,931,517,813	440,012,880,824

30. Expenses for securities brokerage

	2025 VND	2024 VND
Employee costs	132,790,419,608	112,359,650,489
Securities brokerage fees	99,820,381,318	78,406,058,551
Outside services	61,318,465,589	41,440,911,446
Depreciation and amortisation of fixed assets	17,273,072,306	15,703,881,411
Others	36,664,088,297	41,409,979,435
	347,866,427,118	289,320,481,332

31. General and administration expenses

	2025 VND	2024 VND
Salary expenses	117,675,098,690	92,935,386,996
Outside services	41,555,152,285	40,666,813,277
Depreciation and amortisation of fixed assets	7,976,918,592	6,748,109,490
Non-deductible value added tax	4,569,111,057	4,019,768,044
Office stationery expenses	3,260,360,229	3,513,147,375
Others	9,618,607,124	8,163,140,722
	184,655,247,977	156,046,365,904

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

32. Corporate income tax expenses

(a) Recognised in the consolidated statement of income

	2025 VND	2024 VND
Current tax expense		
Current year	235,910,711,706	163,605,796,577
Deferred tax expense		
Originations and reversals of temporary differences	50,967,818	59,433,446
	<hr/>	<hr/>
Income tax expense	235,961,679,524	163,665,230,023

(b) Reconciliation of effective tax rate

	2025 VND	2024 VND
Accounting profit before tax	1,253,947,218,662	846,681,801,064
	<hr/>	<hr/>
Tax at the Company's tax rate	250,789,443,732	169,336,360,213
Adjustments due to consolidated financial statements	(2,697,220,457)	(859,445,200)
Non-taxable income	(12,261,464,300)	(4,887,712,200)
Non-deductible expenses	130,920,549	76,027,210
	<hr/>	<hr/>
Income tax expense	235,961,679,524	163,665,230,023

(c) Applicable tax rates

The corporate income tax rate for the Company and its subsidiary is 20%. The income tax computation is subjected to the review and approval of the tax authorities.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

33. Significant transactions with related parties

The Company had the following principal transactions with related parties during the year as follows:

	2025 VND	2024 VND
Asia Commercial Joint Stock Bank – The Parent bank		
Contributed capital received	4,000,000,000,000	3,000,000,000,000
Interest income from bank deposits	104,658,196,101	70,750,890,390
Office rental, utilities paid	903,020,138	1,101,575,158
Revenue from advisory service activities	900,000,000	-
Rental income	840,000,000	798,000,000
Brokerage revenue	22,558,889	7,069,662
Other expenses	73,058,140	84,188,870
	<hr/>	<hr/>
Board of Members, Supervisory Board and General Director		
Salary, bonuses, remuneration, and other benefits	15,591,182,000	16,050,990,660

The Company had the following significant balances with related parties at the end of the annual accounting period:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Asia Commercial Joint Stock Bank – The Parent bank		
Demands deposit at the bank	825,547,497,480	109,039,950,138
Deposits at the bank with original terms are less than 12 months	1,463,187,857,623	1,549,021,797,897
Deposits at the bank with original terms of less than 3 months	28,000,000,000	390,013,878,518
Certificates of deposit	30,333,375,991	-
Interest receivables from bank deposits	36,566,891,500	7,467,989,527
Contributed capital	11,000,000,000	7,000,000,000

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

34. Lease commitments

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were as follows:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Within one year	13,334,530,563	15,260,393,504
Within two to five years	16,166,675,262	30,495,254,058
	<u>29,501,205,825</u>	<u>45,755,647,562</u>

35. Capital expenditure commitments

At the end of the annual accounting period, ACBS had the following outstanding capital commitments approved but not provided for in the consolidated statement of financial position:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Approved and contracted	13,366,524,000	5,250,501,520

36. Comparative information

Comparative information as at 1 January 2025 was derived from the balances and amounts reported in the ACBS's consolidated financial statements as at and for the year ended 31 December 2024.

Prepared by:



Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

2 March 2026

Reviewed by:



Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:


Mr. Nguyen Duc Hoan (*)
General Director

(*) Authorised signature on financial statements according to Letter of Authorisation No. 02/GUQ-ACBS.26 dated 12 February 2026.

ACBS

No: 37.9/CN-ACBS.26

Ho Chi Minh City, March 2, 2025

To: - State Securities Commission of Vietnam;
- Vietnam Exchange;
- Ho Chi Minh City Stock Exchange; and
- Hanoi Stock Exchange.

Re: Explanation for the fluctuation exceeding 10% in profit after tax in the 2025 consolidated financial statements compared to 2024.

ACB Securities Company Limited ("ACBS") hereby provides an explanation for the fluctuation exceeding 10% in Profit after tax of the 2025 consolidated financial statements compared to 2024, as follows:

Unit: VND billion

Financial Statements	Indicator	2025	2024	Increase
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
Consolidated Financial Statement.	Net Profit After Tax	1,017	683	334

Primary reasons for the increase:

- Total operating revenue increased by VND 2,079 billion compared to 2024, driven primarily by a VND 1,494 billion rise in investment income. Additionally, interest income from loans grew by VND 513 billion, while securities brokerage, custody and consulting fees increased by VND 72 billion;
- Operating expenses increased by VND 1,645 billion year-over-year;
- General and administrative expenses increased by VND 28 billion; and
- Corporate income tax expenses increased by VND 72 billion.

As a result of the above factors, ACBS recorded a VND 334 billion increase in net profit after tax in 2025 compared to 2024.

This report is submitted for the consideration of the relevant authorities.

Sincerely,

Recipients:

As listed above; and
Archived by the Administration and Accounting Departments.

Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
T. (84-28) 7300 7000 - F. (84-28) 7300 3751, DVKH 1900 555 533
www.acbs.com.vn


GENERAL DIRECTOR
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN
ACB
P. XUAN HOA - T.P HO CHI MINH

Nguyễn Đức Hoàn

2026

2025

2024

2022

2021

2018

2019

8 Key Initiatives
for **2026**



8.1 Market outlook in 2026

Amid expectations of increasingly uneven growth across sectors in 2026, Vietnam's stock market is projected to revolve around 4 major investment themes.

The first is a new wave of initial public offerings (IPOs) expected during the 2026-2030 period. This trend is being driven by prospects of market reclassification, reforms in IPO procedures, and rising demand for capital mobilization outside the banking system, as Vietnam targets annual GDP growth of nearly 10%. The upcoming IPO cycle is expected to feature a broader range of industries, along with more reasonable valuation levels compared with previous cycles.

The second, the banking sector is expected to remain a key stabilizing pillar of the market. Despite pressure from interest rate conditions and a slowdown in the real estate sector, credit growth is projected to stay robust, net interest margins (NIM) stable, cost efficiency improving, and asset quality under control. Current valuations of bank stocks remain below historical medians, leaving room to attract medium- and long-term capital flows, particularly into leading banks.

The third, public investment over the 2026-2030 period has been identified as a major driver of economic growth. Large-scale capital allocation, a sizable project backlog, and improving disbursement progress are expected to provide a clear medium-term growth foundation for companies in infrastructure development, construction, and building materials.

The fourth theme centers on selective investment in mid- and small-cap stocks. Investment opportunities are seen in companies with genuine profit growth, sound balance sheets, and attractive valuations following recent market corrections.

By sector, banking, infrastructure construction, and construction materials linked to public investment are viewed as particularly promising. Retail is also expected to benefit from sustained consumption growth and market share expansion, alongside companies planning to list subsidiaries. These sectors are considered well positioned to meet multiple criteria, including stable business growth in 2026, benefits from potential market upgrading, attractive valuations, and medium-term upside supported by an extended public investment cycle.

8.2 Business division development plan in 2026

In 2026, ACBS continues to position brokerage services as a strategic pillar, with a strong focus on enhancing advisory quality and customer experience through standardized professional competencies and intensified specialized training. As the market transitions from short-term trading activities toward asset management, ACBS prioritizes the development of a comprehensive advisory model of a specialized financial ecosystem, offering investment solutions tailored to each client's objectives and risk appetite.

At the same time, online securities trading is further promoted through digitalization, targeting active investors with tiered fee structures, flexible margin interest rates, and a stable trading platform. The AI-powered assistant, SMARTY, provides 24/7 advisory support, contributing to improved investment efficiency and stronger client engagement.

In the priority client segment, ACBS is shifting the focus from traditional brokerage services to investment advisory and wealth management. A stable margin lending policy, dedicated portfolio management teams, and integrated financial products help optimize asset value while reinforcing long-term client relationships.

Meanwhile, the capital markets business continues to expand in scale, diversify both domestic and international funding sources, ensure liquidity safety, and enhance capital utilization efficiency in 2026.

8.3 Technology projects in 2026

In 2026, ACBS will accelerate its comprehensive digital transformation on the foundation of a modernized technology infrastructure, **focusing on four key solution areas** to enhance competitiveness and improve customer experience.

1 Upgrading trading platforms and digital services
ACBS will enhance its trading systems with an emphasis on stability and user-friendliness, while expanding digital functionalities. These include the integration of authentication and digital signature solutions via VNeID, enabling customers to complete procedures more quickly and conveniently.

2 Application of AI and Big Data
Artificial intelligence and big data technologies will be deployed to personalize customer interactions and automate operational processes. ACBS will also develop automated trading systems, fraud detection mechanisms, and early warning tools for risk management in margin lending activities.

3 Development of an API (Open Technology Platform)
The Company will finalize an integrated architecture connecting core systems, satellite systems, business intelligence (BI) platforms, and 3rd party partners. This initiative will strengthen data governance, information security, and real-time monitoring capabilities.

4 Research and development of new products and technologies
ACBS will develop a wealth management platform integrated within the ACB ecosystem to support centralized asset management. Resources will be allocated to research and prepare for the application of blockchain technology in alignment with regulatory guidance.

2026



The background image features a hand holding a stack of coins with a small green plant growing on top. Overlaid on this is a financial chart with yellow bars and blue lines, showing various data points and trends. The chart includes several numerical values: 4096.56, 4333.55, 5647.199, and 6001.57. There are also some faint numbers like 1.4564 and 1.564. The overall theme is financial growth and investment.



acbs.com.vn